

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 04 năm 2024

THƯ MỜI

V/v Tham dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024

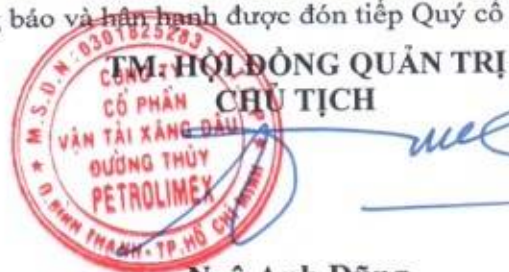
Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex trân trọng thông báo và kính mời Quý vị cổ đông đến dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên (ĐHĐCĐ) năm 2024 được tổ chức vào thời gian và địa điểm như sau:

- Thời gian:** 08 giờ 30, ngày 23 tháng 4 năm 2024
- Địa điểm:** Phòng Saigon (Tầng trệt), Khách sạn Kim đô,
Địa chỉ: 133 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Thành phần tham dự Đại hội:** Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty tại ngày ĐKCC 29/3/2024 theo thông báo của TCT Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam – CN TP.HCM.
- Chương trình và tài liệu đại hội:** Chi tiết nội dung, chương trình, tài liệu, Giấy ủy quyền tham dự đại hội được đăng tải tại Website: www.pjtaco.petrolimex.com.vn/ndt.html
- Nội dung nghị sự (dự kiến) như sau:**
 - Báo cáo của Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động năm 2023; Phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch năm 2024;
 - Báo cáo về kết quả hoạt động giám sát năm 2023; kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban kiểm soát;
 - Báo cáo của Công ty kiểm toán độc lập;
 - Các tờ trình tại đại hội :
 - Các báo cáo tại Đại hội: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2023; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023; Báo cáo của đơn vị Kiểm toán độc lập về Báo cáo tài chính năm 2023;
 - Các tờ trình tại Đại hội: Thông qua BCTC năm 2023; Kế hoạch kinh doanh năm 2024; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023; Quyết toán tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2023 và phương án chi trả tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2024; Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ giữa Công ty với các bên có liên quan; Phương án trả cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu và tăng vốn Điều lệ; Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập năm 2024; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động năm 2022 và các quy chế quy định thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ;
 - Bầu bổ sung thành viên HĐQT/ thành viên HĐQT độc lập;
 - Các nội dung khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ theo kiến nghị của cổ đông/nhóm cổ đông (nếu có).
- Giấy tờ cần thiết khi tham dự Đại hội:**
 - Thư mời tham dự Đại hội hoặc giấy ủy quyền tham dự đại hội (nếu có).
 - Căn cước công dân hoặc hộ chiếu.

Trường hợp có vướng mắc, Quý cổ đông vui lòng liên hệ Ban tổ chức ĐHĐCĐ để hướng dẫn. Email: pjtaco@pjtaco.com.vn; Điện thoại: 028 38991101.

Hội đồng Quản trị Công ty trân trọng thông báo và ~~hân hạnh~~ được đón tiếp Quý cổ đông.



Ngô Anh Dũng

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Thời gian: Khai mạc vào hồi 08 giờ 30 phút, ngày 23 tháng 4 năm 2024

Địa điểm: Hội trường Saigon (Tầng trệt) Khách sạn Kim Đô (Royal Hotel Saigon)
Số 133 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

STT	Thời gian	Nội dung	Thực hiện
1	08h – 08h30	Đón khách và đăng ký cổ đông	
		Đón tiếp đại biểu, cổ đông đăng ký tham dự Đại hội	Ban Tổ chức
		Kiểm tra tư cách cổ đông và nhận tài liệu tham dự Đại hội	
2	08h – 09h	Khai mạc Đại hội	
		Tuyên bố lý do và giới thiệu khách mời, đại biểu	Ban Tổ chức
		Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông	Ban Kiểm tra tư cách CD
		Giới thiệu và biểu quyết thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch	Ban Tổ chức
		Giới thiệu và biểu quyết thông Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu	
		Thông qua chương trình nghị sự Đại hội và phát biểu khai mạc	Chủ tọa
3	09h – 11h	Nội dung Đại hội	
3.1		Trình bày các Báo cáo	
Báo cáo của HĐQT v/v Kết quả hoạt động trong năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024		Chủ tọa	
Báo cáo của BKS v/v Kết quả hoạt động trong năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024		Đại diện BKS	
Báo cáo của đơn vị Kiểm toán độc lập về BCTC năm 2023		Đại diện Kiểm toán độc lập	
3.2	Trình bày các Tờ trình		
Tờ trình của HĐQT v/v một số vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: - Thông qua các BCTC kiểm toán năm 2023; - Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2024;	Tổng Giám đốc		

STT	Thời gian	Nội dung	Thực hiện
		<p>- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận thực hiện 2023;</p> <p>- Phê duyệt quyết toán tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2023 và phương án thực hiện năm 2024</p> <p>- Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHCĐ giữa Công ty với các bên có liên quan.</p>	
		Tờ trình của HĐQT v/v Phương án trả cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu và tăng vốn Điều lệ	Tổng Giám đốc
		Tờ trình của BKS v/v Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024	Trưởng Ban BKS
		Tờ trình của HĐQT v/v sửa đổi, bổ sung một số Điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động năm 2022, Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2022, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022	Tổng Giám đốc
		Tờ trình của HĐQT v/v bầu bổ sung thành viên HĐQT/ thành viên độc lập HĐQT	Chủ tọa
3.3		Bầu thành viên Hội đồng quản trị	
		Thông qua Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên HĐQT	Ban Kiểm phiếu
		Thực hiện bầu thành viên HĐQT	
3.4		Thảo luận và biểu quyết	
		Đại diện khách mời, các cổ đông phát biểu, thảo luận	Chủ tọa
		Biểu quyết thông qua các vấn đề đã trình bày	
		Công bố kết quả kiểm phiếu	Ban Kiểm phiếu
4	11h	Tổng kết Đại hội	
		Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội	Ban Thư ký
		Bế mạc đại hội	Chủ tọa

TM. BAN TỔ CHỨC
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngô Anh Dũng



Tp Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2024

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

V/v Kết quả hoạt động trong năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động (Điều lệ), Quy chế nội bộ về quản trị (Quy chế quản trị) và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (Quy chế hoạt động) Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex (Công ty);

Hội đồng quản trị (HĐQT) xin báo cáo kết quả hoạt động năm 2023 và định hướng hoạt động năm 2024 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên (ĐHĐCĐTN) năm 2024 thông qua với một số nội dung chính như sau:

PHẦN I.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

Năm 2023, Công ty triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều khó khăn thách thức. Xung đột địa chiến chính trị giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, toàn diện hơn. Nhiều chính phủ, tổ chức tài chính và chuyên gia quốc tế đều cảnh báo về nguy cơ suy thoái của nền kinh tế toàn cầu. Các đối tác thương mại lớn của nước ta hầu hết tăng trưởng chậm lại, nợ công tăng cao, tiềm ẩn nhiều rủi ro, tổng cầu thế giới suy giảm, tác động trực tiếp tới các quốc gia có độ mở kinh tế lớn, trong đó có Việt Nam. Trong khi đó, kinh tế Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn nỗ lực phục hồi tăng trưởng sau đại dịch; phải tiếp tục xử lý những tồn tại, yếu kém vốn có của nền kinh tế đã tích tụ từ lâu và trầm trọng hơn do tác động của đại dịch Covid-19 và sự suy giảm kinh tế thế giới cũng như những biến động bất thường của thị trường tài chính - tiền tệ toàn cầu; áp lực lạm phát, giá cả hàng hoá, vật tư, nguyên liệu cho sản xuất tăng cao, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp, ngành, lĩnh vực và đời sống nhân dân.

Thị trường xăng dầu Việt Nam năm 2023 tiếp tục có những diễn biến phức tạp, kéo dài từ năm 2022. Công tác điều hành xăng dầu trong nước của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố như: Tình hình kinh tế thế giới và trong nước hồi phục chậm hơn so với dự báo, tình hình biến động khó lường của thị trường xăng dầu thế giới; Việc điều chỉnh tăng tổng nguồn phân giao tối thiểu cho các doanh nghiệp nhằm đảm bảo nguồn hàng khi nhà máy lọc dầu Nghi Sơn dừng sản xuất trong 55 ngày; Tình hình kinh tế xã hội gặp nhiều khó khăn đã ảnh hưởng đến mức tiêu thụ xăng dầu trong nước.

Vì vậy, trong năm 2023, hoạt động của các doanh nghiệp kinh doanh vận tải xăng dầu nói chung và Công ty nói riêng có nhiều khó khăn và thuận lợi đan xen, tuy nhiên khó khăn vẫn nhiều hơn. Công ty có nhiều tàu già, cũ nên các chi phí bảo hiểm, bảo dưỡng sửa chữa cao, nguồn lực tài chính tích lũy của Công ty chưa đủ để thực hiện mục tiêu đầu tư trẻ hóa

đội tàu. Bên cạnh những khó khăn thì năm 2023 Công ty cũng có 1 số thuận lợi về khách quan như thời tiết ít mưa bão hơn thông lệ hàng năm; Giá nhiên liệu nhìn chung trong năm giảm nhẹ trong khi đó giá cước vận tải điều chỉnh có độ trễ so với biến động giá nhiên liệu;

+ Công ty luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và giúp đỡ của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex, sự đồng hành, chia sẻ của cổ đông, người lao động cùng với những giải pháp đúng đắn, sự chỉ đạo quyết liệt của Ban Lãnh đạo, Công ty đã đạt những kết quả hết sức tích cực;

+ Mọi liên kết lãnh đạo quản lý giữa: Đảng ủy, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty thường xuyên được củng cố vững chắc bằng sự đồng thuận, thống nhất để đạt mục tiêu chung: lãnh đạo Công ty Pjtaco hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ theo Nghị quyết các cấp đề ra;

+ Sự hỗ trợ, phối hợp và tín nhiệm của các đối tác, khách hàng trong và ngoài Petrolimex đối với Công ty Pjtaco là một trong những thuận lợi giúp Công ty vượt qua khó khăn, duy trì thị trường truyền thống và mở rộng hợp tác với một số khách hàng mới ngoài Petrolimex;

+ Các dự án đầu tư tàu trong những năm trở lại đây luôn áp ứng các điều kiện, quy phạm kỹ thuật của các kho cảng theo tiêu chuẩn quốc tế, góp phần củng cố năng lực cạnh tranh đội tàu Pjtaco, đảm bảo an toàn, hiệu quả đầu tư và gia tăng lợi nhuận toàn Công ty;

+ Công ty cơ bản kiểm soát tốt các chi phí và định mức chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023

Căn cứ số liệu kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 của Công ty do BDH cung cấp thể hiện: Công ty đã cơ bản hoàn thành kế hoạch kinh doanh được ĐHCĐTN năm 2023 thông qua, cụ thể như sau:

Sản lượng vận tải ước đạt 104% so với kế hoạch; lợi nhuận sau thuế hoàn thành 101% kế hoạch kinh doanh; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước, đạt 121% kế hoạch; thu nhập bình quân của người lao động đạt 100% kế hoạch đề ra; Đảm bảo an toàn trong hoạt động SXKD trên tất cả các đơn vị tàu vận tải, nhà xưởng.

Trong đó, một số chỉ tiêu chủ yếu đạt được như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2023	Thực hiện năm 2023	% so sánh TH/KH 2023
1	Sản lượng vận tải	1.000 M ³	3.063	3.179	104%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	757,008	722,759	95%
3	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	17,35	24,115	139%
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	23,0	23,41	102%
6	Số lao động bình quân trong năm	Người	374	378	101%
7	Thu nhập tiền lương bình quân	1.000đ/Tháng	15,294	15,159	99%

2. Về công tác tổ chức của HĐQT

Kể từ ngày 21/4/2023, Hội đồng quản trị Công ty chỉ có 06 thành viên HĐQT và chưa có thành viên HĐQT độc lập, trong đó có 3/7 Thành viên HĐQT không điều hành bao gồm các ông, bà có tên dưới đây:

+ Ông Ngô Anh Dũng – Chủ tịch HĐQT, sinh năm 1973, quốc tịch Việt Nam

(*HĐQT bầu ông Ngô Anh Dũng giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT kể từ ngày 01/11/2023*)

+ Ông Nguyễn Tuấn Hưng – Thành viên HĐQT, sinh năm 1985, quốc tịch Việt Nam.

+ Ông Đỗ Văn Long – Phụ trách HĐQT, sinh năm 1962, quốc tịch Việt Nam

(*ĐHĐCĐTN năm 2023 thông qua miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT đối với ông Đỗ Văn Long kể từ ngày 21/4/2023*)

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ngô Anh Dũng	Chủ tịch HĐQT (Thành viên không điều hành)	25/4/2022	
2	Đặng Thị Xuân Hương	TV HĐQT kiêm TGD	05/4/2021	
3	Đàm Trọng Nghĩa	TV HĐQT kiêm PTGD	21/4/2023	
4	Nguyễn Duy Hải	TV HĐQT kiêm PTGD	25/4/2022	
5	Nguyễn Tuấn Hưng	TV HĐQT (Thành viên không điều hành)	05/4/2021	
6	Phan Anh Đức	TV HĐQT (Thành viên không điều hành)	25/4/2022	
7	Đỗ Văn Long	Phụ trách HĐQT (Thành viên không điều hành)	05/4/2021	21/4/2023

3. Công tác hoạt động của HĐQT

Trong năm 2023, HĐQT đã có 10 phiên họp, 02 lần lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua các báo cáo và đề xuất của BDH, ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT thuộc thẩm quyền, bao gồm các hoạt động chủ yếu dưới đây:

- Tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành, trực tiếp triển khai nghị quyết/quyết định của HĐQT đến Ban điều hành thông qua Tổng giám đốc;

- Tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp chuyên đề về xây dựng kế hoạch, giao kế hoạch kinh doanh, triển khai dự án đầu tư, quản lý cơ sở vật chất, đất đai Công ty mẹ/Công ty con, công tác cán bộ, xây dựng và hoàn thiện định mức kinh tế kỹ thuật;

- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành hoạt động kinh doanh thông qua các báo cáo, tờ trình của Ban điều hành gửi HĐQT, các báo cáo của Chủ tịch/Giám đốc Công ty con, báo cáo của Ban Kiểm soát;

- Các hoạt động khác.

Đánh giá chung, HĐQT đã hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ, Luật Doanh nghiệp. HĐQT làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, đoàn kết, hợp tác thực hiện nhiệm vụ một cách cẩn trọng, trung thực vì lợi ích của cổ đông và Công ty.

Các thành viên HĐQT đã thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được phân công, tuân thủ Điều lệ, quy chế, quy định của Công ty; tích cực, chủ động, hợp tác tốt để ban hành các nghị quyết chỉ đạo hoạt động Công ty đúng mục tiêu, định hướng.

4. Công tác xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch năm 2023

Ngay từ đầu năm, HĐQT đã chỉ đạo Ban Điều hành triển khai xây dựng Kế hoạch kinh doanh (KHKD) năm 2023. Sau khi được phê duyệt, HĐQT chỉ đạo sát sao BDH tổ chức họp quán triệt các nội dung có liên quan đến tập thể người lao động, định kỳ giám sát/đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch và kịp thời đề ra các định hướng hoạt động phù hợp.

5. Công tác quyết toán

HĐQT đã chỉ đạo BDH tập trung thực hiện quyết toán năm, đảm bảo chính xác, kịp thời, đúng quy định. Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán độc lập, được BKS thẩm định và được ĐHCĐTN năm 2023 chính thức thông qua.

6. Công tác tổ chức, nhân sự và tiền lương

HĐQT đã phê duyệt quỹ tiền lương trên cơ sở đề xuất của BDH theo đúng quy định của Công ty và quy định pháp luật. Trong năm 2023, để duy trì sự ổn định trong công tác quản lý, điều hành, HĐQT đã thực hiện:

- Phối hợp cùng BKS, BDH tổ chức thành công ĐHCĐTN năm 2023, miễn nhiệm 01 thành viên HĐQT theo đơn từ nhiệm và 01 thành viên HĐQT hết nhiệm kỳ, bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT;

- HĐQT thay đổi/miễn nhiệm chức danh Phụ trách HĐQT và Bầu Chủ tịch HĐQT từ ngày 01/11/2023.

- Phân công lại nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT;

- Thay đổi Người phụ trách quản trị Công ty.

7. Hoạt động của các Ban trực thuộc HĐQT

HĐQT hiện có 02 Ban giúp việc là Ban Tổng hợp Nhân sự và Ban Kế hoạch Đầu tư.

- Ban Tổng hợp – Nhân sự: chức năng tổng hợp, nhân sự, tài chính và thư ký cho hoạt động quản lý, giám sát của Chủ tịch HĐQT và HĐQT;

- Ban Kế hoạch và Đầu tư: tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong công tác kế hoạch, kỹ thuật, an toàn và đầu tư.

Trong năm 2023, các Tiểu ban đã tổ chức 12 cuộc họp với sự tham gia của tất cả thành viên để làm việc về công tác tham mưu cho HĐQT, BKS và BDH trong quá trình tổ chức, triển khai 10 phiên họp HĐQT và 02 lần HĐQT lấy ý kiến bằng văn bản về các vấn đề có liên quan.

Các Tiểu ban đã chủ động tư vấn và tham mưu cho HĐQT theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, qua đó, giúp nâng cao hiệu quả và tính chuyên nghiệp trong công tác quản trị doanh nghiệp của Công ty, cơ bản hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao; hỗ trợ, giúp việc cho HĐQT trong hoạt động hàng ngày nhằm đạt mục tiêu chung của Công ty.

8. Công tác chỉ đạo, giám sát của HĐQT đối với BDH và đánh giá của HĐQT về hoạt động của BDH

HĐQT đã chỉ đạo BDH tuân thủ đầy đủ, đúng hạn việc cung cấp các thông tin liên quan đến hoạt động của Công ty.

Trên cơ sở đó, BDH đã nghiêm túc thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐTN năm 2023; các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã được BDH tổ chức thực hiện, triển khai đầy đủ, góp phần giúp cho Công ty hoạt động ổn định và đạt được những kết quả tương đối khả quan.

- Về công tác điều hành, quản trị

+ Chính sách điều hành minh bạch, có sự phân công, phân cấp rõ ràng trong bộ máy điều hành; triển khai nhiều giải pháp kinh doanh/hỗ trợ kinh doanh đồng bộ, quyết liệt và kịp thời phù hợp với chủ trương, định hướng của HĐQT và diễn biến thị trường, có vai trò quan trọng, quyết định đến việc hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch

+ Thị phần vận tải truyền thống được giữ vững, thị phần bên ngoài hệ thống Petrolimex được duy trì ổn định;

+ Chất lượng nhân sự từ cấp lãnh đạo, điều hành đến chuyên viên, sỹ quan, thuyền viên tiếp tục được nâng cao. Các thành viên BDH đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành;

+ Duy trì thực hiện có hiệu quả hệ thống quản lý tích hợp: Bộ luật ISM của tổ chức hàng hải quốc tế IMO, Công ước MLC2006 của tổ chức lao động hàng hải quốc tế ILO;

+ Công ty giữ vững nguyên tắc công khai, minh bạch các hoạt động quản lý điều hành trên cơ sở áp dụng các chuẩn mực kế toán tài chính theo thông lệ và các qui định của pháp luật phù hợp với thị trường; Triển khai đồng bộ việc áp dụng công nghệ thông tin vào quá trình quản lý, kiểm tra, giám sát góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và quản trị rủi ro;

+ Đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động trong toàn Công ty, thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng, xã hội. BDH cùng toàn thể người lao động đã thực hiện tốt nhiệm vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, tích cực hoàn thiện hệ thống quản lý an toàn hàng hải, từng bước kiện toàn, đào tạo nguồn nhân lực, củng cố việc nắm bắt thị trường, linh hoạt trong việc đề ra các các giải pháp điều hành kinh doanh, kiểm soát tốt chi phí, không phát sinh nợ xấu, nợ khó đòi, vốn kinh doanh của Công ty được bảo toàn và phát triển;

+ Đã bảo đảm được quyền và lợi ích của tất cả các cổ đông. Vốn kinh doanh được bảo toàn và phát triển; Đã thanh toán trả cổ tức năm 2022 bằng tiền tỷ lệ 8%/vốn điều lệ (800 đồng/cổ phiếu).

- Về trách nhiệm môi trường và xã hội

Công ty đã ý thức được trách nhiệm của mình đối với môi trường và xã hội, trong quá trình hoạt động kinh doanh đã bảo đảm sự tuân thủ đúng, đầy đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật, quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Đồng thời, Công ty đã duy trì, phát huy được truyền thống tốt đẹp trong công tác tham gia ủng hộ, đóng góp các quỹ phúc lợi cho người nghèo, hỗ trợ khắc phục thiệt hại tại các tỉnh, khu vực gặp thiên tai

Tuy nhiên, công tác điều hành, quản lý BDH còn tồn tại hạn chế ở một số điểm và lĩnh vực, BDH cần tiếp tục cố gắng hơn nữa để ngày càng nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc.

9. Các Nghị quyết, Quyết định đã ban hành của HĐQT

Trong năm 2023, HĐQT đã ban hành 12 Nghị quyết và 34 Quyết định nhằm định hướng, chỉ đạo kịp thời các hoạt động của Công ty (tài liệu đính kèm).

10. Quan hệ cổ đông

Tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ, đúng quy định trên cổng thông tin của UBCKNN, Sở GD&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh và trang thông tin điện tử của Công ty. Xây dựng và ban hành quy chế công bố thông tin theo các quy định của Ủy Ban chứng khoán/Sàn giao dịch chứng khoán. Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt, tỷ lệ 8%/vốn điều lệ (800 đồng/cổ phiếu) vào ngày 25/7/2023.

Công ty bị xử phạt hành chính theo Quyết định số 154/QĐ-XPHC đề ngày 10/3/2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước v/v về hành vi không đảm bảo cơ cấu, số lượng thành viên HĐQT độc lập.

11. Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của HĐQT, BKS

Việc chi trả thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của thành viên HĐQT, BKS; tiền lương, thưởng, các khoản phúc lợi của TGD và người quản lý khác trong năm 2023 được thực hiện theo đúng phương án chi trả theo Nghị quyết ĐHCĐTN 2023 và thời gian đảm nhận chức vụ tại Công ty. Tổng tiền lương, thù lao và phúc lợi khác năm 2023 của HĐQT và BKS là **1.498.461.729 đồng**; Trong đó:

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của thành viên HĐQT là **1.267.791.729 đồng**.

Thù lao của thành viên BKS là **230.670.000 đồng**.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02 đính kèm)

2.7. Tiền lương, thưởng và phúc lợi của Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Tiền lương, thưởng và phúc lợi khác năm 2023 của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trả theo Quy chế trả lương, thưởng Người quản lý Công ty và mức lương chức danh với tổng số tiền là **3.096.932.170 đồng**.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02 đính kèm)

PHẦN II.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

1. Kế hoạch kinh doanh năm 2024

Trên cơ sở đề nghị của TGD, HĐQT đã xây dựng chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2024 như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2024	TỶ LỆ % KH2024/TH2023
1	Tổng doanh thu	Đồng	687.364.926.000	95%
2	Tổng lợi nhuận			
2.1	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	20.000.000.000	85%
2.2	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	16.000.000.000	87%
3	Tỷ lệ chia cổ tức	%	Không thấp hơn 6%	100%

Trong điều kiện thị trường có các yếu tố bất thường ngoài dự báo, HĐQT được chủ động điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch nêu trên khi xét thấy cần thiết và phù hợp với điều kiện thực tiễn của Công ty và thị trường.

2. Kế hoạch hoạt động của HĐQT trong năm 2024

Trong năm 2024, HĐQT sẽ tiếp tục chỉ đạo, lãnh đạo Ban điều hành thực hiện:

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
- Tiếp tục củng cố vững chắc nền tảng thị trường truyền thống; thực hiện đồng bộ các giải pháp thúc đẩy thị trường, gia tăng sản lượng và tăng trưởng lợi nhuận; nâng cao năng suất, chất lượng, an toàn và sức cạnh tranh của Công ty và sản phẩm.
- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý kỹ thuật-vật tư, kiểm soát, đánh giá các định mức để tiết giảm và tiết kiệm chi phí hợp lý; Đa dạng hóa đối tác, nguồn cung đầu vào của SXKD; quyết liệt phòng chống tham nhũng, lãng phí.
- Tiếp tục sắp xếp, đổi mới đội tàu; Thực hiện thanh lý tàu Long Phú 04; Tích lũy tài chính và tìm kiếm, lựa chọn tàu phù hợp nhu cầu và nguồn lực Công ty để thực hiện dự án đầu tư 01 tàu biển chở dầu dưới 10000 DWT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022 nhằm đảm bảo sức chở của đội tàu Công ty và có tăng trưởng.
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy định nội bộ đảm bảo tính thống nhất và phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex và thực tiễn hoạt động của Công ty; chú trọng công tác kiểm tra, giám sát việc thực thi pháp luật và các quy chế, quy định của Công ty.
- Tiếp tục nghiên cứu để triển khai các phương án cải thiện tiền lương, thu nhập cho người lao động, tạo động lực để người lao động yên tâm làm việc và gia tăng năng suất/hiệu quả; đồng thời hướng tới sự ổn định và thu hút nguồn nhân lực có chất lượng.
- HĐQT sẽ họp tối thiểu 04 phiên họp thường kỳ và các phiên họp bất thường khác để trao đổi, thảo luận và quyết định các vấn đề có liên quan thuộc thẩm quyền kịp thời, đảm bảo các mục tiêu đề ra.

PHẦN III. KẾT LUẬN

Năm 2024, tình hình thị trường kinh doanh vẫn tiếp tục có nhiều khó khăn, thách thức nhưng Ban lãnh đạo cùng tập thể cán bộ lao động sẽ tiếp tục nỗ lực hơn nữa, tận tâm, phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ do ĐHĐCĐ giao.

Thay mặt cho lãnh đạo Công ty, HĐQT xin trân trọng cảm ơn các Quý vị cổ đông, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex, Ban điều hành và tập thể người lao động Công ty đã ủng hộ, hỗ trợ HĐQT trong suốt thời gian qua.

Trên đây là báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2023 và định hướng, nhiệm vụ, kế hoạch hoạt động năm 2024.

Kính báo cáo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu tài liệu ĐHĐCĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Ngô Anh Dũng

PHỤ LỤC SỐ 01

Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã ban hành trong năm 2023

1. Các Nghị quyết HĐQT

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	01/PJT-NQ-HĐQT	19/01/2023	Phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương 2022
02	02/PJT-NQ-HĐQT	30/01/2023	- Thay đổi chức danh Phụ trách HĐQT - Chấp thuận Đơn từ nhiệm tư cách thành viên HĐQT của ông Đỗ Văn Long để trình ĐHĐCĐTN năm 2023
03	03/PJT-NQ-HĐQT	20/02/2023	- Ghi nhận Báo cáo của TGD v/v tình hình hoạt động kinh doanh năm 2022 - Phê duyệt TT của TGD v/v quyết toán sửa chữa định kỳ trên đà tàu Long Phú 09 - Phê duyệt TT của TGD v/v chấp thuận giao dịch giữa Công ty và Người có liên quan - Ghi nhận đề xuất về định hướng xây dựng Kế hoạch kinh doanh năm 2023 của TGD - Phê duyệt TT của Hội đồng thi đua khen thưởng v/v đề nghị khen thưởng - Phê duyệt việc phân công công việc cho các thành viên HĐQT - Thống nhất chủ trương công tác chuẩn bị ĐHĐCĐTN năm 2023
04	04/PJT-NQ-HĐQT	03/3/2023	- Phê duyệt TT của TGD v/v sửa đổi Quy chế tiền lương, tiền thưởng và thù lao đối với Người quản lý và Người lao động - Phê duyệt TT của TGD v/v mức tiền lương bình quân kế hoạch của Người quản lý và đơn giá tiền lương của Người lao động năm 2023
05	05/PJT-NQ-HĐQT	18/4/2023	- Phê duyệt TT của TGD v/v định mức tiêu thụ nhiên liệu theo chuyến của từng tàu biển. - Thống nhất một số nội dung có liên quan đến công tác chuẩn bị cho việc tổ chức ĐHĐCĐTN năm 2023
06	06/PJT-NQ-HĐQT	27/4/2023	Triển khai công tác thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐTN năm 2023
07	07/PJT-NQ-HĐQT	26/5/2023	Thống nhất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC 06 tháng đầu năm 2023 và BCTC năm 2023
08	08/PJT-NQ-HĐQT	25/7/2023	- Ghi nhận Báo cáo của TGD v/v Kết quả thực hiện sản xuất, kinh doanh 06 tháng đầu năm 2023;

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
			- Một số nội dung về công tác kỹ thuật; an toàn – an ninh; PCCC; quy định, quy chế nội bộ và công tác quản trị tại PSC.
09	09/PJT-NQ-HĐQT	07/8/2023	Phê duyệt danh sách quy hoạch cán bộ diện HĐQT quản lý giai đoạn 2020 – 2025 theo kết quả thực hiện quy trình rà soát tổng thể quy hoạch cán bộ năm 2023
10	10/PJT-NQ-HĐQT	28/9/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Ghi nhận Báo cáo của TGD v/v kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty 9 tháng đầu năm 2023 và Báo cáo của Chủ tịch, Giám đốc PSC v/v hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý của Công ty PSC 9 tháng đầu năm 2023; - Không phê duyệt đề xuất của Chủ tịch, Giám đốc PSC v/v xem xét, điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế kế hoạch SXKD năm 2023 của PSC; - Phê duyệt Tờ trình số 85/PJT-THNS ngày 25/9/2023 của Ban THNS v/v chủ trương tổ chức thực hiện kế hoạch tăng vốn điều lệ (trương ứng với kế hoạch đầu tư phát triển); - Thống nhất với Báo cáo số 84/PJT-THNS ngày 25/9/2023 của Ban THNS v/v một số vấn đề về quản trị công ty; - Thống nhất chủ trương thực hiện trình tự, thủ tục giới thiệu bầu Chủ tịch HĐQT Công ty từ nguồn quy hoạch cán bộ tại chỗ giai đoạn 2020-2025; Giao Phụ trách HĐQT phối hợp với Đảng ủy triển khai chủ trương này phù hợp Luật doanh nghiệp, yêu cầu của Ủy ban chứng khoán và Điều lệ Công ty
11	11/PJT-NQ-HĐQT	01/11/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Bầu ông Ngô Anh Dũng – Thành viên HĐQT giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT - Miễn nhiệm chức danh Phụ trách HĐQT đối với ông Nguyễn Tuấn Hưng – Thành viên HĐQT
12	12/PJT-NQ-HĐQT	28/12/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Ghi nhận Báo cáo, đề nghị của TGD, Chủ tịch kiêm GD PSC về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023, dự thảo Kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Công ty, PSC Kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2024 của Công ty và PSC - Miễn nhiệm chức vụ Người phụ trách quản trị công ty đối với ông Đàm Trọng Nghĩa – TV HĐQT, P.TGD; - Giao nhiệm vụ ông Trần Tiến Dũng – Phó trưởng Ban THNS kiêm nhiệm giữ chức vụ Người phụ trách quản trị công ty

2. Các Quyết định HĐQT

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
01	01/PJT-QĐ-HĐQT	30/01/2023	Miễn nhiệm chức danh Phụ trách HĐQT đối với ông Đỗ Văn Long
02	02/PJT-QĐ-HĐQT	30/01/2023	Bầu ông Nguyễn Tuấn Hưng – TVHĐQT giữ chức danh Phụ trách HĐQT
03	03/PJT-QĐ-HĐQT	20/02/2023	Tặng Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” năm 2022
04	04/PJT-QĐ-HĐQT	20/02/2023	Tặng Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” năm 2022
05	05/PJT-QĐ-HĐQT	20/02/2023	Tặng Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” năm 2022
06	06/PJT-QĐ-HĐQT	20/02/2023	Tặng Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” năm 2022
07	07/PJT-QĐ-HĐQT	20/02/2023	Khen thưởng cho cá nhân lao động tiên tiến năm 2022
08	08/PJT-QĐ-HĐQT	20/02/2023	Ban hành “Quy định phân công nhiệm vụ TVHĐQT”
09	09/PJT-QĐ-HĐQT	20/02/2023	Miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty đối với bà Trương Thị Yến Nga
10	10/PJT-QĐ-HĐQT	20/02/2023	Bổ nhiệm ông Đàm Trọng Nghĩa – TVHĐQT, PTGD kiêm nhiệm Người phụ trách quản trị công ty
11	11/PJT-QĐ-HĐQT	20/02/2023	Ghi nhận và chi thưởng cho các đối tác đã có những hỗ trợ, góp phần mang lại hiệu quả kinh doanh năm 2022 cho Công ty theo đề nghị của TGD
12	12/PJT-QĐ-HĐQT	20/02/2023	Thành lập Hội đồng Thi đua, khen thưởng năm 2023
13	13/PJT-QĐ-HĐQT	23/02/2023	Lập Danh sách cổ đông và tổ chức ĐHĐCĐTN 2023
14	14/PJT-QĐ-HĐQT	23/02/2023	Thành lập các Ban phục vụ công tác tổ chức ĐHĐCĐTN 2023
15	15/PJT-QĐ-HĐQT	03/3/2023	Ban hành Quy chế tiền lương, tiền thưởng và thù lao đối với Người quản lý 2023
16	16/PJT-QĐ-HĐQT	03/3/2023	Ban hành Quy chế tiền lương, tiền thưởng và thù lao đối với Người lao động 2023
17	17/PJT-QĐ-	03/3/2023	Ban hành Đơn giá tiền lương

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
	HĐQT		
18	18/PJT-QĐ-HĐQT	03/3/2023	Thành lập Ban chỉ đạo công tác Quy hoạch và Phát triển Công ty PSC
19	19/PJT-QĐ-HĐQT	18/4/2023	Ban hành định mức tiêu thụ nhiên liệu, dầu nhớt chuyển tàu sử dụng chủng loại dầu DO
20	20/PJT-QĐ-HĐQT	27/4/2023	Giao chỉ tiêu kế hoạch 2023 hợp nhất và Công ty mẹ
21	21/PJT-QĐ-HĐQT	27/4/2023	Giao chỉ tiêu kế hoạch 2023 Công ty PSC
22	22/PJT-QĐ-HĐQT	27/4/2023	Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023 tạo lập các quỹ
23	23/PJT-QĐ-HĐQT	27/4/2023	Điều chuyển lợi nhuận sau thuế năm 2022 của Công ty PSC về Công ty mẹ
24	24/PJT-QĐ-HĐQT	27/4/2023	Phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi cho Công ty PSC
25	25/PJT-QĐ-HĐQT	27/4/2023	Phân phối quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành
26	26/PJT-QĐ-HĐQT	26/6/2023	Chi trả cổ tức năm 2022, Ngày ĐKCC: 11/7/2023, Ngày thanh toán 25/7/2023.
27	27/PJT-QĐ-HĐQT	07/8/2023	Ban hành danh sách quy hoạch cán bộ diện HĐQT quản lý giai đoạn 2020 – 2025 (điều chỉnh, bổ sung năm 2023)
28	28/PJT-QĐ-HĐQT	08/8/2023	Thôi kiêm nhiệm thành viên Ban THNS
29	29/PJT-QĐ-HĐQT	01/11/2023	Bầu Chủ tịch HĐQT
30	30/PJT-QĐ-HĐQT	01/11/2023	Miễn nhiệm Phụ trách HĐQT
31	31/PJT-QĐ-HĐQT	01/11/2023	Phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT Thành lập Hội đồng sáng kiến của Công ty
32	32/PJT-QĐ-HĐQT	15/12/2023	Thành lập Đoàn kiểm tra công tác quản lý điều hành tại công ty PSC
33	33/PJT-QĐ-HĐQT	28/12/2023	Giao nhiệm vụ Người phụ trách quản trị công ty
34	34/PJT-QĐ-HĐQT	28/12/2023	Miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

PHỤ LỤC SỐ 02

Thù lao, lương, thưởng của HĐQT, BKS

Tiền lương, thưởng và phúc lợi của Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Hội đồng quản trị

		Năm nay
		<u>VND</u>
Thù lao, lương, thưởng		
Ông Đỗ Văn Long	Phụ trách HĐQT	171,659,404
Ông Nguyễn Tuấn Hưng	Phụ trách HĐQT/TV	114,090,000
Ông Ngô Anh Dũng (*)	Chủ tịch HĐQT/TV	598,042,325
Bà Đặng Thị Xuân Hương	Thành viên	96,000,000
Ông Nguyễn Duy Hải	Thành viên	96,000,000
Ông Đàm Trọng Nghĩa	Thành viên	96,000,000
Ông Phan Anh Đức	Thành viên	96,000,000
Cộng		<u>1,267,791,729</u>

() Thu nhập của Thành viên chuyên trách: Ông Ngô Anh Dũng, Ông Đỗ Văn Long bao gồm tiền lương, thưởng; Các thành viên viên HĐQT khác là Thù lao.*

Ban kiểm soát

		Năm nay
		<u>VND</u>
Thù lao		
Ông Hoàng Anh Tuấn	Trưởng ban	96,270,000
Ông Trần Văn Trọng	Thành viên	67,200,000
Ông Phạm Ngọc Sinh	Thành viên	67,200,000
Cộng		<u>230,670,000</u>

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

		Năm nay
		<u>VND</u>
Lương, thưởng và phúc lợi khác		
Bà Đặng Thị Xuân Hương	Tổng Giám đốc	752,330,962
Ông Đàm Trọng Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	598,880,198
Ông Nguyễn Duy Hải	Phó Tổng Giám đốc	604,738,198
Ông Phạm Văn Toàn	Phó Tổng Giám đốc	578,554,086
Bà Nguyễn Thị Hiền	Kế Toán Trưởng	562,428,726
Cộng		<u>3,096,932,170</u>



Tp Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2024

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

V/v Kết quả hoạt động trong năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex;
- Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nam Việt và kết quả các kỳ kiểm tra, kiểm soát, trên cơ sở các hồ sơ, chứng từ, tài liệu liên quan đến quá trình hoạt động SXKD năm 2023 của Công ty.

Ban kiểm soát (BKS) Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex (Công ty Pjtaco) báo cáo kết quả kiểm soát các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2023, kế hoạch hoạt động năm 2024 và các kiến nghị như sau:

PHẦN I KẾT QUẢ KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2023

I. Tổng quan hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023

- Tham dự Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2023;
- Xây dựng “Kế hoạch kiểm tra giám sát năm 2023” gửi tới Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Điều hành (BDH);
- Căn cứ kế hoạch của BKS đã được thông qua, BKS đã tiến hành kiểm tra & giám sát thực tế Công ty Mẹ - Pjtaco, Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Thương mại Petrolimex (Công ty PSC) là Công ty con 100% Vốn;
- Tham dự đầy đủ các phiên họp HĐQT, tham gia góp ý về định hướng điều hành kinh doanh và các ý kiến khác phù hợp trong công tác quản lý tài chính, quản trị và các hoạt động khác của Công ty;
- Giám sát hoạt động điều hành và quản lý của HĐQT, BDH;
- Giám sát sự tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ của Công ty;
- Giám sát tình hình thực hiện và kết quả triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023;

- Đã thẩm định Báo cáo kết quả kinh doanh, BCTC. Kiểm tra độ tin cậy của các số liệu BCTC của Công ty Pjtaco & Công ty PSC; BCTC hợp nhất toàn Công ty;
- Thực hiện đầy đủ các chức năng nhiệm vụ của BKS theo đúng quy định của pháp luật, Quy chế và Điều lệ của Công ty Pjtaco.

II. Kết quả thẩm định BCTC

- Xác nhận Báo cáo quyết toán năm 2023 của Công ty Pjtaco phản ánh trung thực, hợp lý các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính và luồng lưu chuyển tiền tệ;
- Kết quả SXKD năm 2023 đã phản ánh đầy đủ doanh thu, chi phí phát sinh theo đúng chế độ tài chính kế toán hiện hành của Nhà nước;
- Công ty đã lập các BCTC, BCTC hợp nhất theo chuẩn mực kế toán Việt Nam. BCTC Công ty mẹ & Công ty con, BCTC hợp nhất đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nam Việt theo các chuẩn mực.

III. Báo cáo thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2023

1. Về kết quả hoạt động SXKD năm 2023

- Dựa trên BCTC đã được kiểm toán năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023, Công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch, riêng chỉ tiêu lợi nhuận hợp nhất trước thuế, toàn Công ty đã thực hiện được 23,418 tỷ đồng, đạt 101,82% theo kế hoạch ĐHCĐ. Cụ thể bao gồm một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:
 - Sản lượng luân chuyển là 1.579,050 1000M3Km đạt 104,11% so với kế hoạch và bằng 104,76% so với cùng kỳ năm ngoái;
 - Các chỉ tiêu, tốc độ tăng trưởng về doanh thu, chi phí: tổng doanh thu là 714.742 triệu đồng đạt 94,42% KH và bằng 84,54% so với cùng kỳ năm trước;
 - Về công nợ: Hệ số thanh toán, cho thấy khả năng thanh khoản vẫn ở mức tốt, an toàn, lành mạnh về tài chính. Công ty không có các khoản nợ phải thu khó đòi, các khách hàng đều trong hạn phải thanh toán.
 - Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp: Công ty không đầu thêm vốn ra ngoài nghiệp ngoài khoản đầu tư tại Công ty CP Vận tải xăng dầu Đồng Tháp là 327,8 triệu đồng.

Báo cáo tình hình trả cổ tức từ Công ty Pjtaco 2023 như sau:

STT	Năm	Số tiền	Ghi chú	Vốn điều lệ
	2023	18.432.560.000	Trả cổ tức cho năm 2022 (tỷ lệ cổ tức 8%)	230,407 tỷ

2. Về công tác đầu tư, tái cơ cấu đội tàu

- Chi phí sửa chữa đội tàu theo kế hoạch cả năm 2023 là 22.000 triệu đồng. Công ty đã hạch toán nguồn sửa chữa lớn năm 2023 là: 24.388 triệu đồng đạt 110,85% so với kế hoạch.
- Công ty đang tiếp tục triển khai tìm kiếm tàu với trọng tải phù hợp với điều kiện thực tế khai thác và tổng giá trị đầu tư được phê duyệt trước đó. Tuy nhiên, đến thời điểm này Công ty chưa tìm được tàu phù hợp để đầu tư.

– Trong năm 2023, Công ty tiếp tục đàm phán với Nhà máy Lọc hóa dầu (NM LHD) Bình Sơn và được sự chấp thuận của NM LHD Bình Sơn cũng như Tập đoàn XDVN để Tàu Long Phú 09 được tiếp tục khai thác và mang lại hiệu quả cao.

3. Về công tác quản lý, vận hành đội tàu biển, tàu sông và quản lý vật tư & kỹ thuật

– Trong năm 2023 thực hiện sửa chữa bảo dưỡng thường xuyên, liên tục PMS,CMS theo quy định của Đăng kiểm;

– Đảm bảo công tác cấp hoặc gia hạn các Giấy chứng nhận luôn được hoàn thành, không làm ảnh hưởng đến lịch khai thác của đội tàu Công ty.

– Thực hiện thi công, sửa chữa các hạng mục theo qui định phòng cháy chữa cháy tàu Hàm Luông 18, Hàm Luông 16, Hàm Luông 08; Phòng Kỹ thuật Vật tư phối hợp cùng Phòng An toàn Pháp chế hàng hải nghiệm thu PCCC, chuẩn bị công tác thi công PCCC đội tàu Hàm Luông tiếp theo như Hàm Luông10, Hàm Luông 09. Phối hợp với các bên có liên quan về công tác kiểm tra của các đơn vị cơ quan như Đăng Kiểm, An toàn kho cảng, PCCC yêu cầu tuân thủ về an toàn kỹ thuật, PCCC ngày càng cao dẫn đến chi phí đầu tư bảo dưỡng sửa chữa tăng lên.

– Tích cực tìm thêm nhiều Nhà cung ứng, đối tác trong và ngoài nước để cung cấp vật tư, phụ tùng kịp thời cho đội tàu, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

– Thực hiện công tác đàm phán, tái tục bảo hiểm trong năm nghiệp vụ 2023 cho đội tàu Công ty.

PHẦN II KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

– Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện rất khả quan năm 2023, các yếu tố tác động khách quan cũng như chủ quan của Công ty, đề nghị HĐQT, Ban Tổng giám đốc tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo CBCNV Công ty tiếp tục phát huy tinh thần sáng tạo, năng động khai thác mở rộng thị trường, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn phát triển bền vững ở các năm tiếp theo.

– Năm 2023, HĐQT có 10 phiên họp và 03 lần lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản nhằm thông qua các ý kiến chỉ đạo và ban hành, triển khai 13 Nghị quyết và 34 Quyết định bám sát tình hình hoạt động SXKD của Công ty. Các Nghị quyết, quyết định được thực hiện theo đúng trình tự và tuân thủ chặt chẽ quy định của Nhà nước, Điều lệ Công ty.

– Trong điều kiện quy mô vốn, tài sản của Công ty tăng lên so với những năm trước, phương thức quản trị đã thay đổi, công tác quản trị doanh nghiệp cần phải tìm hiểu thêm các lĩnh vực khác có liên quan để nâng giá trị thương hiệu của Công ty, nhằm đáp ứng với xu hướng hội nhập với trong nước và quốc tế. HĐQT, BKS phối hợp cùng với BĐH của Công ty thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ theo quy định, quy chế của Công ty để ngăn ngừa, giảm thiểu nguy cơ mất an toàn trong hoạt động SXKD, lành mạnh và công khai tài chính.

- Ghi nhận kết quả doanh thu & lợi nhuận năm 2023 Công ty đạt được, tuy nhiên dự báo tình hình kinh tế, tài chính thế giới và Việt Nam các năm tiếp theo có nhiều biến động, đặc biệt là tình hình xung đột tại Nga và Ukraine; tình hình Trung Đông/Tây Á; khu vực Biển Đỏ và đặc biệt là khu vực Biển Đông; Công ty cần phải tiếp tục chủ động hơn nữa về nguồn hàng để tăng doanh thu, bên cạnh đó quản trị chặt chẽ để tiết giảm chi phí. Duy trì và phát triển ngành vận tải với các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra; Hiện nay thị trường vận tải cạnh tranh rất quyết liệt, đề nghị TGD chỉ đạo các Phòng kinh doanh năng động, chủ động đề nâng cao

sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, tích lũy tài chính. Chú ý đến chi phí tăng giá nhiên liệu, tình hình lạm phát, chi phí đầu vào có chiều hướng gia tăng, chi phí lãi vay và tỷ giá đang có những biến động lớn tác động rất nhiều đến giá vốn cũng như tổng chi phí. Công ty phải tính cả phương án dự phòng các trường hợp trên trong việc xây dựng kế hoạch năm 2024.

- Tăng cường công tác kiểm tra và quản trị nội bộ, chú trọng công tác an toàn kỹ thuật hàng hải, phòng cháy chữa cháy, đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác;
- Đánh giá đúng năng lực tài chính và khả năng cạnh tranh, đẩy nhanh tốc độ quay vòng vốn, gia tăng hiệu quả sử dụng vốn; Xây dựng quy hoạch đội tàu ven biển và sông tầm nhìn trung hạn và dài hạn phù hợp với điều kiện tài chính của Công ty.
- Công ty cần tiếp tục phát động phong trào thi đua, phát huy sáng kiến trong toàn Công ty để tăng doanh thu và tiết kiệm chi phí;

PHẦN III PHƯƠNG HƯỚNG, KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2024

- Ban kiểm soát hoạt động theo đúng Quy chế và Điều lệ Công ty. Tham dự các phiên họp thường kỳ của HĐQT để tham gia góp ý về định hướng điều hành kinh doanh, hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ, các nghị quyết và việc triển khai thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT cũng như các vấn đề liên quan đến quản lý và điều hành của Công ty;
- Thực hiện đầy đủ các chức năng nhiệm vụ của BKS theo đúng quy định của pháp luật, Quy chế và Điều lệ;
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2024 chi tiết cụ thể và gửi tới các thành viên HĐQT, BDH để phối hợp.

BKS xin chân thành cảm ơn HĐQT, BDH cũng như toàn thể Người lao động của Công ty Pjtaco trong năm 2023 đã tin nhiệm, quan tâm, phối hợp, hỗ trợ và tạo điều kiện để BKS hoàn thành nhiệm vụ.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của BKS Công ty trong năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ, kế hoạch năm 2024 của BKS Công ty.

Trân trọng báo cáo !

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu tài liệu ĐH.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Hoàng Anh Tuấn

Số: 65/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ Phần Vận Tải Xăng Dầu Đường Thủy Petrolimex**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đường Thủy Petrolimex và Công ty con được lập ngày 28 tháng 02 năm 2024, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đường Thủy Petrolimex và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2024

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Nam Việt



Phó Tổng Giám đốc

Cao Thị Hồng Nga

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0613-2023-152-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Hồng Nga

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 1266-2023-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		111.352.224.241	106.812.587.990
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	38.746.832.226	33.793.248.274
1. Tiền	111		18.746.832.226	21.783.878.411
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	12.009.369.863
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.642.561.210	12.854.409.391
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	17.767.677.074	10.506.910.327
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		865.459.185	2.890.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	1.009.424.951	2.344.609.064
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	48.688.584.644	56.582.904.405
1. Hàng tồn kho	141		48.688.584.644	56.582.904.405
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.274.246.161	3.582.025.920
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07a	1.989.356.491	1.921.330.416
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.119.309.538	1.660.595.423
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	165.580.132	100.081
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		318.278.823.016	385.870.532.155
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		30.650.000	33.400.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	30.650.000	33.400.000
II. Tài sản cố định	220		317.805.497.586	385.040.112.350
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	317.805.497.586	385.040.112.350
- Nguyên giá	222		801.564.715.698	801.564.715.698
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(483.759.218.112)	(416.524.603.348)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	327.802.000	327.802.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		327.802.000	327.802.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		114.873.430	469.217.805
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07b	33.355.680	354.461.637
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.08	81.517.750	114.756.168
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		429.631.047.257	492.683.120.145

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		130.701.684.420	190.100.074.926
I. Nợ ngắn hạn	310		82.864.741.420	107.490.281.926
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	26.626.223.580	35.583.971.722
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		704.625.000	14.008.927
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	787.534.259	3.522.379.678
4. Phải trả người lao động	314		12.919.230.704	13.399.647.680
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	527.540.099	618.667.221
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	4.518.646.596	4.297.896.183
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.09a	34.772.850.000	48.251.400.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.008.091.182	1.802.310.515
II. Nợ dài hạn	330		47.836.943.000	82.609.793.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.13b	300.000.000	300.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.09b	47.536.943.000	82.309.793.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		298.929.362.837	302.583.045.219
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	298.929.362.837	302.583.045.219
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		230.407.170.000	230.407.170.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		230.407.170.000	230.407.170.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		225.423.555	225.423.555
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		47.073.067.777	46.273.067.777
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.223.701.505	25.677.383.887
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.721.070.745	2.721.070.745
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18.502.630.760	22.956.313.142
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		429.631.047.257	492.683.120.145

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Minh Vũ

Nguyễn Thị Hiền

Đặng Thị Xuân Hương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	706.909.818.957	821.620.707.997
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		706.909.818.957	821.620.707.997
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	643.051.092.772	757.592.389.130
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		63.858.726.185	64.028.318.867
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	2.134.552.671	261.750.147
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	10.644.633.272	14.454.571.614
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		10.524.794.449	14.363.322.842
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.07b	-	84.230.950
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07a	32.396.383.781	30.904.377.536
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.952.261.803	18.846.888.914
12. Thu nhập khác	31	VI.05	5.698.048.310	13.670.903.572
13. Chi phí khác	32	VI.06	5.232.413.967	3.539.574.686
14. Lợi nhuận khác	40		465.634.343	10.131.328.886
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.417.896.146	28.978.217.800
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09a	4.882.026.968	6.025.044.215
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.09b	33.238.418	(3.139.557)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		18.502.630.760	22.956.313.142
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		18.502.630.760	22.956.313.142
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	726	847
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	726	847

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Minh Vũ

Nguyễn Thị Hiền



Đặng Thị Xuân Hương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		23.417.896.146	28.978.217.800
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		67.234.614.764	67.043.235.916
- Các khoản dự phòng	03		-	(128.524.001)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(348.930)	90.944.939
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.874.374.589)	(8.115.339.687)
- Chi phí lãi vay	06		10.524.794.449	14.363.322.842
3. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		99.302.581.840	102.231.857.809
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.419.428.721)	12.882.760.345
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7.894.319.761	(15.988.187.299)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(8.747.874.815)	6.107.132.351
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		253.079.882	327.406.493
- Tiền lãi vay đã trả	14		(10.780.141.897)	(14.448.315.050)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.500.206.149)	(5.556.070.225)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.517.958.875)	(3.048.309.840)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		69.484.371.026	82.508.274.584
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(2.669.259.091)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	7.877.636.569
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.884.207.325	240.539.864
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.884.207.325	5.448.917.342

T.N.H.H
★
H.A.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
(theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(48.251.400.000)	(48.251.400.000)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(18.163.943.329)	(18.622.898.101)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(66.415.343.329)	(66.874.298.101)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		4.953.235.022	21.082.893.825
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		33.793.248.274	12.755.445.270
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		348.930	(45.090.821)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		38.746.832.226	33.793.248.274

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Minh Vũ

Nguyễn Thị Hiền

Đặng Thị Xuân Hương





Tp Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

V/v Một số vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex

Căn cứ các quy định pháp luật có liên quan;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex (Công ty) và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;

Trên cơ sở Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

Hội đồng quản trị (HDQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên (ĐHĐCĐTN) năm 2024 biểu quyết thông qua các vấn đề sau đây:

1. Thông qua các Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 của Công ty

HDQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua Báo cáo tài chính Công ty mẹ, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt tại tài liệu đính kèm đã được công bố thông tin theo đúng quy định.

2. Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2024

HDQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2024 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2024	TỶ LỆ % KH2024/TH2023
1	Tổng doanh thu	Đồng	687.364.926.000	95%
2	Tổng lợi nhuận			
2.1	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	20.000.000.000	85%
2.2	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	16.000.000.000	87%
3	Tỷ lệ chia cổ tức	%	Không thấp hơn 6%	100%

3. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2023

HDQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua phương án phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2023 với tỷ lệ chi cổ tức cho cổ đông và phương án phân chia các quỹ như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thành tiền
1	Tổng lợi nhuận thực hiện	Đồng	23.417.896.146
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	Đồng	4.915.265.386
3	Lợi nhuận còn lại để phân phối (LNST)	Đồng	18.502.630.760
4	Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước	Đồng	2.313.481.995
5	Tổng lợi nhuận để phân phối năm nay (3 + 4)	Đồng	20.816.112.755
6	Chia cổ tức 8%/VĐL (bằng cổ phiếu)	Đồng	18.432.573.600
7	Quỹ phát triển sản xuất (3,2% LNST 2023)	Đồng	600.000.000
8	Quỹ phúc lợi + Quỹ khen thưởng (8,6% LNST 2023)	Đồng	1.583.539.155
9	Quỹ thưởng Người quản lý (1,1% LNST 2023)	Đồng	200.000.000

Công ty sẽ thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo phương án được ĐHĐCĐ thông qua đúng thời hạn luật định.

4. Phê duyệt quyết toán thù lao, tiền lương và phúc lợi khác đã chi trả cho HĐQT và Ban Kiểm soát (BKS) năm 2023; Thông qua phương án chi trả thù lao, tiền lương cho HĐQT và BKS năm 2024

4.1. Quyết toán thù lao, tiền lương và phúc lợi khác của HĐQT, BKS năm 2023

Tổng số thù lao, tiền lương và phúc lợi khác của HĐQT và BKS năm 2023 là: **1.498.461.729 đ** (Một tỷ, bốn trăm chín mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm hai mươi chín đồng). Trong đó:

- Thù lao, tiền lương và phúc lợi khác của thành viên HĐQT là **1.267.791.729 đồng**.
- Thù lao của thành viên BKS là **230.670.000 đồng**.

(Thuyết minh chi tiết Báo cáo hoạt động của HĐQT trình ĐHĐCĐ và tại Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán).

4.2. Phương án chi trả tiền lương, thù lao cho HĐQT, BKS năm 2024

a. Đối với thành viên HĐQT, BKS làm việc chuyên trách: Được hưởng lương theo Quy chế trả lương, thưởng của Công ty;

b. Đối với thành viên không chuyên trách:

- Thù lao của Chủ tịch HĐQT (nếu không chuyên trách) bằng 20% mức lương của Tổng Giám đốc;
- Thù lao của Thành viên HĐQT và Trưởng BKS bằng 20% mức lương bình quân của các Phó Tổng Giám đốc;
- Thù lao của Thành viên BKS được tính bằng 70% thù lao của thành viên HĐQT.

5. Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ giữa Công ty với các bên có liên quan

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan dưới đây theo quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020,

Điều 293 Nghị định số 155 và các quy định pháp luật có liên quan cho đến khi ĐHĐCĐ có quyết định khác, cụ thể như sau:

5.1. Các bên có liên quan ký hợp đồng, giao dịch với Công ty là

a. Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex - Cổ đông sở hữu 11.802.027 cổ phần, chiếm 51,22% vốn điều lệ;

b. Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) - Công ty mẹ sở hữu 100% vốn của Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex;

d. Các công ty con, công ty liên kết và các bên liên quan khác của hệ thống Petrolimex.

5.2. Nội dung các hợp đồng, giao dịch

a. Mua bán xăng dầu và các sản phẩm từ dầu mỏ;

b. Vận chuyển xăng dầu bằng đường thủy nội địa và quốc tế;

c. Cung ứng nhiên liệu tàu biển;

d. Dịch vụ sửa chữa, đóng mới phương tiện thủy, mua bán vật tư, phụ tùng, sắt thép để phục vụ cho việc sửa chữa, nâng cấp các tàu của Công ty.

Dự thảo nội dung các hợp đồng/giao dịch nêu trên được Công bố thông tin theo tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 theo quy định.

5.3. HĐQT kính trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc thực hiện các công việc dưới đây cho đến khi ĐHĐCĐ có quyết định khác

a. Quyết định các điều khoản và điều kiện cụ thể của các Giao dịch và các thỏa thuận, tài liệu có liên quan đến Giao dịch, kể cả các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, thay thế, chấm dứt Giao dịch (nếu có) phù hợp với các điều kiện đã được ĐHĐCĐ thông qua; và

b. Ký kết và thực hiện các Giao dịch và các tài liệu có liên quan đến Giao dịch, kể cả các thỏa thuận, tài liệu có liên quan giữa Công ty với các bên có liên quan, kể cả các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, thay thế, chấm dứt Giao dịch (nếu có) phù hợp với các điều kiện đã được ĐHĐCĐ thông qua;

c. TGD được ủy quyền lại cho các Phó Tổng Giám đốc của Công ty thực hiện một phần hoặc toàn bộ công việc quy định tại điểm a, điểm b khoản này phù hợp với các điều kiện đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;

- HĐQT, BKS;

- Lưu tài liệu ĐHĐCĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Ngô Anh Dũng



Tp Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Căn cứ Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex (Công ty).

Hội đồng quản trị (“HĐQT”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2024 xem xét và thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với các nội dung chính như sau:

I. Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức

- Tổ chức phát hành** : Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex
- Tên cổ phiếu** : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex
- Mệnh giá cổ phiếu** : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Mã cổ phiếu** : PJT
- Loại cổ phiếu** : Cổ phiếu phổ thông
- Vốn điều lệ đăng ký** : 230.407.170.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp** : 230.407.170.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành** : 23.040.717 cổ phiếu

Trong đó:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 23.040.717 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu
- 9. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:** : 1.843.257 (*Bằng chữ: Một triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn, hai trăm năm mươi bảy*) cổ phiếu
- 10. Tổng giá trị phát hành dự kiến theo mệnh giá:** : 18.432.570.000 (*Bằng chữ: Mười tám tỷ, bốn trăm ba mươi hai triệu, năm trăm bảy mươi nghìn*) đồng
- 11. Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến sau phát hành:** : 24.883.974 cổ phiếu
- 12. Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành cổ phiếu trả cổ tức:** : 248.839.740.000 đồng
- 13. Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm phát hành):** : 8%
- 14. Đối tượng phát hành** : Cổ đông hiện hữu của Công ty có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu.
- 15. Nguồn vốn phát hành** : Từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2023 theo Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm 2023 đã được kiểm toán
- 16. Tỷ lệ thực hiện quyền** : 100:8. Theo đó, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền. Cứ 100 quyền sẽ được nhận thêm 08 cổ phiếu mới.
- 17. Hạn chế chuyển nhượng** : Cổ phiếu phát hành là cổ phiếu phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng
- 18. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết (nếu có)** : Số lượng cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức cho mỗi cổ đông sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Phần cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) sẽ được hủy bỏ, coi như không phát hành.

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu, cổ đông Nguyễn Văn A hiện đang sở hữu 311 cổ phiếu. Khi đó, theo tỷ lệ 100:8, cổ đông Nguyễn Văn A sẽ được nhận thêm tương ứng là $311 * (8/100) = 24,88$ cổ phần. Theo phương án xử lý cổ phiếu lẻ, số lượng cổ phiếu của cổ đông Nguyễn Văn A được nhận sau khi làm tròn xuống đến

hàng đơn vị là 24 cổ phiếu mới. 0,88 cổ phiếu lẻ sẽ bị hủy bỏ.

- 19. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa** : Đảm bảo việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức không vượt quá tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo Văn bản thông báo của UBCKNN.
- ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thông qua cụ thể phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
- 20. Thời gian thực hiện dự kiến** : Quý II – Quý III năm 2024 (Không quá 6 tháng kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua phương án)
- 21. Đăng ký chứng khoán và đăng ký niêm yết bổ sung** : Số cổ phần phát hành thêm để trả cổ tức sẽ được đăng ký lưu ký bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) sau khi có thông báo của UBCKNN về việc nhận được Báo cáo kết quả phát hành
- 22. Phương thức phân phối**
- Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu chứng khoán làm thủ tục thực hiện quyền nhận cổ phiếu trả cổ tức tại các thành viên lưu ký nơi mở tài khoản chứng khoán;
 - Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu chứng khoán làm thủ tục nhận cổ phiếu trả cổ tức tại trụ sở Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu đường thủy Petrolimex.

II. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu đường thủy Petrolimex và thực hiện thủ tục đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp tại Sở kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh theo đúng mức vốn điều lệ tăng thêm sau khi kết thúc đợt phát hành

III. Thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề sau:

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty nói trên và ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc liên quan đến đợt phát hành, cụ thể:

- Chủ động trong việc xây dựng hồ sơ của đợt phát hành và trong việc xin phép UBCKNN cùng các cơ quan có thẩm quyền về hồ sơ đăng ký phát hành.
- Chủ động sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh Phương án phát hành và các hồ sơ có liên quan theo tình hình thực tế của Công ty hoặc yêu cầu của UBCKNN và các cơ quan chức năng khác sao cho Phương án phát hành được thực hiện thành công, đảm bảo quyền lợi của cổ đông, của Công ty và tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành;
- Chủ động xây dựng phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa phù hợp với quy định của pháp luật;

- Lựa chọn thời điểm thích hợp để triển khai Phương án phát hành sau khi có chấp thuận của UBCKNN; Quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền và các mốc thời gian khác liên quan đến việc triển khai Phương án phát hành;
- Thực hiện việc xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu không phân phối hết (nếu có);
- Quyết định và thực hiện các công việc và thủ tục có liên quan để thực hiện việc phát hành và báo cáo kết quả với UBCKNN;
- Thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty liên quan tới việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả thực tế của đợt phát hành với Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh sau khi UBCKNN thông báo về việc nhận được Báo cáo kết quả phát hành;
- Sửa đổi các điều khoản quy định về mức vốn điều lệ, số lượng cổ phần trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sau khi hoàn tất đợt phát hành;
- Lựa chọn thời điểm thích hợp và thực hiện các thủ tục, công việc để đăng ký chứng khoán bổ sung tại VSDC và đăng ký niêm yết chứng khoán bổ sung tại HOSE đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành thêm;
- Các vấn đề khác có liên quan đến việc phát hành cổ phiếu nhằm đảm bảo cho đợt phát hành cổ phiếu được thực hiện thành công.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu: BKS, Ban THNS.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

NGÔ ANH DŨNG



Tp Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH CỦA BAN KIỂM SOÁT

V/v Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex (Công ty Pjtaco);

Ban kiểm soát (BKS) Công ty kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên (ĐHĐCĐTN) năm 2024 xem xét các nội dung dưới đây:

1. Các tiêu chí lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập.

- Là Công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các Công ty niêm yết;
- Có kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng tại Việt Nam;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với chất lượng kiểm toán và phạm vi kiểm toán.

2. Danh sách các công ty kiểm toán theo đề xuất của BKS.

Căn cứ các tiêu chí trên, BKS kính trình HĐQT danh sách các công ty kiểm toán sẽ được lựa chọn kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Pjtaco và ủy quyền HĐQT Công ty quyết định lựa chọn một trong các Công ty trong danh sách sau đây:

- Công ty TNHH KPMG Việt Nam.
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam (CPA).
- Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt (AASCN).

3. Giao BKS tổ chức xem xét, đề cử một công ty kiểm toán trong danh sách nêu trên để giới thiệu cho HĐQT quyết định lựa chọn theo quy định của Công ty và quy định pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như K/G;
- HĐQT;
- BKS, TGD
- Lưu tài liệu ĐH.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

Hoàng Anh Tuấn



Tp Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

V/v bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị / thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex

Căn cứ các quy định pháp luật có liên quan;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động năm 2022 của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex (Điều lệ),

Hội đồng quản trị (HDQT) kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên (ĐHĐCĐTN) năm 2024 một số nội dung dưới đây:

1. Bầu bổ sung thành viên HDQT / thành viên độc lập HDQT

HDQT hiện có 06 thành viên, chưa đủ số lượng 07 thành viên đồng thời chưa có thành viên HDQT độc lập. Vì vậy, HDQT kính trình ĐHĐCĐTN năm 2024 xem xét ứng viên đủ điều kiện để bầu làm thành viên HDQT / thành viên độc lập HDQT.

Lý do:

ĐHĐCĐTN năm 2023 đã thông qua việc miễn nhiệm tư cách thành viên HDQT đối với ông Đỗ Văn Long và ĐHĐCĐ chưa bầu bổ sung nên cho đến thời điểm này, HDQT hiện chỉ có 06 thành viên, chưa đủ số lượng 07 thành viên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Điều lệ.

Ngoài ra, căn cứ khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán năm 2019 (Luật CK); điểm b khoản 4 Điều 276 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số Điều của Luật Chứng khoán (NĐ số 155) và khoản 1 Điều 28 Điều lệ, Công ty phải bảo đảm tuân thủ cơ cấu về số lượng thành viên độc lập HDQT nhưng cho đến thời điểm này Công ty chưa có thành viên độc lập HDQT.

Trong khi đó, theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật DN; khoản 1 Điều 27 Điều lệ, quyền đề cử, ứng cử thành viên HDQT / thành viên độc lập HDQT thuộc về quyền của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên.

Vì vậy, kính đề nghị các cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên thực hiện đề cử, ứng cử thành viên HDQT/ thành viên độc lập HDQT trình ĐHĐCĐTN năm 2024 và các kỳ ĐHĐCĐTN sắp tới xem xét.

2. Số lượng thành viên HDQT / thành viên độc lập HDQT cần bổ sung

Số lượng thành viên HDQT/ thành viên độc lập HDQT sẽ bầu bổ sung tại ĐHĐCĐTN năm 2024 là 01 thành viên.

Lý do:

Trong thời hạn nhận Thư ứng cử, đề cử/giới thiệu của cổ đông và nhóm cổ đông theo quy định, Công ty chỉ nhận được văn bản của nhóm cổ đông sở hữu cổ phiếu PJT, tương ứng tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết v/v đề cử 01 ứng viên duy nhất là ông/ bà đề ĐHĐCĐTN năm 2024 bầu làm thành viên HĐQT/ thành viên độc lập HĐQT.

Ngoài ra, Công ty không nhận được bất kỳ ý kiến, văn bản của bất kỳ cổ đông / nhóm cổ đông nào khác.

3. Danh sách ứng viên thành viên HĐQT/ thành viên độc lập HĐQT

Như đã báo cáo nêu trên, Công ty chỉ nhận được văn bản của nhóm cổ đông sở hữu cổ phiếu PJT, tương ứng tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết v/v đề cử ông / bà làm thành viên HĐQT/ thành viên độc lập HĐQT.

Do đó, HĐQT kính trình ĐHĐCĐTN năm 2024 thông qua ***Danh sách ứng viên HĐQT là ông / bà để tiến hành bầu bổ sung thành viên HĐQT/ thành viên độc lập HĐQT.***

(Thông tin lý lịch ứng viên đã được gửi đến quý cổ đông trong tài liệu Đại hội và đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty).

Kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu tài liệu ĐHĐCĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Ngô Anh Dũng



Tp Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

V/v Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động năm 2022; Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2022; Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex

Căn cứ các quy định pháp luật khác có liên quan;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động năm 2022; Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2022; Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex,

Nhằm đáp ứng sự phù hợp với thực tiễn hoạt động kinh doanh và hướng đến mục tiêu nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác quản trị, điều hành tại Công ty;

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên (ĐHĐCĐTN) năm 2024 biểu quyết thông qua các vấn đề sau đây:

1. Tăng số lượng Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ 01 (một) lên 02 (hai) người, bao gồm Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc. Mỗi Người đại diện theo pháp luật có quyền và nghĩa vụ cụ thể được quy định tại Điều lệ;

2. Không quy định chức danh Phụ trách HĐQT tại Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT. Toàn bộ các Điều, Khoản tại các văn bản này có quy định cụm từ “*Chủ tịch HĐQT/ Phụ trách HĐQT*” sẽ được sửa đổi thành “*Chủ tịch HĐQT*”;

3. Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT sửa đổi, bổ sung các Điều, Khoản có liên quan đến nội dung đã trình tại Mục 1, Mục 2 nêu trên tại tài liệu đính kèm. Các nội dung khác tại Điều lệ, Quy chế không đề cập đến sẽ được giữ nguyên.

Kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu tài liệu ĐHĐCĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Ngô Anh Dũng

ĐỐI CHIẾU SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

(Đính kèm theo Tờ trình của HĐQT v/v v sửa đổi một số Điều tại Điều lệ tổ chức và hoạt động năm 2022; Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2022; Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT năm 2022)

Điều lệ 2022		Điều lệ 2024 sửa đổi, bổ sung
Điều, Khoản	Nội dung	Nội dung
Điều 3	<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</p> <p>1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết sự việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;</p> <p>2. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty;</p> <p>3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:</p> <p>a. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;</p> <p>b. Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; Không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm</p>	<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</p> <p>1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là <i>các</i> cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết sự việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;</p> <p>2. <i>Chủ tịch Hội đồng quản trị</i> và Tổng Giám đốc là <i>những</i> người đại diện theo pháp luật của Công ty</p> <p>3. <i>Những</i> người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:</p> <p><i>3.1. Trách nhiệm chung</i></p> <p>a. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;</p> <p>b. Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; Không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p>

Điều lệ 2022		Điều lệ 2024 sửa đổi, bổ sung
Điều, Khoản	Nội dung	Nội dung
	<p>chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>d. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm trách nhiệm quy định tại Khoản 3 Điều này</p>	<p>c. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>d. <i>Mỗi</i> người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm trách nhiệm <i>của mình</i> quy định tại Điều lệ này.</p> <p>3.2. <i>Chủ tịch HĐQT là Người đại diện theo pháp luật của Công ty trước bên thứ ba trong các lĩnh vực, giao dịch, hoạt động dưới đây:</i></p> <p>a. <i>ĐHĐCD, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, HĐQT;</i></p> <p>b. <i>Tăng, giảm vốn điều lệ; chuyển nhượng cổ phần; phát hành cổ phần; phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền; thực hiện trình tự, thủ tục chứng nhận quyền sở hữu cổ phần cho cổ đông và các công việc khác có liên quan; ký ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty;</i></p> <p>c. <i>Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</i></p> <p>d. <i>Tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;</i></p> <p>e. <i>Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</i></p> <p>f. <i>Giải quyết, xử lý các khiếu nại, tố cáo và các vấn đề khác có liên quan đến hoặc phát sinh từ quá trình thực hiện nhiệm vụ của HĐQT, thành viên HĐQT, BKS, thành viên BKS, thành viên BDH;</i></p>

Điều lệ 2022		Điều lệ 2024 sửa đổi, bổ sung
Điều, Khoản	Nội dung	Nội dung
		<p>g. Công ty mua lại cổ phần đã phát hành;</p> <p>h. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết do Công ty sở hữu toàn bộ vốn điều lệ, hoặc có cổ phần, vốn góp chi phối theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;</p> <p>i. Hợp đồng lao động giữa Công ty và người lao động là thành viên HĐQT, BKS, BDH;</p> <p>j. Tham gia tố tụng theo quy định pháp luật trong các vụ việc, vụ án dưới đây, trừ trường hợp Tòa án có chỉ định khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tranh chấp kinh doanh – thương mại giữa Công ty với cổ đông liên quan đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông; giữa Công ty với thành viên HĐQT, BKS, BDH; giữa các cổ đông, thành viên HĐQT, BKS, BDH với nhau liên quan đến việc thành lập, hoạt động, giải thể, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, bàn giao tài sản của công ty, chuyển đổi hình thức tổ chức của công ty; - Tranh chấp lao động giữa Công ty và người lao động là thành viên HĐQT, BKS, BDH; - Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; - Vụ án hình sự mà thành viên HĐQT (trừ Chủ tịch HĐQT), thành viên BKS, TGD là người đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ hoặc là bị can, bị cáo theo pháp luật tố tụng hình sự. <p>3.3. Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty trước bên thứ ba trong các lĩnh vực, giao dịch, hoạt động dưới đây:</p>

Điều lệ 2022		Điều lệ 2024 sửa đổi, bổ sung
Điều, Khoản	Nội dung	Nội dung
		<p>a. Hợp đồng, giao dịch, công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;</p> <p>b. Hợp đồng, giao dịch có liên quan đến hoặc phát sinh từ công tác chuẩn bị cơ sở vật chất, kỹ thuật để tổ chức Đại hội đồng cổ đông, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, các cuộc họp của HĐQT, BKS;</p> <p>c. Hợp đồng lao động giữa Công ty và người lao động trong Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT;</p> <p>d. Khiếu nại, tố cáo và các vấn đề khác có liên quan đến hoặc phát sinh từ quá trình thực hiện nhiệm vụ của người lao động, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT;</p> <p>f. Giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trên cơ sở nội dung được ĐHCĐ thông qua;</p> <p>g. Hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất trên cơ sở nội dung được ĐHCĐ thông qua;</p> <p>h. Hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty;</p> <p>i. Hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc</p>

Điều lệ 2022		Điều lệ 2024 sửa đổi, bổ sung
Điều, Khoản	Nội dung	Nội dung
		<p><i>thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp trên cơ sở nội dung được HĐQT phê duyệt;</i></p> <p><i>j. Các giao dịch, hợp đồng dưới đây:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Giao dịch, hợp đồng phát sinh từ hoặc có liên quan đến việc tổ chức thực hiện phương án đầu tư và dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT trên cơ sở nội dung được HĐQT phê duyệt;</i> - <i>Giao dịch, hợp đồng phát sinh từ hoặc có liên quan đến việc tổ chức thực hiện giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ trên cơ sở nội dung được HĐQT phê duyệt;</i> - <i>Giao dịch, hợp đồng phát sinh từ hoặc có liên quan đến việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty trên cơ sở nội dung được HĐQT phê duyệt;</i> - <i>Giao dịch, hợp đồng phát sinh từ hoặc có liên quan đến việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ trên cơ sở nội dung được HĐQT phê duyệt;</i> - <i>Giao dịch, hợp đồng mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài trên cơ sở nội dung được HĐQT phê duyệt;</i>

Điều lệ 2022		Điều lệ 2024 sửa đổi, bổ sung
Điều, Khoản	Nội dung	Nội dung
		<p>- Giao dịch, hợp đồng phát sinh từ hoặc có liên quan đến việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ trên cơ sở nội dung được HĐQT phê duyệt;</p> <p>- Các giao dịch, hợp đồng không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT theo quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật;</p> <p>j. Trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>k. Công bố thông tin theo quy định pháp luật;</p> <p>l. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại hoặc luật sư của Công ty;</p> <p>m. Tham gia tố tụng theo quy định pháp luật trong các vụ việc, vụ án kinh doanh – thương mại, dân sự, lao động mà công ty là người tham gia tố tụng theo quy định pháp luật, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT hoặc Tòa án có chỉ định khác;</p> <p>n. Vụ án hình sự mà Chủ tịch HĐQT là người đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ hoặc là bị can, bị cáo theo pháp luật tố tụng hình sự;</p> <p>o. Các lĩnh vực thuộc thẩm quyền đại diện theo pháp luật của Chủ tịch HĐQT nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>- Công ty chưa có Chủ tịch HĐQT;</p>

Điều lệ 2022		Điều lệ 2024 sửa đổi, bổ sung
Điều, Khoản	Nội dung	Nội dung
		- <i>Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ và không có ủy quyền bằng văn bản hợp pháp theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật.</i>
Khoản 6 Điều 1	“Người quản lý doanh nghiệp” là Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị , thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.	“Người quản lý doanh nghiệp” là Chủ tịch Hội đồng quản trị , thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.
Điểm a Khoản 4 Điều 17	Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.	Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
Khoản 4 Điều 22	Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.	Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.

Điều lệ 2022		Điều lệ 2024 sửa đổi, bổ sung
Điều, Khoản	Nội dung	Nội dung
Điểm g Khoản 3 Điều 24	Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.	Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
Điểm h Khoản 6 Điều 24	Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị , người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu	Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị , người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu
Điểm d Khoản 2 Điều 29	Có vấn, hiến kế, đôn đốc, kiểm tra theo lĩnh vực của mình cho Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị về công tác quản lý, điều hành, công tác đầu tư, nhân sự Ban điều hành.	Có vấn, hiến kế, đôn đốc, kiểm tra theo lĩnh vực của mình cho Chủ tịch Hội đồng quản trị về công tác quản lý, điều hành, công tác đầu tư, nhân sự Ban điều hành.
Điểm c Khoản 2 Điều 30	- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị ;	- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị ;
Điều 31	Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Khoản 1 Điều 31	Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội	Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch

Điều lệ 2022		Điều lệ 2024 sửa đổi, bổ sung
Điều, Khoản	Nội dung	Nội dung
	đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.	Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.
Khoản 2 Điều 31	Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp; cụ thể:	Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp; cụ thể:
Khoản 3 Điều 31	Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.	Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
Khoản 4 Điều 31	Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó hoặc từ chức, bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu một người khác trong số họ làm Chủ tịch Hội đồng quản trị /Phụ trách Hội đồng quản trị để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán trong thời hạn mười (10) ngày.	Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó hoặc từ chức, bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu một người khác trong số họ làm Chủ tịch Hội đồng quản trị để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán trong thời hạn mười (10) ngày.
Khoản 5 Điều 31	Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị/ Phụ trách Hội đồng quản trị theo	Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không

Điều lệ 2022		Điều lệ 2024 sửa đổi, bổ sung
Điều, Khoản	Nội dung	Nội dung
	<p>nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch/Phụ trách Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>	<p>có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>
Khoản 1 Điều 32	<p>Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>

Điều lệ 2022		Điều lệ 2024 sửa đổi, bổ sung
Điều, Khoản	Nội dung	Nội dung
Khoản 2 Điều 32	Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.	Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.
Khoản 3 Điều 32	Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:	Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
Khoản 4 Điều 32	Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; Những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.	Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; Những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
Khoản 5 Điều 32	Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị phải	Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

Điều lệ 2022		Điều lệ 2024 sửa đổi, bổ sung
Điều, Khoản	Nội dung	Nội dung
	triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.	
Khoản 6 Điều 32	Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.	Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
Khoản 11 Điều 32	Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.	Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
Khoản 14 Điều 32	Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyên biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.	Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyên biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.

Điều lệ 2022		Điều lệ 2024 sửa đổi, bổ sung
Điều, Khoản	Nội dung	Nội dung
Điều 42	Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị bổ nhiệm (các) Thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:	Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị bổ nhiệm (các) Thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
Điểm b Khoản 1 Điều 59	Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị , Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị , bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu một bên thứ ba độc lập hoặc tổ chức luật sư được phép hành nghề làm trọng tài chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.	Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị , Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị , bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu một bên thứ ba độc lập hoặc tổ chức luật sư được phép hành nghề làm trọng tài chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
Khoản 4 Điều 61	Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị hoặc Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc tối thiểu hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.	Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc tối thiểu hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.

Điều lệ 2022		Điều lệ 2024 sửa đổi, bổ sung
Điều, Khoản	Nội dung	Nội dung

ĐỐI CHIẾU SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Đính kèm theo Tờ trình của HĐQT v/v v sửa đổi một số Điều tại Điều lệ tổ chức và hoạt động năm 2022; Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2022; Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT năm 2022)

Quy chế 2022		Quy chế 2024 sửa đổi, bổ sung
Điều, Khoản	Nội dung	Nội dung
Khoản 12 Điều 2	Khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán quy định người nội bộ là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của doanh nghiệp, bao gồm: Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT ; Thành viên HĐQT; Người đại diện theo pháp luật; Tổng Giám đốc; Phó Tổng Giám đốc; Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do ĐHĐCĐ bầu hoặc HĐQT bổ nhiệm; Trưởng Ban BKS và thành viên BKS (Kiểm soát viên); Thư ký Công ty; Người phụ trách quản trị Công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.	Khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán quy định người nội bộ là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của doanh nghiệp, bao gồm: Chủ tịch HĐQT ; Thành viên HĐQT; Người đại diện theo pháp luật; Tổng Giám đốc; Phó Tổng Giám đốc; Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do ĐHĐCĐ bầu hoặc HĐQT bổ nhiệm; Trưởng Ban BKS và thành viên BKS (Kiểm soát viên); Thư ký Công ty; Người phụ trách quản trị Công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.
Khoản 2 Điều 4	Mỗi thành viên HĐQT phụ trách một số lĩnh vực công việc phù hợp với năng lực chuyên môn theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT/ Chủ tịch/Phụ trách HĐQT , ĐHĐCĐ và pháp luật về kết quả thực thi nhiệm vụ theo lĩnh vực/công việc được phân công	Mỗi thành viên HĐQT phụ trách một số lĩnh vực công việc phù hợp với năng lực chuyên môn theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT/ Chủ tịch HĐQT , ĐHĐCĐ và pháp luật về kết quả thực thi nhiệm vụ theo lĩnh vực/công việc được phân công
Điểm c Khoản 3 Điều 4	Báo cáo kết quả thực hiện công việc với HĐQT/ Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT về kết quả thực hiện công việc được phân công theo chế độ quy định tại Quy chế này.	Báo cáo kết quả thực hiện công việc với HĐQT/ Chủ tịch HĐQT về kết quả thực hiện công việc được phân công theo chế độ quy định tại Quy chế này. Trường hợp đặc

Quy chế 2022		Quy chế 2024 sửa đổi, bổ sung
Điều, Khoản	Nội dung	Nội dung
	Trường hợp đặc biệt, cần phải báo cáo kịp thời với Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT để xem xét, giải quyết.	biệt, cần phải báo cáo kịp thời với Chủ tịch HĐQT để xem xét, giải quyết.
Khoản 1 Điều 6	Số lượng thành viên HĐQT có 07 người, gồm 01 Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT và 06 Thành viên HĐQT	Số lượng thành viên HĐQT có 07 người, gồm 01 Chủ tịch HĐQT và 06 Thành viên HĐQT
Điều 8	Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Khoản 1 Điều 8	Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.	Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.
Khoản 2 Điều 8	Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT không được kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc	Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc
Khoản 3 Điều 8	Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây	Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:
Điểm g Khoản 3 Điều 8	Các quyền và nhiệm vụ khác của Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT theo phân cấp, ủy quyền của HĐQT, ĐHĐCĐ và theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty.	Các quyền và nhiệm vụ khác của Chủ tịch HĐQT theo phân cấp, ủy quyền của HĐQT, ĐHĐCĐ và theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty.

Quy chế 2022		Quy chế 2024 sửa đổi, bổ sung
Điều, Khoản	Nội dung	Nội dung
Khoản 4 Điều 8	<p>Trường hợp Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT</p>	<p>Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT</p>
Điểm e Khoản 4 Điều 10	<p>Trường hợp Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm thì các thành viên còn lại của HĐQT bầu một thành viên HĐQT lên thay theo nguyên tắc đa số.</p>	<p>Trường hợp Chủ tịch HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm thì các thành viên còn lại của HĐQT bầu một thành viên HĐQT lên thay theo nguyên tắc đa số.</p>

Quy chế 2022		Quy chế 2024 sửa đổi, bổ sung
Điều, Khoản	Nội dung	Nội dung
Điểm a Khoản 5 Điều 12	Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT;	Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT;
Khoản 2 Điều 16	Văn phòng Công ty có trách nhiệm nhận và chuyển đi và đến các tài liệu của Công ty hoặc HĐQT; Những văn bản của cơ quan cấp trên, của đối tác thuộc trách nhiệm xử lý của HĐQT được gửi tới Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT.	Văn phòng Công ty có trách nhiệm nhận và chuyển đi và đến các tài liệu của Công ty hoặc HĐQT; Những văn bản của cơ quan cấp trên, của đối tác thuộc trách nhiệm xử lý của HĐQT được gửi tới Chủ tịch HĐQT.
Khoản 1 Điều 17	Trường hợp Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT hết nhiệm kỳ thành viên HĐQT, HĐQT (bao gồm thành viên đương nhiệm và thành viên mới được bầu bổ sung, thay thế) phải tổ chức cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử. Tại cuộc họp đầu tiên, HĐQT bầu Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT và quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền HĐQT.	Trường hợp Chủ tịch HĐQT hết nhiệm kỳ thành viên HĐQT, HĐQT (bao gồm thành viên đương nhiệm và thành viên mới được bầu bổ sung, thay thế) phải tổ chức cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử. Tại cuộc họp đầu tiên, HĐQT bầu Chủ tịch HĐQT và quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền HĐQT.
Khoản 2 Điều 17	Trong nhiệm kỳ, HĐQT có thể họp thường kỳ hoặc họp bất thường. Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT quyết định việc triệu tập, thời gian, địa điểm và lập chương trình nghị sự cho các cuộc họp. Riêng đối với cuộc họp thường kỳ, HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần	Trong nhiệm kỳ, HĐQT có thể họp thường kỳ hoặc họp bất thường. Chủ tịch HĐQT quyết định việc triệu tập, thời gian, địa điểm và lập chương trình nghị sự cho các cuộc họp. Riêng đối với cuộc họp thường kỳ, HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần

Quy chế 2022		Quy chế 2024 sửa đổi, bổ sung
Điều, Khoản	Nội dung	Nội dung
Khoản 3 Điều 17	Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:	Chủ tịch HĐQT triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
Khoản 4 Điều 17	Trường hợp có yêu cầu bằng văn bản của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT sẽ triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty nếu xét thấy yêu cầu của kiểm toán viên độc lập là phù hợp và cần thiết.	Trường hợp có yêu cầu bằng văn bản của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch HĐQT sẽ triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty nếu xét thấy yêu cầu của kiểm toán viên độc lập là phù hợp và cần thiết.
Khoản 1 Điều 18	Chủ tịch HĐQT /Phụ trách HĐQT quyết định thời gian, địa điểm tổ chức và chương trình nghị sự của cuộc họp HĐQT.	Chủ tịch HĐQT quyết định thời gian, địa điểm tổ chức và chương trình nghị sự của cuộc họp HĐQT.
Khoản 2 Điều 18	Căn cứ chương trình nghị sự của cuộc họp, Chủ tịch HĐQT /Phụ trách HĐQT quyết định thành phần tham dự cuộc họp theo các nguyên tắc sau:	Căn cứ chương trình nghị sự của cuộc họp, Chủ tịch HĐQT quyết định thành phần tham dự cuộc họp theo các nguyên tắc sau:
Điểm b Khoản 2 Điều 18	Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT triệu tập một số cán bộ quản trị hoặc cán bộ quản lý chủ chốt và/hoặc mời đại diện cổ đông lớn để tham dự cuộc họp;	Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch HĐQT triệu tập một số cán bộ quản trị hoặc cán bộ quản lý chủ chốt và/hoặc mời đại diện cổ đông lớn để tham dự cuộc họp;

Quy chế 2022		Quy chế 2024 sửa đổi, bổ sung
Điều, Khoản	Nội dung	Nội dung
Điểm a Khoản 3 Điều 18	Thư mời họp HĐQT do Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT ký ban hành;	Thư mời họp HĐQT do Chủ tịch HĐQT ký ban hành;
Điểm c Khoản 4 Điều 18	Việc nhận và gửi các tài liệu được thực hiện theo chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT .	Việc nhận và gửi các tài liệu được thực hiện theo chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT .
Điểm a Khoản 6 Điều 18	Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT là Chủ tọa cuộc họp HĐQT. Trường hợp Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT không thể chủ tọa cuộc họp thì HĐQT sẽ chỉ định 01 thành viên HĐQT là Chủ tọa cuộc họp;	Chủ tịch HĐQT là Chủ tọa cuộc họp HĐQT. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không thể chủ tọa cuộc họp thì HĐQT sẽ chỉ định 01 thành viên HĐQT là Chủ tọa cuộc họp;
Điểm f Khoản 6 Điều 18	Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua khi có trên 50% tổng số thành viên HĐQT tham dự biểu quyết tán thành hoặc có ý kiến bằng văn bản chấp thuận. Việc đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều lệ, tổ chức lại, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của Công ty phải được ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên tham dự biểu quyết tán thành hoặc có ý kiến bằng văn bản chấp thuận. Trường hợp có số phiếu ngang nhau thì bên có phiếu của Chủ tịch/Phụ trách HĐQT hoặc người được Chủ tịch/Phụ trách HĐQT chủ trì cuộc họp là quyết định. Thành viên HĐQT có quyền bảo	Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua khi có trên 50% tổng số thành viên HĐQT tham dự biểu quyết tán thành hoặc có ý kiến bằng văn bản chấp thuận. Việc đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều lệ, tổ chức lại, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của Công ty phải được ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên tham dự biểu quyết tán thành hoặc có ý kiến bằng văn bản chấp thuận. Trường hợp có số phiếu ngang nhau thì bên có phiếu của Chủ tịch HĐQT hoặc người được Chủ tịch HĐQT chủ trì cuộc họp là quyết định. Thành viên HĐQT có quyền bảo lưu ý kiến

Quy chế 2022		Quy chế 2024 sửa đổi, bổ sung
Điều, Khoản	Nội dung	Nội dung
	lưu ý kiến của mình, nhưng vẫn phải chấp hành nghị quyết, quyết định đã được HĐQT thông qua và được quyền kiến nghị.	của mình, nhưng vẫn phải chấp hành nghị quyết, quyết định đã được HĐQT thông qua và được quyền kiến nghị.
Điểm d Khoản 1 Điều 19	Biên bản cuộc họp và các tài liệu lưu hành trong cuộc họp được lưu trữ theo quy định. Việc trích yếu, sử dụng các nội dung trong biên bản cuộc họp do Thư ký Công ty/Ban Tổng hợp Nhân sự thực hiện theo sự chỉ đạo từ Chủ tịch/Phụ trách HĐQT .	Biên bản cuộc họp và các tài liệu lưu hành trong cuộc họp được lưu trữ theo quy định. Việc trích yếu, sử dụng các nội dung trong biên bản cuộc họp do Thư ký Công ty/Ban Tổng hợp Nhân sự thực hiện theo sự chỉ đạo từ Chủ tịch HĐQT .
Điểm b Khoản 2 Điều 19	Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành Nghị quyết của HĐQT;	Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành Nghị quyết của HĐQT;
Điểm d Khoản 2 Điều 19	Sau khi được ban hành, Nghị quyết của HĐQT có thể được trích yếu, gửi cho các thành viên Ban điều hành, các cán bộ quản lý chủ chốt và các Trưởng đơn vị để tổ chức thực hiện chủ trương, chỉ đạo của HĐQT. Việc trích yếu, thông báo nội dung Nghị quyết của HĐQT do Thư ký Công ty/Ban Tổng hợp Nhân sự thực hiện theo chỉ đạo từ Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT ;	Sau khi được ban hành, Nghị quyết của HĐQT có thể được trích yếu, gửi cho các thành viên Ban điều hành, các cán bộ quản lý chủ chốt và các Trưởng đơn vị để tổ chức thực hiện chủ trương, chỉ đạo của HĐQT. Việc trích yếu, thông báo nội dung Nghị quyết của HĐQT do Thư ký Công ty/Ban Tổng hợp Nhân sự thực hiện theo chỉ đạo từ Chủ tịch HĐQT ;
Điểm e Khoản 2 Điều 19	HĐQT giao trách nhiệm cho Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT tổ chức theo dõi, kiểm tra, đôn đốc tình hình thực	HĐQT giao trách nhiệm cho Chủ tịch HĐQT tổ chức theo dõi, kiểm tra, đôn đốc tình hình thực hiện các nhiệm

Quy chế 2022		Quy chế 2024 sửa đổi, bổ sung
Điều, Khoản	Nội dung	Nội dung
	hiện các nhiệm vụ, công việc đã được HĐQT giao cho các đơn vị thực hiện. Định kỳ hàng tháng hoặc theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT , các đơn vị có trách nhiệm liên quan gửi báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện các công việc, nhiệm vụ được giao cho Ban Tổng hợp Nhân sự để tổng hợp, đánh giá, trình Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT xem xét, gửi HĐQT.	vụ, công việc đã được HĐQT giao cho các đơn vị thực hiện. Định kỳ hàng tháng hoặc theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT , các đơn vị có trách nhiệm liên quan gửi báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện các công việc, nhiệm vụ được giao cho Ban Tổng hợp Nhân sự để tổng hợp, đánh giá, trình Chủ tịch HĐQT xem xét, gửi HĐQT.
Điểm c Khoản 3 Điều 19	Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành Quyết định HĐQT.	Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành Quyết định HĐQT.
Khoản 1 Điều 20	Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT quyết định việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản	Chủ tịch HĐQT quyết định việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản
Điểm b Khoản 3 Điều 23	Trường hợp phát hiện có rủi ro hoặc các sự việc đột xuất có khả năng ảnh hưởng đến các hoạt động bình thường của Công ty, như: Uy tín, thương hiệu Công ty; Thay đổi, biến động về nhân sự chủ chốt; Các vấn đề liên quan đến vốn, tài sản của Công ty; Các vấn đề liên quan đến tính tuân thủ pháp luật khi hoạt động; Quyền lợi của đối tác, cổ đông, khách hàng; Và các sự việc khác nếu xét thấy cần thiết, Ban điều hành và các chức danh, đơn vị trực thuộc HĐQT có trách nhiệm báo cáo kịp thời cho HĐQT, Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT để chỉ đạo hướng giải quyết.	Trường hợp phát hiện có rủi ro hoặc các sự việc đột xuất có khả năng ảnh hưởng đến các hoạt động bình thường của Công ty, như: Uy tín, thương hiệu Công ty; Thay đổi, biến động về nhân sự chủ chốt; Các vấn đề liên quan đến vốn, tài sản của Công ty; Các vấn đề liên quan đến tính tuân thủ pháp luật khi hoạt động; Quyền lợi của đối tác, cổ đông, khách hàng; Và các sự việc khác nếu xét thấy cần thiết, Ban điều hành và các chức danh, đơn vị trực thuộc HĐQT có trách nhiệm báo cáo kịp thời cho HĐQT, Chủ tịch HĐQT để chỉ đạo hướng giải quyết.

Quy chế 2022		Quy chế 2024 sửa đổi, bổ sung
Điều, Khoản	Nội dung	Nội dung
Khoản 2 Điều 27	Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.	Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
Khoản 3 Điều 27	Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT về việc bàn giao đó.	Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.
Khoản 7 Điều 28	Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT tham dự hoặc cử đại diện của HĐQT tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các đề án trình HĐQT do Tổng Giám đốc chủ trì. Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT hoặc người đại diện HĐQT dự họp có quyền phát biểu đóng góp ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp	Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc cử đại diện của HĐQT tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các đề án trình HĐQT do Tổng Giám đốc chủ trì. Chủ tịch HĐQT hoặc người đại diện HĐQT dự họp có quyền phát biểu đóng góp ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp

Quy chế 2022		Quy chế 2024 sửa đổi, bổ sung
Điều, Khoản	Nội dung	Nội dung
Khoản 9 Điều 28	Các chương trình nghiên cứu, khảo sát, học tập trong nước và ngoài nước; Các cuộc đàm phán và ký kết hợp đồng... của Công ty có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT đề cử thành viên HĐQT tham dự.	Các chương trình nghiên cứu, khảo sát, học tập trong nước và ngoài nước; Các cuộc đàm phán và ký kết hợp đồng... của Công ty có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch HĐQT đề cử thành viên HĐQT tham dự.
Khoản 10 Điều 28	Các cuộc họp do các cơ quan có liên quan mời Ban lãnh đạo Công ty tham dự (trừ những trường hợp mời đích danh), thì tùy theo tính chất từng cuộc họp để phân công cụ thể. Những cuộc họp có liên quan đến đổi mới tổ chức, cơ chế, chính sách, kế hoạch hàng năm, kế hoạch 5 năm, chiến lược phát triển trung – dài hạn hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc lớn của Công ty thì Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT và Tổng Giám đốc cùng dự; Hoặc Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT quyết định một trong hai chức danh trên tham dự, sau đó thông báo lại cho nhau.	Các cuộc họp do các cơ quan có liên quan mời Ban lãnh đạo Công ty tham dự (trừ những trường hợp mời đích danh), thì tùy theo tính chất từng cuộc họp để phân công cụ thể. Những cuộc họp có liên quan đến đổi mới tổ chức, cơ chế, chính sách, kế hoạch hàng năm, kế hoạch 5 năm, chiến lược phát triển trung – dài hạn hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc lớn của Công ty thì Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc cùng dự; Hoặc Chủ tịch HĐQT quyết định một trong hai chức danh trên tham dự, sau đó thông báo lại cho nhau.
Khoản 11 Điều 28	Tại các phiên họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT hoặc người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung họp để quyết định mời thêm các Phó Tổng Giám đốc, Chủ tịch/Giám đốc Công ty con hoặc Trưởng/Phó phòng/ban/đơn vị phụ trách mảng công việc có liên quan	Tại các phiên họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung họp để quyết định mời thêm các Phó Tổng Giám đốc, Chủ tịch/Giám đốc Công ty con hoặc Trưởng/Phó phòng/ban/đơn vị phụ trách mảng công việc có liên quan tham dự họp, báo cáo công việc cụ thể và tham gia ý kiến (nếu có).

Quy chế 2022		Quy chế 2024 sửa đổi, bổ sung
Điều, Khoản	Nội dung	Nội dung
	tham dự họp, báo cáo công việc cụ thể và tham gia ý kiến (nếu có).	
Khoản 12 Điều 28	Tại các phiên họp định kỳ hoặc đột xuất của Ban Tổng Giám đốc hoặc các phiên họp liên quan đến các nội dung quan trọng do Ban Tổng Giám đốc chủ trì, người chủ trì mời và Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT tham dự hoặc cử đại diện HĐQT cùng tham dự họp và chỉ đạo trực tiếp (nếu có).	Tại các phiên họp định kỳ hoặc đột xuất của Ban Tổng Giám đốc hoặc các phiên họp liên quan đến các nội dung quan trọng do Ban Tổng Giám đốc chủ trì, người chủ trì mời và Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc cử đại diện HĐQT cùng tham dự họp và chỉ đạo trực tiếp (nếu có).
Khoản 3 Điều 29	Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT mời BKS tham dự cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT.	Chủ tịch HĐQT mời BKS tham dự cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT.
Khoản 1 Điều 32	Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT và các thành viên HĐQT khi quan hệ công tác với các cơ quan nhà nước, các tổ chức và cá nhân bên ngoài có quyền và nghĩa vụ nhân danh HĐQT và nhân danh Công ty theo phân định thẩm quyền của Thành viên HĐQT.	Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT khi quan hệ công tác với các cơ quan nhà nước, các tổ chức và cá nhân bên ngoài có quyền và nghĩa vụ nhân danh HĐQT và nhân danh Công ty theo phân định thẩm quyền của Thành viên HĐQT.
Khoản 2 Điều 32	Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT là người đại diện thay mặt Công ty trong các buổi làm việc hoặc tổ chức sự kiện với lãnh đạo của các cơ quan cấp trên, các ban ngành có liên quan, với các đối tác kinh doanh hoặc khách hàng lớn, khách hàng chiến lược, với cơ quan thông tấn báo chí...	Chủ tịch HĐQT là người đại diện thay mặt Công ty trong các buổi làm việc hoặc tổ chức sự kiện với lãnh đạo của các cơ quan cấp trên, các ban ngành có liên quan, với các đối tác kinh doanh hoặc khách hàng lớn, khách hàng chiến lược, với cơ quan thông tấn báo chí... Trường hợp

Quy chế 2022		Quy chế 2024 sửa đổi, bổ sung
Điều, Khoản	Nội dung	Nội dung
	<p>Trường hợp không tham dự được, Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT sẽ ủy quyền cho một thành viên HĐQT khác hoặc một thành viên trong Ban Tổng Giám đốc thực hiện. Trường hợp được Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT ủy quyền, sau khi tham dự, người được ủy quyền có trách nhiệm báo cáo lại Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT về nội dung làm việc.</p>	<p>không tham dự được, Chủ tịch HĐQT sẽ ủy quyền cho một thành viên HĐQT khác hoặc một thành viên trong Ban Tổng Giám đốc thực hiện. Trường hợp được Chủ tịch HĐQT ủy quyền, sau khi tham dự, người được ủy quyền có trách nhiệm báo cáo lại Chủ tịch HĐQT về nội dung làm việc.</p>

ĐỐI CHIẾU SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Đính kèm theo Tờ trình của HĐQT v/v v sửa đổi một số Điều tại Điều lệ tổ chức và hoạt động năm 2022; Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2022; Quy chế hoạt động của HĐQT năm 2022)

Quy chế 2022		Quy chế 2024 sửa đổi, bổ sung
Điều, Khoản	Nội dung	Nội dung
Điểm e Khoản 1 Điều 2	“Người nội bộ” là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Công ty, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị , thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm toán nội bộ; Thư ký Công ty, người phụ trách quản trị Công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.	“Người nội bộ” là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Công ty, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị , thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm toán nội bộ; Thư ký Công ty, người phụ trách quản trị Công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.
Điểm b Khoản 2 Điều 4	Hội đồng quản trị thành lập các Ban chuyên trách trực thuộc để giúp việc cho Chủ tịch/Phụ trách Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị.	Hội đồng quản trị thành lập các Ban chuyên trách trực thuộc để giúp việc cho Chủ tịch HĐQT và thành viên Hội đồng quản trị.
Điểm a Khoản 3 Điều 13	Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị – Trưởng Ban Kiểm phiếu;	Chủ tịch Hội đồng quản trị – Trưởng Ban Kiểm phiếu;
Điều 20	Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị	Chủ tịch Hội đồng quản trị

Quy chế 2022		Quy chế 2024 sửa đổi, bổ sung
Điều, Khoản	Nội dung	Nội dung
Khoản 4 Điều 20	Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó hoặc từ chức, bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu một người khác trong số họ làm Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán trong thời hạn mười (10) ngày.	Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó hoặc từ chức, bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu một người khác trong số họ làm Chủ tịch Hội đồng quản trị để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán trong thời hạn mười (10) ngày.
Khoản 5 Điều 20	Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.	Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.
Khoản 2 Điều 21	Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty.	Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty.
Điểm b Khoản 1 Điều 22	<ul style="list-style-type: none"> – Ban Tổng hợp Nhân sự thuộc Hội đồng quản trị sẽ tổ chức tìm kiếm, lựa chọn ứng viên phù hợp tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 19 Quy chế này để trình Chủ tịch/Phụ trách Hội đồng quản trị lấy ý kiến Hội đồng quản trị xem xét, đề cử. – Cổ đông, nhóm cổ đông không đủ điều kiện đề cử ứng viên có thể giới thiệu nhân sự cho Ban Tổng hợp Nhân sự thuộc Hội đồng quản trị đánh giá, lựa chọn và trình 	<ul style="list-style-type: none"> – Ban Tổng hợp Nhân sự thuộc Hội đồng quản trị sẽ tổ chức tìm kiếm, lựa chọn ứng viên phù hợp tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 19 Quy chế này để trình Chủ tịch Hội đồng quản trị lấy ý kiến Hội đồng quản trị xem xét, đề cử. – Cổ đông, nhóm cổ đông không đủ điều kiện đề cử ứng viên có thể giới thiệu nhân sự cho Ban Tổng hợp Nhân sự thuộc Hội đồng quản trị đánh giá, lựa chọn

Quy chế 2022		Quy chế 2024 sửa đổi, bổ sung
Điều, Khoản	Nội dung	Nội dung
	Hội đồng quản trị trình Chủ tịch/Phụ trách Hội đồng quản trị lấy ý kiến Hội đồng quản trị xem xét, đề cử.	và trình Hội đồng quản trị trình Chủ tịch Hội đồng quản trị lấy ý kiến Hội đồng quản trị xem xét, đề cử.
Điểm a Khoản 1 Điều 25	– Bầu Chủ tịch/Phụ trách Hội đồng quản trị (khi Chủ tịch/Phụ trách Hội đồng quản trị đương nhiệm hết nhiệm kỳ);	– Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị (khi Chủ tịch Hội đồng quản trị đương nhiệm hết nhiệm kỳ);
Điểm a Khoản 2 Điều 25	Trong nhiệm kỳ, Hội đồng quản trị có thể họp thường kỳ hoặc họp bất thường. Chủ tịch/Phụ trách Hội đồng quản trị quyết định việc triệu tập, thời gian, địa điểm và lập chương trình nghị sự cho các cuộc họp. Riêng đối với cuộc họp thường kỳ, Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần.	Trong nhiệm kỳ, Hội đồng quản trị có thể họp thường kỳ hoặc họp bất thường. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc triệu tập, thời gian, địa điểm và lập chương trình nghị sự cho các cuộc họp. Riêng đối với cuộc họp thường kỳ, Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần.
Khoản 1 Điều 26	Chủ tịch/Phụ trách Hội đồng quản trị quyết định việc triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị, với các nội dung: Thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp; Thành phần tham dự cuộc họp; Chương trình nghị sự của cuộc họp.	Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị, với các nội dung: Thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp; Thành phần tham dự cuộc họp; Chương trình nghị sự của cuộc họp.
Điểm a Khoản 2 Điều 26	Tất cả thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban điều hành phải tham dự cuộc họp. Trường hợp Hội đồng quản trị thảo luận, trao đổi các vấn đề cần bảo mật, Chủ tịch/Phụ trách Hội đồng quản trị quyết định việc Ban điều hành không tham dự cuộc họp.	Tất cả thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban điều hành phải tham dự cuộc họp. Trường hợp Hội đồng quản trị thảo luận, trao đổi các vấn đề cần bảo mật, Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc Ban điều hành không tham dự cuộc họp.

Quy chế 2022		Quy chế 2024 sửa đổi, bổ sung
Điều, Khoản	Nội dung	Nội dung
Điểm b Khoản 2 Điều 26	Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch/Phụ trách Hội đồng quản trị triệu tập một số cán bộ quản trị hoặc cán bộ quản lý chủ chốt để tham dự cuộc họp;	Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập một số cán bộ quản trị hoặc cán bộ quản lý chủ chốt để tham dự cuộc họp;
Điểm a Khoản 3 Điều 26	Thư mời họp Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị ký ban hành;	Thư mời họp Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành;
Điểm b Khoản 3 Điều 26	Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị và Thư ký Công ty có trách nhiệm gửi thư mời họp Hội đồng quản trị và cho các thành viên Hội đồng quản trị và để tham dự cuộc họp. Thư mời họp được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị và bằng thư điện tử hoặc bằng phương thức khác để các thành viên Hội đồng quản trị có thể nắm được thông tin của cuộc họp;	Chủ tịch Hội đồng quản trị và Thư ký Công ty có trách nhiệm gửi thư mời họp Hội đồng quản trị và cho các thành viên Hội đồng quản trị và để tham dự cuộc họp. Thư mời họp được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị và bằng thư điện tử hoặc bằng phương thức khác để các thành viên Hội đồng quản trị có thể nắm được thông tin của cuộc họp;
Điểm a Khoản 4 Điều 26	Các đơn vị có trách nhiệm liên quan phải chuẩn bị, hoàn thiện các báo cáo, tờ trình và tài liệu phục vụ cuộc họp theo nội dung Thư mời họp Hội đồng quản trị và gửi bằng thư điện tử đến Thư ký Công ty và Chủ tịch/Phụ trách Hội đồng quản trị ;	Các đơn vị có trách nhiệm liên quan phải chuẩn bị, hoàn thiện các báo cáo, tờ trình và tài liệu phục vụ cuộc họp theo nội dung Thư mời họp Hội đồng quản trị và gửi bằng thư điện tử đến Thư ký Công ty và Chủ tịch Hội đồng quản trị ;
Điểm b Khoản 4 Điều 26	Chủ tịch/Phụ trách Hội đồng quản trị và Thư ký Công ty có trách nhiệm tổng hợp các tài liệu đã nhận được để gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị bằng thư điện tử, chậm nhất 03 ngày trước ngày tổ chức cuộc họp;	Chủ tịch Hội đồng quản trị và Thư ký Công ty có trách nhiệm tổng hợp các tài liệu đã nhận được để gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị bằng thư điện tử, chậm nhất 03 ngày trước ngày tổ chức cuộc họp;

Quy chế 2022		Quy chế 2024 sửa đổi, bổ sung
Điều, Khoản	Nội dung	Nội dung
Điểm c Khoản 4 Điều 26	Việc nhận và gửi các tài liệu được thực hiện theo chỉ đạo của Chủ tịch/Phụ trách Hội đồng quản trị .	Việc nhận và gửi các tài liệu được thực hiện theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng quản trị .
Điểm a Khoản 6 Điều 26	Chủ tịch/Phụ trách Hội đồng quản trị là Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch/Phụ trách Hội đồng quản trị không thể chủ tọa cuộc họp thì Hội đồng quản trị sẽ chỉ định 01 thành viên Hội đồng quản trị là Chủ tọa cuộc họp;	Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không thể chủ tọa cuộc họp thì Hội đồng quản trị sẽ chỉ định 01 thành viên Hội đồng quản trị là Chủ tọa cuộc họp;
Điểm d Khoản 6 Điều 26	Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua khi có đa số Phiếu biểu quyết tán thành (trên 50%). Trường hợp số Phiếu biểu quyết “Tán thành” và “Không tán thành” ngang bằng nhau thì Phiếu biểu quyết của Chủ tịch/Phụ trách Hội đồng quản trị là phiếu quyết định. Trường hợp Chủ tịch/Phụ trách Hội đồng quản trị không biểu quyết thì Phiếu biểu quyết của Chủ tọa cuộc họp là phiếu quyết định.	Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua khi có đa số Phiếu biểu quyết tán thành (trên 50%). Trường hợp số Phiếu biểu quyết “Tán thành” và “Không tán thành” ngang bằng nhau thì Phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không biểu quyết thì Phiếu biểu quyết của Chủ tọa cuộc họp là phiếu quyết định.
Điểm d Khoản 1 Điều 27	Biên bản cuộc họp và các tài liệu lưu hành trong cuộc họp được lưu trữ theo quy định, được bảo quản và sử dụng theo chế độ mật. Việc trích yếu, sử dụng các nội dung trong biên bản cuộc họp do Thư ký Công ty thực hiện theo chỉ đạo của Chủ tịch/ Phụ trách Hội đồng quản trị .	Biên bản cuộc họp và các tài liệu lưu hành trong cuộc họp được lưu trữ theo quy định, được bảo quản và sử dụng theo chế độ mật. Việc trích yếu, sử dụng các nội dung trong biên bản cuộc họp do Thư ký Công ty thực hiện theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng quản trị .
Điểm b Khoản 2 Điều 27	Chủ tịch/Phụ trách Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành Nghị quyết của Hội đồng quản trị;	Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành Nghị quyết của Hội đồng quản trị;

Quy chế 2022		Quy chế 2024 sửa đổi, bổ sung
Điều, Khoản	Nội dung	Nội dung
Điểm d Khoản 2 Điều 27	Sau khi được ban hành, Nghị quyết của Hội đồng quản trị có thể được trích yếu, gửi cho các thành viên Ban điều hành, các cán bộ quản lý chủ chốt, các trưởng đơn vị để tổ chức thực hiện chủ trương, chỉ đạo của Hội đồng quản trị hoặc để công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng khoán. Việc trích yếu, sử dụng các nội dung trong nghị quyết Hội đồng quản trị do Thư ký Công ty thực hiện theo chỉ đạo của Chủ tịch/Phụ trách Hội đồng quản trị .	Sau khi được ban hành, Nghị quyết của Hội đồng quản trị có thể được trích yếu, gửi cho các thành viên Ban điều hành, các cán bộ quản lý chủ chốt, các trưởng đơn vị để tổ chức thực hiện chủ trương, chỉ đạo của Hội đồng quản trị hoặc để công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng khoán. Việc trích yếu, sử dụng các nội dung trong nghị quyết Hội đồng quản trị do Thư ký Công ty thực hiện theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng quản trị .
Điểm e Khoản 2 Điều 27	Chủ tịch/Phụ trách Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức theo dõi, kiểm tra, đôn đốc tình hình thực hiện các nhiệm vụ, công việc đã được Hội đồng quản trị giao cho các đơn vị thực hiện. Định kỳ hàng tháng, các đơn vị có trách nhiệm liên quan gửi báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện các công việc, nhiệm vụ được giao cho Thư ký Công ty để tổng hợp, đánh giá, trình Hội đồng quản trị xem xét tại cuộc họp thường kỳ gần nhất.	Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức theo dõi, kiểm tra, đôn đốc tình hình thực hiện các nhiệm vụ, công việc đã được Hội đồng quản trị giao cho các đơn vị thực hiện. Định kỳ hàng tháng, các đơn vị có trách nhiệm liên quan gửi báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện các công việc, nhiệm vụ được giao cho Thư ký Công ty để tổng hợp, đánh giá, trình Hội đồng quản trị xem xét tại cuộc họp thường kỳ gần nhất.
Điểm c Khoản 3 Điều 27	Chủ tịch/Phụ trách Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành Quyết định của Hội đồng quản trị.	Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành Quyết định của Hội đồng quản trị.
Khoản 1 Điều 28	Hội đồng quản trị thành lập một số Ban chuyên trách trực thuộc Hội đồng quản trị để tham mưu, giúp việc và hỗ trợ Hội đồng quản trị thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch/Phụ trách Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị, gồm các ban: Tổng hợp và Nhân sự; Kế hoạch và Đầu tư; và có thể thành lập các ban khác.	Hội đồng quản trị thành lập một số Ban chuyên trách trực thuộc Hội đồng quản trị để tham mưu, giúp việc và hỗ trợ Hội đồng quản trị thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị, gồm các ban: Tổng hợp và Nhân sự; Kế hoạch và Đầu tư; và có thể thành lập các ban khác.

Quy chế 2022		Quy chế 2024 sửa đổi, bổ sung
Điều, Khoản	Nội dung	Nội dung
Khoản 5 Điều 28	Việc tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển Trưởng ban và các thành viên ban chuyên trách thuộc Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch/Phụ trách Hội đồng quản trị . Tiền lương, thưởng và các lợi ích khác thực hiện theo Quy chế tiền lương, tiền thưởng của Công ty.	Việc tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển Trưởng ban và các thành viên ban chuyên trách thuộc Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị . Tiền lương, thưởng và các lợi ích khác thực hiện theo Quy chế tiền lương, tiền thưởng của Công ty.
Điểm f Khoản 2 Điều 30	Chịu sự chỉ đạo, điều phối từ Chủ tịch/Phụ trách Hội đồng quản trị trong việc triển khai các chức năng của Người phụ trách quản trị Công ty;	Chịu sự chỉ đạo, điều phối từ Chủ tịch Hội đồng quản trị trong việc triển khai các chức năng của Người phụ trách quản trị Công ty
Khoản 2 Điều 40	Trong quá trình xử lý các công việc mà thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách mà cần có ý kiến của thành viên đó thì thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau, thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hay lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty.	Trong quá trình xử lý các công việc mà thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách mà cần có ý kiến của thành viên đó thì thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau, thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hay lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty.
Khoản 7 Điều 41	Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị tham dự hoặc cử đại diện của Hội đồng quản trị tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các đề án trình Hội đồng quản trị do Tổng Giám đốc chủ trì. Chủ tịch Hội	Chủ tịch Hội đồng quản trị tham dự hoặc cử đại diện của Hội đồng quản trị tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các đề án trình Hội đồng quản trị do Tổng Giám đốc chủ trì. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc

Quy chế 2022		Quy chế 2024 sửa đổi, bổ sung
Điều, Khoản	Nội dung	Nội dung
	đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị hoặc người đại diện Hội đồng quản trị dự họp có quyền phát biểu đóng góp ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.	người đại diện Hội đồng quản trị dự họp có quyền phát biểu đóng góp ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.
Khoản 9 Điều 41	Các chương trình nghiên cứu, khảo sát, học tập trong nước và ngoài nước; Các cuộc đàm phán và ký kết hợp đồng... của Công ty có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị đề cử thành viên Hội đồng quản trị tham dự.	Các chương trình nghiên cứu, khảo sát, học tập trong nước và ngoài nước; Các cuộc đàm phán và ký kết hợp đồng... của Công ty có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị đề cử thành viên Hội đồng quản trị tham dự.
Khoản 11 Điều 41	Tại các phiên họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị hoặc người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung họp để quyết định mời thêm các Phó Tổng Giám đốc hoặc Trưởng/Phó Phòng/Ban/đơn vị phụ trách mảng công việc có liên quan tham dự họp, báo cáo công việc cụ thể và tham gia ý kiến (nếu có).	Tại các phiên họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung họp để quyết định mời thêm các Phó Tổng Giám đốc hoặc Trưởng/Phó Phòng/Ban/đơn vị phụ trách mảng công việc có liên quan tham dự họp, báo cáo công việc cụ thể và tham gia ý kiến (nếu có).
Khoản 12 Điều 41	Tại các phiên họp định kỳ hoặc đột xuất của Ban Tổng Giám đốc hoặc các phiên họp liên quan đến các nội dung quan trọng do Ban Tổng Giám đốc chủ trì, người chủ trì mời Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị tham dự và chỉ đạo trực tiếp hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị cử đại diện Hội đồng quản trị tham dự họp.	Tại các phiên họp định kỳ hoặc đột xuất của Ban Tổng Giám đốc hoặc các phiên họp liên quan đến các nội dung quan trọng do Ban Tổng Giám đốc chủ trì, người chủ trì mời Chủ tịch Hội đồng quản trị tham dự và chỉ đạo trực tiếp hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị cử đại diện Hội đồng quản trị tham dự họp.
Điểm b Khoản 1 Điều 53	Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh	Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh

Quy chế 2022		Quy chế 2024 sửa đổi, bổ sung
Điều, Khoản	Nội dung	Nội dung
	<p>chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phụ trách Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p>	<p>chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p>

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex được thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm **2024** tổ chức vào ngày **23 tháng 4 năm 2024**.

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong Điều lệ này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “*Công ty*”, “*Công ty Pjtaco*”: có nghĩa là Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex.
2. “*Tổng Công ty*” là Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex.
3. Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex là Công ty mẹ của một Công ty khác theo một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó;
 - b) Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty đó;
 - c) Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.

Các Công ty bị Công ty chi phối theo các trường hợp nêu trên được gọi là “*Công ty con*” của Công ty.

4. “*Vốn điều lệ*” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp.
5. “*Cổ đông*” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.
6. “*Người quản lý doanh nghiệp*” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.
7. “*Người điều hành doanh nghiệp*” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Công ty.
8. “*Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành*” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những chức danh khác theo quy định của Công ty.
9. “*Luật Doanh nghiệp*” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.
10. “*Luật Chứng khoán*” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019.
11. “*Ngày thành lập*” là ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

12. "*Người có liên quan*" là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp được quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
13. "*Người có quan hệ gia đình*": giữa các thành viên trong một doanh nghiệp, nếu phát sinh các mối quan hệ quy định tại Khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 sẽ được coi là người có quan hệ gia đình với nhau, bao gồm: Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.
14. "*Thời hạn hoạt động*" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này.
15. "*Việt Nam*" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
16. "*Cổ tức*" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.
17. "*Địa chỉ thường trú*" là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc địa chỉ nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với Công ty để làm địa chỉ liên lạc.
18. "*Giá thị trường của phần vốn góp hoặc cổ phần*" là giá giao dịch trên thị trường cao nhất ngày hôm trước, giá thỏa thuận giữa người bán và người mua, hoặc giá do một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp xác định.
19. "*Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*" là văn bản hoặc bản điện tử mà Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp cho Công ty ghi lại những thông tin về đăng ký doanh nghiệp.
20. "*Góp vốn*" là việc góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ của Công ty. Góp vốn bao gồm góp vốn để thành lập doanh nghiệp hoặc góp thêm vốn điều lệ của doanh nghiệp đã được thành lập.
21. "*Vốn có quyền biểu quyết*" là phần vốn góp hoặc cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
22. "*Cổ phần đã bán*" là số cổ phần được quyền chào bán đã được các cổ đông thanh toán đủ cho Công ty. Tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp, cổ phần đã bán là tổng số cổ phần các loại đã được đăng ký mua.
23. "*Cổ phần được quyền chào bán của Công ty*" là tổng số cổ phần các loại mà Đại hội đồng cổ đông quyết định sẽ chào bán để huy động vốn.
24. "*Cổ phần chưa bán*" là cổ phần được quyền chào bán và chưa được thanh toán.
25. "*Cổ phiếu*" là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty.
26. "*Chào bán cổ phần*" là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.

27. “Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu” là trường hợp Công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán toàn bộ số cổ phần đó cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty.

Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Điều 2. Tên, loại hình doanh nghiệp, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

– Tên tiếng Việt :

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

– Tên tiếng Anh : PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANY

– Tên viết tắt : PJTACO

– Mã Chứng khoán : PJT

2. Biểu tượng:



3. Loại hình doanh nghiệp: Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật của Việt Nam. Tổng Công ty và Công ty thực hiện quyền và trách nhiệm theo các Điều 194, Điều 195 Luật Doanh nghiệp và theo Điều lệ này.

4. Trụ sở đăng ký của Công ty:

– Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà số 322 đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

– Số điện thoại : (028) 38991101.

– Số Fax : (028) 35123345.

– Website : www.pjtaco.petrokimex.com.vn

5. Công ty có thể thành lập mới, chia tách, hợp nhất, chuyển đổi hoặc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và các đơn vị trực thuộc khác để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Thời hạn hoạt động của Công ty: Trừ trường hợp Công ty bị giải thể, phá sản theo quy định tại Điều 56 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là các cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết sự việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc là những người đại diện theo pháp luật của Công ty

3. Những người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

3.1. Trách nhiệm chung

a. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;

b. Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; Không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

d. Mỗi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm trách nhiệm của mình quy định tại Điều lệ này.

3.2. Chủ tịch HĐQT là Người đại diện theo pháp luật của Công ty trước bên thứ ba trong các lĩnh vực, giao dịch, hoạt động dưới đây:

a. ĐHĐCĐ, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, HĐQT;

b. Tăng, giảm vốn điều lệ; chuyển nhượng cổ phần; phát hành cổ phần; phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền; thực hiện trình tự, thủ tục chứng nhận quyền sở hữu cổ phần cho cổ đông và các công việc khác có liên quan; ký ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty;

c. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

d. Tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

e. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

f. Giải quyết, xử lý các khiếu nại, tố cáo và các vấn đề khác có liên quan đến hoặc phát sinh từ quá trình thực hiện nhiệm vụ của HĐQT, thành viên HĐQT, BKS, thành viên BKS, thành viên BDH;

g. Công ty mua lại cổ phần đã phát hành;

h. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết do Công ty sở hữu toàn bộ vốn điều lệ, hoặc có cổ phần, vốn góp chi phối theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

i. Hợp đồng lao động giữa Công ty và người lao động là thành viên HĐQT, BKS, BDH;

j. Tham gia tố tụng theo quy định pháp luật trong các vụ việc, vụ án dưới đây, trừ trường hợp Tòa án có chỉ định khác:

- Tranh chấp kinh doanh – thương mại giữa Công ty với cổ đông liên quan đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông; giữa Công ty với thành viên HĐQT, BKS, BDH; giữa các cổ đông, thành viên HĐQT, BKS, BDH với nhau liên quan đến việc thành lập, hoạt động, giải thể, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, bàn giao tài sản của công ty, chuyển đổi hình thức tổ chức của công ty;

- Tranh chấp lao động giữa Công ty và người lao động là thành viên HĐQT, BKS, Ban Điều hành;

- Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;

- Vụ án hình sự mà thành viên HĐQT (trừ Chủ tịch HĐQT), thành viên BKS, TGD là người đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ hoặc là bị can, bị cáo theo pháp luật tố tụng hình sự.

3.3. Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty trước bên thứ ba trong các lĩnh vực, giao dịch, hoạt động dưới đây:

a. Hợp đồng, giao dịch, công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

b. Hợp đồng, giao dịch có liên quan đến hoặc phát sinh từ công tác chuẩn bị cơ sở vật chất, kỹ thuật để tổ chức Đại hội đồng cổ đông, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, các cuộc họp của HĐQT, BKS;

c. Hợp đồng lao động giữa Công ty và người lao động trong Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT;

d. Khiếu nại, tố cáo và các vấn đề khác có liên quan đến hoặc phát sinh từ quá trình thực hiện nhiệm vụ của người lao động, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT;

f. Giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trên cơ sở nội dung được ĐHĐCĐ thông qua;

g. Hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất trên cơ sở nội dung được ĐHĐCĐ thông qua;

h. Hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty;

i. Hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp trên cơ sở nội dung được HĐQT phê duyệt;

j. Các giao dịch, hợp đồng dưới đây:

- *Giao dịch, hợp đồng phát sinh từ hoặc có liên quan đến việc tổ chức thực hiện phương án đầu tư và dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT trên cơ sở nội dung được HĐQT phê duyệt;*

- *Giao dịch, hợp đồng phát sinh từ hoặc có liên quan đến việc tổ chức thực hiện giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ trên cơ sở nội dung được HĐQT phê duyệt;*

- *Giao dịch, hợp đồng phát sinh từ hoặc có liên quan đến việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty trên cơ sở nội dung được HĐQT phê duyệt;*

- *Giao dịch, hợp đồng phát sinh từ hoặc có liên quan đến việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ trên cơ sở nội dung được HĐQT phê duyệt;*

- *Giao dịch, hợp đồng mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài trên cơ sở nội dung được HĐQT phê duyệt;*

- *Giao dịch, hợp đồng phát sinh từ hoặc có liên quan đến việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ trên cơ sở nội dung được HĐQT phê duyệt;*

- *Các giao dịch, hợp đồng không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT theo quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật;*

j. Trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

k. Công bố thông tin theo quy định pháp luật;

l. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại hoặc luật sư của Công ty;

m. Tham gia tố tụng theo quy định pháp luật trong các vụ việc, vụ án kinh doanh – thương mại, dân sự, lao động mà công ty là người tham gia tố tụng theo quy định pháp luật, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT hoặc Tòa án có chỉ định khác;

n. Vụ án hình sự mà Chủ tịch HĐQT là người đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ hoặc là bị can, bị cáo theo pháp luật tố tụng hình sự;

o. Các lĩnh vực thuộc thẩm quyền đại diện theo pháp luật của Chủ tịch HĐQT nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- *Công ty chưa có Chủ tịch HĐQT;*

- *Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ và không có ủy quyền bằng văn bản hợp pháp theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật.*

Điều 4. Mục tiêu hoạt động và lĩnh vực kinh doanh của Công ty

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- a) Huy động vốn của toàn xã hội, bao gồm cá nhân, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội trong và ngoài nước để đầu tư đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất, phát triển doanh nghiệp.
- b) Tạo điều kiện để các cổ đông được làm chủ thực sự, thay đổi phương thức quản lý, tạo động lực thúc đẩy doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu của thị trường, bảo toàn và phát triển vốn, mang lại lợi nhuận tối đa cho các cổ đông của Công ty. Tạo việc làm ổn định và nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người lao động và đem lại hiệu quả kinh tế xã hội.

2. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

- a) Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương: Vận tải xăng, dầu, dầu nhờn, dầu thô, khí hóa lỏng, hóa chất lỏng, nước nhiễm dầu, cặn dầu và hàng hóa khác.
- b) Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa: Vận tải xăng, dầu, dầu nhờn, dầu thô, khí hóa lỏng, hóa chất lỏng, nước nhiễm dầu, cặn dầu và hàng hóa khác.
- c) Hoạt động dịch vụ liên quan đến vận tải: Dịch vụ đại lý vận tải đường biển, đường thủy nội địa; Cho thuê tàu vận tải; Cung ứng và lai dắt tàu biển, tàu sông; Ứng cứu tràn dầu; Cung ứng và quản lý thuyền viên.
- d) Bán buôn nguyên, nhiên liệu và các sản phẩm dầu mỏ đã tinh chế: Xăng, dầu, dầu hỏa, dầu nhờn, than.
- e) Bán lẻ xăng, dầu, dầu hỏa, dầu nhờn, mỡ bôi trơn, sản phẩm làm mát động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh.
- f) Đại lý mua bán, môi giới nhiên liệu cho tàu thuyền trong nước và nước ngoài.
- g) Đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng và nâng cấp phương tiện vận tải thủy, tàu đánh bắt thủy sản (trừ thiết kế phương tiện vận tải).
- h) Sửa chữa máy móc, thiết bị dầu khí, giàn khoan (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).
- i) Xây dựng, sửa chữa kho xăng dầu; Lắp đặt máy móc và thiết bị kho xăng dầu.
- j) Dịch vụ súc rửa, vệ sinh tàu dầu, thu gom xử lý cặn dầu, dầu lẫn nước (không hoạt động tại trụ sở).
- k) Thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại, rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở).
- l) Tái chế phế liệu (không hoạt động tại trụ sở).
- m) Hoạt động đại lý bảo hiểm.
- n) Bán buôn sắt thép tấm, lá dãi, sắt thép dạng hình. Mua bán kim loại màu, sắt thép.
- o) Bán buôn cao su, phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp).
- p) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Kinh doanh vật tư, thiết bị giàn khoan và các thiết bị phục vụ cho ngành dầu khí, ngành thương mại, hàng hải và dịch vụ khác.

Công ty thực hiện kinh doanh các ngành nghề kinh doanh khác mà pháp luật không cấm.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.
3. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

CHƯƠNG II**VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP****Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn điều lệ của Công ty là Vốn điều lệ được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty. Mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 đồng, số lượng cổ phần của Công ty sẽ bằng vốn điều lệ chia cho mệnh giá một cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác nhau sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp và được ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối

số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký Người đại diện pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông hiện đang nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) sẽ được phát hành có dấu và chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu nêu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại Khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG III

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát.
4. Tổng Giám đốc điều hành.

Điều 12. Mô hình tổ chức Công ty

1. Mô hình tổ chức và hoạt động của Công ty là mô hình Công ty mẹ - Công ty con, trong đó Công ty là Công ty mẹ.
2. Công ty con là các công ty phù hợp với quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 1 của Điều lệ này.

Điều 13. Quan hệ giữa Công ty với công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

1. Quyền của Công ty đối với công ty con

- a) Quyết định nội dung Điều lệ; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty con;
- b) Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty con;
- c) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý công ty; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, quyết định mức tiền lương, tiền thưởng, thù lao và các lợi ích khác của Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng công ty con;
- d) Quyết định dự án đầu tư, mua, bán tài sản, hợp đồng vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của Công ty con hoặc tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty con;
- e) Thông qua định hướng phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- f) Quyết định tăng vốn điều lệ của công ty con; Chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của Công ty con cho tổ chức, cá nhân khác;
- g) Tổ chức giám sát, theo dõi và đánh giá hoạt động quản lý, kinh doanh của Công ty con;
- h) Quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, góp vốn vào công ty khác;
- i) Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty con;
- j) Quyết định các hình thức và biện pháp tổ chức lại công ty con theo quy định tại Điều lệ công ty con;
- k) Các quyền khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

2. Nghĩa vụ của Công ty đối với công ty con

- a) Đầu tư vốn đầy đủ và đúng hạn như đã cam kết; Trường hợp không góp đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết thì phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty con trong phạm vi vốn góp;
- b) Tuân thủ Điều lệ công ty con;
- c) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty con.

Điều 14. Nghĩa vụ, quyền hạn và trách nhiệm của công ty con

1. Các Công ty con được tổ chức, hoạt động theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty con.
2. Mục tiêu, chiến lược phát triển kinh doanh Công ty con phù hợp với chiến lược phát triển của cả nhóm Công ty mẹ - Công ty con.
3. Công ty con có trách nhiệm thực hiện phương án phối hợp kinh doanh của Công ty mẹ.
4. Công ty con hoàn toàn bình đẳng trong mối quan hệ với Công ty mẹ và các quan hệ kinh tế giữa Công ty mẹ với Công ty con được thực hiện thông qua các hợp đồng kinh tế; Công ty con chịu trách nhiệm thực hiện đúng các điều khoản quy định trong hợp đồng.
5. Công ty con đăng ký sử dụng thương hiệu, logo của Công ty mẹ và có trách nhiệm xây dựng, bảo vệ thương hiệu theo quy định của Công ty mẹ.
6. Công ty con chịu trách nhiệm phối hợp với Công ty mẹ về thông tin, thị trường, các ứng dụng nghiên cứu khoa học kỹ thuật, công nghệ, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, người lao động.
7. Trường hợp cần thiết, Công ty con có thể nhận được sự bảo lãnh từ Công ty mẹ để thực hiện một số nhiệm vụ kinh doanh ngoài năng lực của mình.
8. Công ty con có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này, các quy chế, quy định có liên quan của Công ty mẹ, Điều lệ Công ty con và pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IV

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 15. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. **Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây**
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120, Khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

- e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; Yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; Đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. **Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau**
- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; Số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; Vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 1 Điều 27 và Khoản 1 Điều 35 Điều lệ này.
5. **Việc cử người đại diện theo ủy quyền của cổ đông Công ty thực hiện theo các quy định sau đây**
 - a) Tổ chức là cổ đông Công ty phải thực hiện ủy quyền cho cá nhân bằng văn bản; Cá nhân được ủy quyền nhân danh cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
 - b) Tổ chức là cổ đông Công ty có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa **05 (năm)** người đại diện.
 - c) Trường hợp cổ đông Công ty là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể phần vốn góp, số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông Công ty không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

Điều 16. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
7. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; Chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; Nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

8. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
9. Cổ đông lớn có nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:
 - a) Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền và lợi ích của Công ty và các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
 - b) Tổ chức, cá nhân trở thành cổ đông lớn của Công ty ngoài các nghĩa vụ quy định tại các Khoản 1,2,3,4,5,6,7,8 và Mục a Khoản 9 Điều này còn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.

Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán, báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.
3. **Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau**
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

5. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

- a) Căn cứ theo tình hình thực tế, Hội đồng quản trị quyết định triệu tập đại hội theo hình thức Đại hội trực tuyến hoặc Đại hội trực tuyến kết hợp với hình thức tổ chức đại hội truyền thống. Trường hợp tổ chức đại hội có hình thức trực tuyến, Ban Tổ chức đại hội do Hội đồng quản trị thành lập có trách nhiệm triển khai các thủ tục, công việc để phục vụ cho việc tổ chức trực tuyến. Công ty áp dụng tối đa các giải pháp công nghệ thông tin hiện đại để tạo điều kiện cho cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến một cách thuận tiện nhất.
- b) Hình thức cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử có giá trị pháp lý như tham dự và biểu quyết tại Đại hội trực tiếp.
- c) Hệ thống tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - Hệ thống phải được duy trì hoạt động an toàn và ổn định, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu kết nối, tham dự của các cổ đông.
 - Địa điểm chính phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường truyền, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp trực tuyến.
 - Đảm bảo an toàn thông tin, giữ bí mật Tài khoản truy cập vào Hệ thống. Mọi thông tin tiếp nhận và cung cấp trên Hệ thống đảm bảo nguyên tắc bảo mật thông tin và phù hợp với các quy định của Luật An toàn thông tin mạng.

- Dữ liệu điện tử của chương trình Đại hội trực tuyến phải được ghi nhận, lưu giữ và sử dụng theo đúng quy định.
- d) Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành các quy định cụ thể và hướng dẫn cần thiết cho các cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. **Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây**
 - a) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - b) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị phải đánh giá kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị, ngoài ra phải đảm bảo các nội dung sau:
 - (i) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 163 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - (ii) Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;
 - (iii) Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có);
 - (iv) Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);
 - (v) Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác;
 - (vi) Các kế hoạch trong tương lai.
 - c) Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát phải tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát, ngoài ra phải đảm bảo các nội dung sau:
 - (i) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên theo quy định tại Khoản 3 Điều 172 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - (ii) Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;
 - (iii) Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
 - (iv) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác;
 - (v) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông;
2. **Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau đây**
 - a) Thông qua báo cáo tài chính năm;
 - b) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn

mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

- c) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
- e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- f) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- g) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- h) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- i) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- j) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- k) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- l) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
- m) Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- n) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
- o) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
- p) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; Quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết.
- q) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 của Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 20. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 17 của Điều lệ này.
2. **Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây**
 - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập **không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp** Đại hội đồng cổ đông.
 - b) Công bố thông tin việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo Điểm a Khoản 2 điều này tối thiểu **20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng**; Chuẩn bị chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù hợp với Luật pháp và các quy định của Công ty;
 - c) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;
 - d) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên website của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có quyền dự họp chậm nhất **21 ngày trước ngày họp** Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư)... Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên website của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ website để các cổ đông có thể tiếp cận.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 15 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty **ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc** Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:
 - a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không còn nắm giữ đủ tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông để đảm bảo quyền của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Điều 15 Điều lệ này;
 - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này; Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
7. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo Nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên **50% tổng số phiếu biểu quyết**.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 22. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu

quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu nếu đại hội không bầu thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.

5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp.
6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.
7. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
8. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.
9. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
 - a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a) Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội.

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 273 Nghị định 155.
12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 23. Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. *Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này*, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho trên **50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp** tán thành.
2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ **65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành**, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
 - e) Tổ chức lại, giải thể Công ty.
3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này.

Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định trong quy chế bầu cử.

Trường hợp không có đủ số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại cho đến khi đủ số lượng.

Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; Số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- 4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
- 5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
 - a) **Gửi thư:** Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.
 - b) **Gửi fax hoặc thư điện tử:** Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc qua thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

- 6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người quản lý và người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e) Các quyết định đã được thông qua;
 - h) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; Liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- 7. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
- 8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 9. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên Chủ tọa và Thư ký;
 - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; Tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên và chữ ký của Chủ tọa và Thư ký. Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
 3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
 4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 23 Điều lệ này.
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG V HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; Từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; Từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; Từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; Và từ 65% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
3. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về

tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- e) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i) Các thông tin khác (nếu có).

Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là 07 (bảy) người;
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đảm bảo số lượng tối thiểu thành viên độc lập Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành phù hợp theo quy định pháp luật;
4. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:
 - a) Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm quản lý trong các lĩnh vực kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
 - c) Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.
 - d) Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và quy định của Luật chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiên không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
 - Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
 - b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
 - c) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này.
6. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);
 - b) Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
 - c) Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 29. Quyền hạn và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ này, trong đó có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau:
 - a) Hội đồng quản trị có thể căn cứ vào trình độ chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm của thành viên Hội đồng quản trị để phân công nhiệm vụ cho mỗi thành viên.
 - b) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

- c) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
- d) Cố vấn, hiến kế, đôn đốc, kiểm tra theo lĩnh vực của mình cho Chủ tịch Hội đồng quản trị về công tác quản lý, điều hành, công tác đầu tư, nhân sự Ban điều hành.
- e) Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công ty;
- f) Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty, đảm bảo hoạt động của Công ty đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Công ty.

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyền kiến nghị, đề xuất:
 - Đề xuất định hướng phát triển dài hạn của Công ty; Xác định mục tiêu, chiến lược hoạt động trên cơ sở định hướng phát triển đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - Đề xuất tăng, giảm vốn điều lệ và chuyển nhượng cổ phần;
 - Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; Quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - Đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
 - Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trước Đại hội đồng cổ đông.
 - Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông.
- b) Quyền quyết định:
 - Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

- Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các quyết định; Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường;
 - Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; Quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty;
 - Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
 - Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết do Công ty sở hữu toàn bộ vốn điều lệ, hoặc có cổ phần, vốn góp chi phối theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
 - Quyết định mua lại không quá 10% mỗi loại cổ phần đã phát hành. Đối với việc mua lại cổ phần của từng loại đã được chào bán trong vòng 12 tháng thì phải tuân thủ quy định tại Điều 133 Luật doanh nghiệp và pháp luật về mua, bán, chuyển nhượng chứng khoán hiện hành.
 - Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Điều lệ này và pháp luật;
 - Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - Quyết định các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ;
 - Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
- c) Quyền quyết định về nhân sự:
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, tiền lương và các quyền lợi khác của Tổng Giám đốc;

- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm và quyết định mức lương đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo đề nghị của Tổng Giám đốc;
 - Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại hoặc luật sư của Công ty;
 - Quyết định thưởng, các tiêu chuẩn và điều kiện được thưởng, mức thưởng bằng cổ phần, tiền hoặc hình thức khác trong từng thời điểm cho các tập thể, cá nhân là cổ đông hoặc không phải cổ đông mà có nhiều công đóng góp cho sự phát triển của Công ty;
 - Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ và quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
 4. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
 5. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
 6. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
 7. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
 8. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 31. Chủ tịch Hội đồng quản trị/

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
 Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty.
 Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp; cụ thể:
 - a) Lập chương trình kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; quy định quy chế làm việc trong Hội đồng quản trị và phân công công tác cho các thành viên Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu để thảo luận và biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; Tổ chức việc thông qua các quyết định của Hội đồng quản trị; Quyết định thành lập các ban phục vụ Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - e) Triệu tập Ban điều hành họp theo định kỳ và yêu cầu báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - f) Quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ này và quy định của pháp luật.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó hoặc từ chức, bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu một người khác trong số họ làm Chủ tịch Hội đồng quản trị để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán trong thời hạn mười (10) ngày.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 32. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a) Tổng Giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác.
 - b) Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - c) Ban kiểm soát.
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; Những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu biểu quyết cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.
 Thông báo mời họp được gửi bằng buro điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Biểu quyết:

- a) Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c) Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho Chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của Chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
 - d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 44 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
11. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.
15. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.
16. Những người được mời họp dự thính: Người quản lý, Người điều hành, Ban kiểm soát, các chuyên gia của một bên thứ ba, đại diện các tổ chức, các cá nhân khác có thể được dự họp theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền biểu quyết như thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 33. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể đề xuất Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thành lập các tiểu ban trực thuộc để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị cần bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị độc lập làm trưởng ban các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Trường hợp, Công ty chưa hoặc không thành lập các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng thì Hội đồng quản trị có thể phân công thành viên Hội đồng quản trị độc lập giúp Hội đồng quản trị trong các hoạt động nhân sự, lương thưởng.

2. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho

phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập được cử phụ trách về nhân sự, lương thưởng.

Điều 34. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - i) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VI BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh

nghiệp và Điều lệ Công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; Từ 30% đến dưới 65% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; Từ 65% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

2. Trình tự, thủ tục ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 27 Điều lệ này.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 36. Thành phần, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn của thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

Trường hợp tất cả thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó vẫn tiếp tục là thành viên Ban kiểm soát cho đến khi có thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu thay thế và nhận nhiệm vụ.

2. **Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp, cụ thể như sau**
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý Công ty; Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; Không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.
 - e) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
 - f) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

3. **Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp**

- a) Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
- b) Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty;

- c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;
- d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- e) Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- f) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 37. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. **Ban kiểm soát có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể:**
 - a) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; Tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
 - b) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.
 - c) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
 - d) Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 15 của Điều lệ này.
 - e) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 15 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.
 - f) Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
 - g) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
 - h) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

- i) Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
- j) Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- k) Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
 - b) Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.
 - c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
 - d) Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; Có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
 - e) Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.
3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.
4. Mức thù lao của các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Trưởng Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 168, Điều 169 Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan.

Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát được quy định cụ thể như sau:

- 1. Tổ chức triển khai thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và Điều 37 Điều lệ này.

2. Chuẩn bị chương trình họp của Ban kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên Ban kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.
3. Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát; Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình ĐHĐCĐ.
4. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập ĐHĐCĐ bất thường quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty.
5. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.
6. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước ĐHĐCĐ hoặc cổ đông lớn.
7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát.
8. Bảo đảm các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.
9. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.
10. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.
11. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VII

TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 39. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng Giám đốc điều hành, các Phó Tổng giám đốc điều hành, một (01) Kế toán trưởng và các chức danh quản lý, điều hành khác theo quy định của Công ty. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

Điều 40. Người điều hành Công ty

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều

hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm đề hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc điều hành do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty.
3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 41. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc điều hành

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; Chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật này;
 - b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và Công ty mẹ; Người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và Công ty mẹ;
 - c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty;
 - d) Các điều kiện khác quy định pháp luật và Điều lệ này.
3. Tổng Giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, luân chuyển các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.
4. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.
5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc điều hành với ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị này kiêm Tổng Giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế. Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại ĐHĐCĐ gần nhất.
 - a) Tổng Giám đốc có thể bị Hội đồng quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty;
 - Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác.
 - b) Tổng Giám đốc có thể bị Hội đồng quản trị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;
 - Vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
6. Từ chức: Khi Tổng Giám đốc điều hành muốn từ chức phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải xem xét và quyết định.

Điều 42. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị bổ nhiệm (các) Thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ, HĐQT; Ghi chép các biên bản họp;
2. Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
3. Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
4. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; Việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
5. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty.

CHƯƠNG VIII

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

Điều 43. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; Đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;
 - b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao

dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

- c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, Người quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG IX

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 46. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 3 Điều 15 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

CHƯƠNG X

NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 47. Người lao động và công đoàn

1. Tổng Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động, người điều hành và người quản lý doanh nghiệp.
2. Tổng Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XI

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 48. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XII

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 49. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 50. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm dương lịch.

Điều 51. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XIII**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN,
THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG****Điều 52. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý**

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 47 Điều lệ này và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
4. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

5. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.
6. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 53. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XIV KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 54. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XV CON DẤU

Điều 55. Dấu Công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dầu, số lượng, hình thức và nội dung dầu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dầu theo quy định của pháp luật hiện hành.
4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu.
5. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng dấu.

CHƯƠNG XVI

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 56. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a) Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - b) Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 57. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - c) Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
 - d) Các khoản vay (nếu có);
 - e) Các khoản nợ khác của Công ty;
 - f) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.
 - g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
4. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 58. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

CHƯƠNG XVII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 59. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:
 - a) Cổ đông với Công ty;
 - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp,

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu một bên thứ ba độc lập hoặc tổ chức luật sư được phép hành nghề làm trọng tài chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra ***Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế***.
3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XVIII BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 60. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XIX NGÀY HIỆU LỰC

Điều 61. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 19 chương 61 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex nhất trí thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2022 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Điều lệ này thay thế tất cả các bản Điều lệ đã ban hành trước đây của Công ty.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc tối thiểu hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị

**Người đại diện theo pháp luật
Tổng Giám đốc**

Ngô Anh Dũng

Đặng Thị Xuân Hương

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

(Ban hành kèm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 23 tháng 4 năm 2024)

Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 (Luật Chứng khoán 2019);
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 (Luật Doanh nghiệp 2020);
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (TT116);
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex (Điều lệ Công ty);
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 05/04/2021;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty bao gồm các nội dung sau:

Chương I.

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) “*Quản trị Công ty*” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được quản lý, định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ

đồng và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
 - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
 - Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
 - Minh bạch trong hoạt động của Công ty;
 - Lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả.
- b) “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ trong các trường hợp được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán.
- c) “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.
- d) “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
- e) “Người nội bộ” là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Công ty, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm toán nội bộ; Thư ký Công ty, người phụ trách quản trị Công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.
- f) ĐHDCĐ: Viết tắt của từ “Đại hội đồng cổ đông”.
- g) HĐQT: Viết tắt của từ “Hội đồng quản trị”.
- h) Các từ ngữ, thuật ngữ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 3. Các nguyên tắc quản trị nội bộ cơ bản

Việc thiết lập cơ chế quản trị nội bộ đối với Công ty phải tuân thủ theo các nguyên tắc sau:

1. Cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả.
2. Đảm bảo quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các cổ đông.
3. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị; Nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với cổ đông.
4. Tôn trọng và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong công tác quản trị, điều hành.
5. Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch trong hoạt động của Công ty, đảm bảo cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức, quản trị Công ty

Cơ cấu tổ chức, quản trị Công ty được thiết lập theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, bao gồm các cơ quan sau:

1. Đại hội đồng cổ đông: gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Hội đồng quản trị và các Ban chuyên trách trực thuộc Hội đồng quản trị:
 - a) Hội đồng quản trị do ĐHĐCĐ bầu ra. Hội đồng quản trị là cơ quan trung tâm trong hệ thống quản trị, quyết định toàn bộ quyết sách của Công ty, ngoại trừ các quyết định thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ và thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản trị, điều hành Công ty.
 - b) Hội đồng quản trị thành lập các Ban chuyên trách trực thuộc để giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị.
 - c) Hội đồng quản trị bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, (các) Thư ký Công ty để thực hiện chức năng tham mưu, tư vấn, hỗ trợ và giúp việc cho Hội đồng quản trị trong công tác quản trị, điều hành Công ty.
3. Ban kiểm soát.
4. Tổng Giám đốc.

Chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ quan nêu trên được quy định tại Điều lệ Công ty.

Chương II.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
2. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; Quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
4. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;
5. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
6. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
7. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
8. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
9. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

10. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
11. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
12. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; Quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
13. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 6. Cuộc họp ĐHĐCĐ và thẩm quyền triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên

- a) Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị có quyền gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng.
- b) Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- c) Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường.

2. Cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường

Việc triệu tập ĐHĐCĐ bất thường được thực hiện theo các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 140 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 17 Điều lệ Công ty.

3. Thẩm quyền và trình tự triệu tập Cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường được thực hiện như sau:

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày hoặc một thời hạn khác phù hợp với thực tế, kể từ ngày xảy ra sự kiện quy định tại Khoản 3 Điều 17 Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 15 Điều lệ Công ty;
 - b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điểm a Khoản này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
 - c) Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điểm b Khoản này thì cổ đông, nhóm cổ đông quy định Khoản 3 Điều 15 Điều lệ Công ty có quyền đại diện Công ty triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
4. Hội đồng quản trị quyết định việc tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ theo hình thức họp trực tiếp hoặc họp trực tuyến kết hợp với bỏ phiếu điện tử theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty.

Điều 7. Chuẩn bị cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Nhiệm vụ của người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ:

Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể tự mình hoặc thông qua những người được phân công phụ trách, thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và cung cấp thông tin, khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Chuẩn bị chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- c) Xác định thời gian, địa điểm và phương thức tổ chức cuộc họp;
- d) Lập Thông báo và gửi Thông báo mời họp ĐHĐCĐ cho tất cả cổ đông có quyền dự họp;
- e) Chuẩn bị tài liệu cuộc họp theo quy định của pháp luật và Công ty;
- f) Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp, danh sách và thông tin chi tiết các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- g) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

2. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp:

- a) Hội đồng quản trị công bố thông tin và đăng tải thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ (gọi tắt là “danh sách cổ đông dự họp”) trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Nội dung thông báo phải ấn định ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông dự họp;
- b) Thông báo chốt danh sách cổ đông dự họp phải được công bố thông tin tối thiểu 21 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
- c) Danh sách cổ đông dự họp do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (gọi tắt là “VSD”) lập tại ngày đăng ký cuối cùng theo thông báo chốt danh sách;
- d) Chỉ những người có tên trong Danh sách cổ đông dự họp được lập tại ngày đăng ký cuối cùng mới được nhận các quyền liên quan đến cổ phần mà mình sở hữu.

3. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ:

- a) Căn cứ trên danh sách cổ đông dự họp do VSD lập, Người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp cho các cổ đông trong vòng 10 ngày kể từ ngày chốt danh sách cổ đông dự họp.
- b) Thông báo mời họp phải có các nội dung sau:
 - Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc họp;
 - Chương trình chính của cuộc họp;
 - Nội dung trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua tại cuộc họp;
 - Địa chỉ website và vị trí đăng tải tài liệu phục vụ cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - Thông tin liên lạc của Công ty để cổ đông đăng ký tham dự hoặc ủy quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ.
- c) Thông báo mời họp ĐHĐCĐ và dự kiến chương trình họp phải được gửi đến các cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên website của Công ty.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày diễn ra cuộc họp. Ngày gửi thông báo mời họp là ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được chuyển giao cho bưu điện.

- d) Thông báo mời họp phải gửi kèm các tài liệu sau:
- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
 - Phiếu biểu quyết.
- e) Việc gửi tài liệu kèm theo Thư mời họp quy định tại Điểm d Khoản này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên website của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

4. **Chương trình cuộc họp ĐHĐCĐ:**

- a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- b) Trường hợp người triệu tập họp ĐHĐCĐ từ chối kiến nghị quy định tại Điểm a Khoản này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
- Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Điểm b Khoản này;
 - Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;
 - Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.
- c) Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Điểm a Khoản này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Điểm b Khoản này; Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.

5. **Tài liệu cuộc họp ĐHĐCĐ:**

- a) Các tài liệu phục vụ cuộc họp ĐHĐCĐ được đăng tải trên website của Công ty chậm nhất 21 ngày trước ngày diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ để cổ đông có thể xem xét. Địa chỉ đăng tải tài liệu và vị trí đăng tải tài liệu được ghi rõ trong thông báo mời họp ĐHĐCĐ.
- b) Công ty phát trực tiếp tài liệu phục vụ cuộc họp ĐHĐCĐ bản giấy và Phiếu biểu quyết tại Đại hội cho cổ đông hoặc người được ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp.

6. **Tạm hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ:**

Hội đồng quản trị quyết định tạm hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ trong trường hợp xảy ra các sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan, bao gồm nhưng không giới hạn trong các trường hợp sau: Thiên tai, dịch bệnh, dịch họa, mệnh lệnh hành chính của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm ảnh hưởng đến công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ.

Thông báo tạm hoãn phải được ban hành trước ngày dự kiến khai mạc cuộc họp, phải được công bố thông tin, đăng tải trên website của Công ty hoặc áp dụng các phương thức khác để cổ đông có thể tiếp cận được nội dung thông báo.

Điều 8. Xác nhận tham dự/ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có tên trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp (do VSD lập) có quyền trực tiếp hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự, biểu quyết tại cuộc họp.
 - a) Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền của cổ đông thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện.
 - b) Trường hợp cổ đông không xác định phần vốn góp, số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì phần vốn góp, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.
2. Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền của cổ đông để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản giấy hoặc văn bản điện tử, phải thông báo cho Công ty, chỉ có hiệu lực với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo và được thực hiện theo một trong các trường hợp sau:
 - a) Cổ đông sử dụng Giấy ủy quyền theo mẫu do Công ty phát hành;
 - b) Cổ đông lập văn bản ủy quyền với hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật dân sự hiện hành;
 - c) Cổ đông sử dụng văn bản điện tử (fax, tin nhắn văn bản, thư thoại, thư điện tử hoặc các dữ liệu điện tử khác có khả năng truyền đạt thông tin) để thông báo cho Công ty về việc ủy quyền cho người khác tham dự. Văn bản điện tử được xem là hợp lệ, nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:
 - Văn bản được gửi vào địa chỉ tiếp nhận của Công ty ghi trên thông báo mời họp hoặc gửi đến những người do Công ty phân công phụ trách tiếp nhận thông báo của cổ đông, hoặc bằng hình thức khác mà Công ty có thể tiếp nhận thông tin;
 - Người khởi tạo văn bản điện tử có một trong các thông tin (họ tên, số giấy tờ chứng thực cá nhân, email, số điện thoại) được xác định trùng khớp với thông tin cổ đông trong Danh sách cổ đông dự họp mà Công ty nhận được từ VSD hoặc có cơ sở khác để chứng minh người khởi tạo văn bản điện tử là cổ đông của Công ty có quyền dự họp.
 - Văn bản điện tử có thể được in, lưu trữ và truy cập để tham chiếu khi cần thiết.
3. Việc chỉ định đại diện theo ủy quyền của cổ đông trong các trường hợp khác ngoài Khoản 2 Điều này phải thực hiện bằng văn bản giấy với nội dung đáp ứng quy định của pháp luật dân sự hiện hành.
4. Khi tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ, cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải mang theo và xuất trình thông báo mời họp, Giấy tờ chứng thực cá nhân, Giấy ủy quyền (hoặc văn bản ủy quyền, hoặc thông báo ủy quyền) và các giấy tờ có liên quan khác (nếu có) để Ban Tổ chức kiểm tra và thực hiện thủ tục đăng ký tham dự cuộc họp.

Điều 9. Trình tự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại biểu và khách mời tham dự cuộc họp:

HĐQT có thể mời một số cơ quan quản lý Nhà nước, kiểm toán độc lập, Ngân hàng, tổ chức tín dụng, đối tác, chuyên gia và các cá nhân, tổ chức khác không sở hữu cổ phần của Công ty đến tham dự để dự thính, quan sát, hoặc cho ý kiến (khi Đoàn chủ tọa có yêu cầu) tại cuộc họp.

2. Đăng ký cổ đông tham dự cuộc họp:

- a) Việc đăng ký cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự phải được thực hiện trước khi khai mạc Hội nghị cho đến cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có mặt đăng ký hết;
- b) Cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sau khi đăng ký sẽ được cấp 01 Phiếu biểu quyết. Phiếu biểu quyết có các nội dung sau: Mã số cổ đông; Họ tên cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông; Số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đó và có đóng dấu của Công ty;
- c) Trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ có tổ chức bầu cử, cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sẽ được cấp thêm 01 Phiếu bầu cử. Phiếu bầu cử có các nội dung sau: Mã số cổ đông; Họ tên cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông; Số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đó; Tổng số phiếu bầu của cổ đông; Danh sách các ứng viên cần bầu cử và có đóng dấu của Công ty;
- d) Cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đến Hội nghị sau khi đã khai mạc thì vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

3. Kiểm tra và công bố về tỷ lệ tham dự cuộc họp:

- a) HĐQT thành lập Ban kiểm tra, thống kê tỷ lệ tham dự Hội nghị trong quá trình diễn ra cuộc họp;
- b) Tỷ lệ tham dự Hội nghị phải được công bố sau khi kết thúc việc đăng ký cổ đông tham dự và trước mỗi lần chuẩn bị lấy ý kiến biểu quyết của cổ đông.

4. Thủ tục khai mạc ĐHĐCĐ:

- a) Cuộc họp ĐHĐCĐ được khai mạc khi tỷ lệ tham dự đại hội đạt đủ điều kiện theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- b) Ban tổ chức phải công bố tỷ lệ tham dự đại hội được thống kê đến thời điểm khai mạc cuộc họp;
- c) ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua thành phần đoàn Chủ tọa và Ban Kiểm phiếu theo đề xuất từ HĐQT. Đoàn Chủ tọa chỉ định Ban Thư ký để ghi nhận Biên bản và Nghị quyết đại hội;
- d) Kể từ thời điểm Đoàn Chủ tọa được thành lập, Chủ tọa thực hiện quyền điều hành và quyết định toàn bộ vấn đề phát sinh tại đại hội;
- e) Chương trình và nội dung chính của ĐHĐCĐ được thông báo đến cổ đông trong tài liệu phục vụ đại hội. Chương trình và nội dung chính của đại hội phải được ĐHĐCĐ thông qua trong phiên khai mạc. Chủ tọa điều hành việc ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua chương trình và nội dung chính của đại hội.

5. Chương trình và nội dung chính của ĐHĐCĐ:

- a) Các diễn biến của ĐHĐCĐ phải được thực hiện theo đúng chương trình và nội dung chính của đại hội đã được ĐHĐCĐ thông qua;
- b) Trường hợp phát sinh các vấn đề, sự kiện ngoài chương trình và nội dung chính của đại hội, Chủ tọa có toàn quyền quyết định và thực hiện các biện pháp cần thiết, hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;
- c) Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của ĐHĐCĐ đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại Khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.

6. Thảo luận và giải đáp thắc mắc tại ĐHĐCĐ:

- a) Cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông thảo luận các vấn đề thuộc phạm vi nội dung chương trình, thời gian đã được ĐHĐCĐ thông qua và theo quyết định của Chủ tọa. Cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đóng góp ý kiến trực tiếp với Chủ tọa hoặc chuyển về cho Ban Thư ký trình Chủ tọa xem xét, giải đáp;
- b) Chủ tọa có quyền từ chối trả lời trong trường hợp các ý kiến không được đăng ký, không phù hợp với nội dung chương trình đã được thông qua hoặc đã hết thời gian thảo luận, phát biểu ý kiến;
- c) Thắc mắc của cổ đông sẽ được Chủ tọa trả lời trực tiếp tại ĐHĐCĐ. Việc trả lời sẽ được đảm bảo trong thời gian của nội dung chương trình đại hội đã được thông qua hoặc theo quyết định của Chủ tọa. Trường hợp các ý kiến không được trả lời hết trong khuôn khổ thời gian của đại hội sẽ được HĐQT trả lời bằng văn bản và đăng công khai trên website của Công ty trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc đại hội.

7. Biểu quyết các nội dung trình ĐHĐCĐ thông qua và bầu cử (nếu có):

- a) ĐHĐCĐ biểu quyết từng nội dung mà HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua;
- b) Đoàn Chủ tọa điều hành thủ tục biểu quyết các nội dung trình ĐHĐCĐ;
- c) Ban Kiểm phiếu và những nhân sự được phân công phụ trách kiểm phiếu chịu trách nhiệm hướng dẫn cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông thực hiện quyền biểu quyết theo sự điều hành của Đoàn Chủ tọa;
- d) Trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ có tổ chức bầu cử, cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông thực hiện việc bầu cử theo nguyên tắc bỏ phiếu kín vào thùng phiếu. Ban tổ chức sẽ chuẩn bị thùng phiếu phục vụ bầu cử. Ban Kiểm phiếu phải tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi có hiệu lệnh từ Đoàn Chủ tọa và kết thúc khi cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- e) Cách thức biểu quyết và bầu cử được hướng dẫn chi tiết tại Điều 10 của Quy chế này.

8. Kiểm phiếu, công bố kết quả biểu quyết/kết quả bầu cử:

- a) Ban Kiểm phiếu chịu trách nhiệm chính trong việc thống kê kết quả biểu quyết/kết quả bầu cử. Đoàn Chủ tọa phân công một số nhân sự giúp việc, hỗ trợ Ban Kiểm phiếu để thực hiện thủ tục kiểm phiếu, thống kê kết quả biểu quyết/kết quả bầu cử;
- b) Việc thống kê kết quả biểu quyết/kết quả bầu cử được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Kết quả biểu quyết/kết quả bầu cử được thông kê ngay sau khi thủ tục biểu quyết/bầu cử kết thúc;
 - Ban Kiểm phiếu chỉ thống kê những phiếu biểu quyết, phiếu bầu hợp lệ;
 - Ban Kiểm phiếu có thể sử dụng phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu;
 - Kết quả kiểm phiếu được lập thành biên bản kiểm phiếu, có chữ ký của các thành viên Ban Kiểm phiếu và được Trưởng Ban Kiểm phiếu công bố trước ĐHĐCĐ.
- c) Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu; Số và tỷ lệ phiếu biểu quyết, phiếu bầu hợp lệ; Số và tỷ lệ phiếu biểu quyết, phiếu bầu không hợp lệ; Số phiếu và tỷ lệ biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) đối với từng nội dung trình ĐHĐCĐ (trong trường hợp ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua các nội dung); Số phiếu bầu cho từng ứng viên (trong trường hợp ĐHĐCĐ có thực hiện thủ tục bầu cử);
- d) Trưởng Ban Kiểm phiếu đọc kết quả kiểm phiếu sau khi hoàn tất kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu được công bố trên website của Công ty trong vòng 24 giờ làm việc kể từ thời điểm thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

9. Thông qua dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ:

- a) Đoàn Chủ tọa ủy quyền cho 01 thành viên thuộc Ban Thư ký đọc toàn văn dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ ghi nhận các nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua;
- b) ĐHĐCĐ biểu quyết phê chuẩn toàn văn Nghị quyết của ĐHĐCĐ theo sự điều hành của Đoàn Chủ tọa.

10. Bế mạc ĐHĐCĐ:

- a) Chủ tọa tuyên bố bế mạc ĐHĐCĐ sau khi: i) Tất cả các nội dung trong chương trình ĐHĐCĐ đã được thảo luận, biểu quyết; Và ii) kết quả biểu quyết đã được công bố;
- b) Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc đại hội. Chủ tọa và Thư ký phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

11. Các công việc thực hiện sau khi kết thúc cuộc họp ĐHĐCĐ bao gồm:

- a) Công bố thông tin biên bản ĐHĐCĐ và Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Biên bản và Nghị quyết phải được công bố thông tin và được đăng tải lên website của Công ty trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm kết thúc đại hội;
- b) Đăng tải biên bản kiểm phiếu của Ban Kiểm phiếu lên website Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải được đăng tải trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm kết thúc đại hội;
- c) Trả lời câu hỏi, thắc mắc của cổ đông tại đại hội. Văn bản trả lời các câu hỏi của cổ đông do HĐQT ban hành và phải được đăng tải lên website Công ty trong vòng 15 ngày kể từ ngày kết thúc đại hội;
- d) Thực hiện công tác lưu trữ đối với:
 - Toàn bộ tài liệu, thông báo, văn bản, chứng từ do Công ty ban hành liên quan đến ĐHĐCĐ;

- Các giấy xác nhận tham dự đại hội và các văn bản/thông báo ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ;
- Danh sách cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự đại hội;
- Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu, phiếu đăng ký nội dung thảo luận và đóng góp ý kiến của cổ đông;
- Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và biên bản kiểm phiếu của Ban Kiểm phiếu.

Điều 10. Cách thức biểu quyết, bầu cử trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. **Cách thức biểu quyết:**
 - a) ĐHĐCĐ tiến hành biểu quyết từng nội dung do HĐQT trình đại hội theo sự điều hành của Chủ tọa;
 - b) Đối với từng nội dung, Chủ tọa sẽ lần lượt đề nghị cổ đông cho ý kiến biểu quyết theo thứ tự sau: Tán thành; Không tán thành; Không có ý kiến;
 - c) Cổ đông biểu quyết từng vấn đề bằng cách giơ phiếu biểu quyết theo hiệu lệnh từ Chủ tọa hoặc người do Chủ tọa ủy quyền;
 - d) Ban Kiểm phiếu và những nhân sự hỗ trợ việc kiểm phiếu sẽ thu thập ý kiến biểu quyết cổ đông đối với từng nội dung, theo thứ tự sau: Đếm phiếu biểu quyết tán thành, sau đó đếm phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng đếm phiếu biểu quyết không có ý kiến.
2. **Cách thức bầu cử:**
 - a) Việc bầu cử được thực hiện trên nguyên tắc bỏ phiếu kín vào thùng phiếu;
 - b) Cổ đông thực hiện bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu, cụ thể:
 - Mỗi cổ đông có tổng số quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) của cổ đông nhân với số thành viên HĐQT cần bầu;
 - Cổ đông có thể chia tổng số quyền biểu quyết cho tất cả các ứng viên, hoặc dồn hết tổng số quyền biểu quyết cho một hoặc một số ứng viên, hoặc không bầu cho ứng viên nào (bỏ phiếu trắng);
 - Người trúng cử được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu;
 - Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì ĐHĐCĐ sẽ tiến hành bầu lại thành viên đó trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.
 - c) Việc quyết định phương thức bầu cử khác ngoài phương thức bầu dồn phiếu phải được ĐHĐCĐ thông qua và phải được cập nhật, bổ sung vào Điều lệ Công ty.
 - d) Bỏ phiếu từ xa:
 - Bỏ phiếu từ xa là phương thức cổ đông thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử thông qua việc bỏ phiếu điện tử (e-voting) hoặc gửi Phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử đến

cuộc họp ĐHĐCĐ thông qua đường bưu điện, phương tiện điện tử (fax, thư điện tử hoặc các phương thức khác có khả năng truyền đạt thông tin);

- Thời gian gửi phiếu biểu quyết, phiếu bầu theo phương thức bỏ phiếu từ xa phải đảm bảo trong thời hạn đã được quy định để Ban Kiểm phiếu tổng kết, công bố kết quả kiểm phiếu;
- Phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử gửi đến ĐHĐCĐ theo phương thức bỏ phiếu từ xa có cùng giá trị pháp lý với Phiếu biểu quyết, phiếu bầu theo phương thức bỏ phiếu trực tiếp tại ĐHĐCĐ;
- Phiếu biểu quyết, phiếu bầu được gửi theo phương thức bỏ phiếu từ xa được xác định là hợp lệ khi: i) Hình thức đảm bảo tính toàn vẹn và bảo mật theo quy định tại Điều lệ Công ty; và ii) Nội dung thể hiện rõ ý kiến biểu quyết, bầu cử của cổ đông;
- Căn cứ trên các nguyên tắc được quy định tại khoản này, HĐQT xây dựng ban hành Quy chế quy định cụ thể về trình tự thủ tục của việc tổ chức, thu thập, thống kê và công bố kết quả biểu quyết, bầu cử theo phương thức bỏ phiếu từ xa.

Điều 11. Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ:

- a) Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được lập thành biên bản và có thể được ghi âm hoặc ghi hình và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác, biên bản có các nội dung chính sau:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Thời gian và địa điểm diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - Số lượng và tỷ lệ cổ phần tham dự đại hội;
 - Thành phần đoàn Chủ tọa, Ban Kiểm phiếu và Ban Thư ký;
 - Tóm tắt diễn biến và nội dung của đại hội;
 - Các nội dung trình ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua và thủ tục bầu cử (nếu có);
 - Kết quả biểu quyết các nội dung trình ĐHĐCĐ, kết quả bầu cử (nếu có);
 - Toàn văn Nghị quyết của ĐHĐCĐ và ý kiến phê chuẩn của ĐHĐCĐ đối với Nghị quyết;
 - Thủ tục bế mạc và thời điểm kết thúc ĐHĐCĐ;
 - Chữ ký của Chủ tọa và Thư ký ĐHĐCĐ.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và có thể được lập bằng tiếng nước ngoài (nếu xét thấy cần thiết). Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

- b) Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin và được đăng tải trên website của Công ty trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm kết thúc đại hội. Việc công bố thông tin, đăng tải biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ có giá trị thay thế cho việc gửi biên bản đến tất cả các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.
- c) Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ được xem là bằng chứng xác thực về những công việc, nội dung đã được tiến hành tại ĐHĐCĐ.

2. Nghị quyết của ĐHĐCĐ:

- a) Nghị quyết của ĐHĐCĐ là hình thức cụ thể hóa các nội dung đã được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Nghị quyết của ĐHĐCĐ được ban hành căn cứ trên biên bản đại hội.
- b) Các nội dung đã được ghi nhận trong Nghị quyết của ĐHĐCĐ có giá trị thực hiện kể từ thời điểm được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.
- c) Trường hợp có các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết trước đó nhưng chưa được thực hiện hoặc đang được thực hiện thì HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ tại đại hội thường niên gần nhất và báo cáo đó phải được ĐHĐCĐ thông qua.
- d) Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin và được đăng tải trên website của Công ty trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm kết thúc đại hội. Việc công bố thông tin, đăng tải Nghị quyết của ĐHĐCĐ có giá trị thay thế cho việc gửi Nghị quyết đến tất cả các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.
- e) Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bởi 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập đại hội và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- f) Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết ĐHĐCĐ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp thì Nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Quyết định hủy bỏ Nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 12. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. HĐQT quyết định triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến thay cho hình thức đại hội trực tiếp trong các trường hợp xảy ra các sự kiện không thuận lợi hoặc khó khăn cho việc tổ chức ĐHĐCĐ trực tiếp.
2. Trong trường hợp HĐQT quyết định triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến, HĐQT phải xây dựng, ban hành quy chế tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ theo hình thức trực tuyến. Quy chế phải được công bố thông tin, đăng tải trên website của Công ty ít nhất 21 ngày trước ngày diễn ra đại hội.
3. Quy chế tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ theo hình thức trực tuyến phải tuân thủ các điều kiện, nguyên tắc về thể thức và trình tự, thủ tục của đại hội được quy định tại Khoản 5 Điều 17 Điều lệ Công ty. Quy chế bao gồm các nội dung cơ bản sau:
 - a) Trình tự, thủ tục để cổ đông thực hiện quyền đăng ký tham dự, ủy quyền tham dự đại hội và truy cập, tiếp cận nội dung, diễn biến của ĐHĐCĐ;
 - b) Cách thức để cổ đông thảo luận, đặt câu hỏi, đóng góp ý kiến trong quá trình diễn ra đại hội;
 - c) Cách thức để cổ đông thực hiện bỏ phiếu từ xa (như: Bỏ phiếu điện tử; Gửi phiếu biểu quyết thông qua bưu điện, phương tiện điện tử);
 - d) Trình tự, thủ tục và thời hạn tiếp nhận Phiếu biểu quyết của cổ đông trong trường hợp có thực hiện thủ tục bỏ phiếu từ xa.

Điều 13. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ các nội dung sau:
 - a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
 - b) Định hướng phát triển Công ty;
 - c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát (nếu có);
 - e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ Công ty quy định;
 - f) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - g) Tổ chức lại, giải thể Công ty.
2. Trình tự, thủ tục tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản; Phương thức biểu quyết bằng văn bản; Và trình tự triển khai việc kiểm phiếu đối với các ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty.
3. HĐQT thành lập Ban Kiểm phiếu đối với trường hợp tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản. Thành phần của Ban Kiểm phiếu tối thiểu gồm:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị Hội đồng quản trị – Trưởng Ban Kiểm phiếu;
 - b) Phụ trách quản trị Công ty; và/hoặc Thư ký Công ty;
 - c) Các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 14. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 136 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ngoài ra phải đảm bảo các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;
3. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; Giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập (nếu có) về hoạt động của Hội đồng quản trị;
5. Hoạt động của các ban chuyên trách trực thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);

6. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc;
7. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;
8. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 15. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điểm d, Điểm đ Khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ngoài ra phải đảm bảo các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.
3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
4. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; Giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
5. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty.
6. Đánh giá kết quả phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

Điều 16. Chi phí tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ và lấy ý kiến bằng văn bản

1. Công ty chi trả các chi phí cần thiết liên quan đến việc triệu tập và tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ (theo hình thức trực tiếp và trực tuyến) và lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
2. Cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự ĐHĐCĐ tự chịu các chi phí liên quan đến ăn ở, đi lại.

Chương III.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mục 1. Hội đồng quản trị

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Các hoạt động quản trị, điều hành của Ban điều hành

Công ty mẹ, công ty con và các cán bộ quản lý phải chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và Điều 30 của Điều lệ Công ty.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết/quyết định bằng biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp (với điều kiện phải được các thành viên Hội đồng quản trị còn lại chấp thuận);
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
4. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
5. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; Thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm.
6. Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và trước pháp luật về mọi hoạt động của Công ty.

Điều 18. Thành phần, cơ cấu, nhiệm kỳ và cơ chế hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Số lượng và cơ cấu Hội đồng quản trị:
 - a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là bảy (07) người.
 - b) Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đảm bảo số lượng tối thiểu thành viên độc lập Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành phù hợp theo quy định pháp luật.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị:
 - a) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
 - b) Trường hợp tất cả các thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi ĐHĐCĐ bầu Hội đồng quản trị mới để tiếp quản công việc.
 - c) Thành viên Hội đồng quản trị độc lập (nếu có) không được tái nhiệm quá 2 nhiệm kỳ liên tục.
3. Cơ chế hoạt động của Hội đồng quản trị:

- a) Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo nguyên tắc đa số. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua khi có quá nửa số thành viên Hội đồng quản trị tham dự biểu quyết tán thành.
- b) Hội đồng quản trị phân cấp và /hoặc cho một số thành viên Hội đồng quản trị thực hiện toàn bộ hoặc một phần thẩm quyền, hạn mức phê duyệt chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị theo các nguyên tắc tại Quy chế này và hệ thống quy định nội bộ về quản trị Công ty.
- c) Hội đồng quản trị xây dựng và trình ĐHĐCĐ ban hành Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị để quy định cụ thể về cơ chế thành lập, chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị.

Điều 19. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
2. Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận. Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và hoặc giải quyết các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trường hợp này, thành viên Hội đồng quản trị vẫn phải chịu trách nhiệm về những nội dung và kết quả ủy quyền cho người khác thực hiện. Người được ủy quyền có trách nhiệm báo cáo toàn bộ nội dung, kết quả thực hiện với người ủy quyền.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty. Cán bộ quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.
7. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 20. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó hoặc từ chức, bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu một người khác trong số họ làm Chủ tịch Hội đồng quản trị để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán trong thời hạn mười (10) ngày.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 21. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Ngoài các điều kiện và tiêu chuẩn trên, thành viên Hội đồng quản trị Công ty phải thỏa mãn các tiêu chuẩn sau:

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc các đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.
 - b) Có tư chất lãnh đạo, liêm chính, có trách nhiệm, chín chắn, có đạo đức, nhận được sự tin tưởng của các cổ đông, các thành viên khác trong HĐQT, các cán bộ quản lý và nhân viên của Công ty;
 - c) Có khả năng cân bằng lợi ích của tất cả các bên có quyền lợi liên quan và đưa ra những quyết định hợp lý;
 - d) Có kinh nghiệm chuyên môn và trình độ học vấn cần thiết để hoạt động một cách có hiệu quả;
 - e) Có khả năng biến kiến thức và kinh nghiệm thành các giải pháp thực tiễn;
 - f) Kỹ năng giao tiếp tốt.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty.
 3. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

Mục 2. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Điều 22. Cách thức ứng cử, đề cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Cách thức đề cử ứng viên Hội đồng quản trị:

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ) có quyền đề cử ứng viên Hội đồng quản trị theo cơ chế sau:

- Từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- Từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

Các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử ứng viên Hội đồng quản trị.

b) Trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông tại Điểm a Khoản này không đề cử đủ số lượng ứng viên cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm sẽ tiến hành đề cử bổ sung theo nguyên tắc sau:

- Ban Tổng hợp Nhân sự thuộc Hội đồng quản trị sẽ tổ chức tìm kiếm, lựa chọn ứng viên phù hợp tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 19 Quy chế này để trình Chủ tịch Hội đồng quản trị lấy ý kiến Hội đồng quản trị xem xét, đề cử.
 - Cổ đông, nhóm cổ đông không đủ điều kiện đề cử ứng viên có thể giới thiệu nhân sự cho Ban Tổng hợp Nhân sự thuộc Hội đồng quản trị đánh giá, lựa chọn và trình Hội đồng quản trị trình Chủ tịch Hội đồng quản trị lấy ý kiến Hội đồng quản trị xem xét, đề cử.
- c) Cơ chế, cách thức và trình tự, thủ tục để đề cử ứng viên sẽ được đăng tải trên website Công ty trong thời gian hợp lý trước khi tiến hành đề cử.

2. Hồ sơ cần thiết để đề cử ứng viên Hội đồng quản trị:

a) Thành phần hồ sơ khi đề cử ứng viên Hội đồng quản trị bao gồm:

- Thư đề cử hợp lệ, theo mẫu của Công ty ban hành;
- Sơ yếu lý lịch ứng viên chứa các thông tin cơ bản gồm: Thông tin cá nhân (họ tên, ngày tháng năm sinh, địa chỉ cư trú, giấy tờ chứng thực cá nhân); Quá trình công tác; Số cổ phần mà ứng viên nắm giữ tại Công ty (nếu có); Các lợi ích có liên quan; Bản kê khai thông tin người có liên quan của ứng viên và số cổ phần nắm giữ của từng người liên quan.
- Bản cam kết của ứng cử viên về việc:
 - + Xác nhận và chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân, trình độ chuyên môn, văn bằng chứng chỉ nghề nghiệp do mình cung cấp;
 - + Hiểu rõ và đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm của mình trong Hội đồng quản trị nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị; và

- + Làm việc trên cơ sở trung thực, trung thành, cần trọng, có thiện chí và vì lợi ích cao nhất của Công ty và của tất cả cổ đông nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.
- Bản sao y chứng thực các giấy tờ, tài liệu liên quan đến ứng viên, gồm: Giấy tờ chứng thực cá nhân (CMND/CCCD/Hộ chiếu); Bằng cấp, chứng chỉ liên quan đến trình độ chuyên môn (nếu có).
- b) Trường hợp ứng viên do cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thì ngoài hồ sơ theo quy định tại Điểm a Khoản này, cổ đông, nhóm cổ đông đề cử còn phải cung cấp:
 - Giấy xác nhận số cổ phần mà cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu hoặc giấy tờ tương đương của Công ty Chứng khoán nơi cổ đông, nhóm cổ đông đó mở tài Khoản hoặc của VSD (tính đến ngày chốt danh sách cổ đông);
 - Biên bản thành lập nhóm cổ đông trong trường hợp ứng viên do nhóm cổ đông đề cử.
- 3. Trường hợp đã xác định được ứng viên, thông tin về các ứng viên HĐQT phải được đăng tải trên website của Công ty trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ tối thiểu trước 21 ngày để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bầu cử. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu bao gồm:
 - a) Thông tin cá nhân (chỉ bao gồm những thông tin để xác định danh tính của ứng viên, không bao gồm thông tin liên lạc của ứng viên đó);
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các lợi ích có liên quan đến Công ty và thông tin khác (nếu có).
- 4. Công ty được toàn quyền sử dụng các thông tin được cung cấp, xác nhận trên đây nhằm mục đích cho việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và nhằm mục đích thực hiện công bố thông tin trên trang điện tử của Công ty và/hoặc để thực hiện công bố thông tin trong trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 5. Cơ chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị:

Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại Khoản 2 Điều 10 Quy chế này.

Điều 23. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:
 - a) ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - Thành viên Hội đồng quản trị không đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định Điều 155 của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế này;
 - Có đơn từ nhiệm và được chấp thuận.
 - b) ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Các trường hợp khác theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

- c) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này.
2. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:
- Hội đồng quản trị phải triệu tập ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:
- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3;
 - b) Trừ trường hợp quy định tại Điểm a Khoản này, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
3. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không đủ tư cách theo quy định của pháp luật hoặc không có đủ năng lực hành vi thì Ban Tổng hợp Nhân sự của Hội đồng quản trị sẽ chịu trách nhiệm thu thập bằng chứng, thông tin, lập báo cáo và đề xuất, trình Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.
4. Đối với trường hợp từ nhiệm: Ban Tổng hợp Nhân sự sẽ thụ lý việc xem xét và trình Hội đồng quản trị quyết định.
5. Đối với trường hợp thành viên Hội đồng quản trị bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị sẽ triệu tập cuộc họp để ban hành nghị quyết.

Điều 24. Công bố thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Công ty thực hiện công bố thông tin và đăng tải tài liệu lên Website Công ty về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Chứng khoán và các Nghị định, Thông tư có liên quan.

Mục 3. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

Điều 25. Các cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên sau khi bầu thành viên Hội đồng quản trị:
 - a) Hội đồng quản trị tổ chức cuộc họp đầu tiên trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị để xem xét, thảo luận và biểu quyết thông qua các vấn đề sau:
 - Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị (khi Chủ tịch Hội đồng quản trị đương nhiệm hết nhiệm kỳ);
 - Phân công nhiệm vụ thành viên Hội đồng quản trị;
 - Quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền mà HĐQT xét thấy cần thiết.

- b) Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp. Trường hợp có nhiều hơn 01 thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên Hội đồng quản trị bầu một người trong số đó làm Chủ tọa.
 - c) Cơ chế biểu quyết, quyết định các vấn đề trong cuộc họp được thực hiện theo nguyên tắc đa số (hơn 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành).
2. Các cuộc họp nhiệm kỳ:
- a) Trong nhiệm kỳ, Hội đồng quản trị có thể họp thường kỳ hoặc họp bất thường. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc triệu tập, thời gian, địa điểm và lập chương trình nghị sự cho các cuộc họp. Riêng đối với cuộc họp thường kỳ, Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần.
 - b) Tại cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, HĐQT xem xét, thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết/quyết định các vấn đề sau:
 - Báo cáo của Ban điều hành về công tác quản trị - điều hành; Kết quả và kế hoạch sản xuất kinh doanh trong kỳ; Tình hình tài chính trong kỳ; Các nhiệm vụ do Hội đồng quản trị chỉ đạo triển khai; Các vấn đề khác liên quan đến hoạt động của Công ty;
 - Các kế hoạch, định hướng, chủ trương, đề xuất khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị.
 - c) Cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường được tổ chức khi Hội đồng quản trị xét thấy cần xem xét, thảo luận, biểu quyết thông qua hoặc quyết định các nội dung đột xuất, cần có sự quyết định của Hội đồng quản trị hoặc khi nhận được đề nghị triệu tập cuộc họp theo các trường hợp được quy định tại Khoản 3 Điều 32 Điều lệ Công ty.
3. Cuộc họp của HĐQT có thể được tổ chức theo hình thức trực tiếp, hoặc trực tuyến, hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 26. Trình tự triệu tập, tổ chức và cơ chế biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Quyết định việc triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị:
- Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị, với các nội dung: Thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp; Thành phần tham dự cuộc họp; Chương trình nghị sự của cuộc họp.
2. Xác định thành phần tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị:
- a) Tất cả thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban điều hành phải tham dự cuộc họp. Trường hợp Hội đồng quản trị thảo luận, trao đổi các vấn đề cần bảo mật, Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc Ban điều hành không tham dự cuộc họp.
 - b) Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập một số cán bộ quản trị hoặc cán bộ quản lý chủ chốt để tham dự cuộc họp;
 - c) Phụ trách quản trị Công ty và Thư ký Công ty phải tham dự cuộc họp để điều phối chương trình cuộc họp và ghi nhận Biên bản cuộc họp.
3. Gửi thư mời họp Hội đồng quản trị:
- a) Thư mời họp Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành;

- b) Chủ tịch Hội đồng quản trị và Thư ký Công ty có trách nhiệm gửi thư mời họp Hội đồng quản trị và cho các thành viên Hội đồng quản trị và để tham dự cuộc họp. Thư mời họp được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị và bằng thư điện tử hoặc bằng phương thức khác để các thành viên Hội đồng quản trị có thể nắm được thông tin của cuộc họp;

Thư mời họp phải được gửi đến các thành phần tham dự cuộc họp chậm nhất 05 ngày kể từ ngày dự kiến bắt đầu cuộc họp.

4. Chuẩn bị nội dung và gửi tài liệu phục vụ cuộc họp Hội đồng quản trị:
- a) Các đơn vị có trách nhiệm liên quan phải chuẩn bị, hoàn thiện các báo cáo, tờ trình và tài liệu phục vụ cuộc họp theo nội dung Thư mời họp Hội đồng quản trị và gửi bằng thư điện tử đến Thư ký Công ty và Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- b) Chủ tịch Hội đồng quản trị và Thư ký Công ty có trách nhiệm tổng hợp các tài liệu đã nhận được để gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị bằng thư điện tử, chậm nhất 03 ngày trước ngày tổ chức cuộc họp;
- c) Việc nhận và gửi các tài liệu được thực hiện theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
5. Điều kiện để tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị:
- a) Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành khi có ít nhất 4/5 số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) dự họp;
- b) Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
6. Trình tự diễn biến cuộc họp Hội đồng quản trị:
- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không thể chủ tọa cuộc họp thì Hội đồng quản trị sẽ chỉ định 01 thành viên Hội đồng quản trị là Chủ tọa cuộc họp;
- b) Các thành viên Ban điều hành, các cán bộ quản trị và cán bộ quản lý chủ chốt được phân công, có trách nhiệm trình bày trước Hội đồng quản trị các báo cáo, tờ trình liên quan đến chương trình nghị sự theo sự điều hành của Chủ tọa cuộc họp;
- c) Hội đồng quản trị thảo luận, cho ý kiến và biểu quyết đối với các vấn đề trình Hội đồng quản trị. Chủ tọa cuộc họp điều phối việc thảo luận và biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị. Việc triển khai các nội dung khác ngoài chương trình nghị sự do Chủ tọa cuộc họp quyết định.
- d) Cơ chế biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị:
- Hội đồng quản trị biểu quyết từng báo cáo, tờ trình và vấn đề trình Hội đồng quản trị tại cuộc họp. Việc biểu quyết có thể được thực hiện trực tiếp tại cuộc họp hoặc thông qua phương tiện điện tử hoặc thông qua ý kiến bằng văn bản, fax, thư điện tử;
 - Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp tại cuộc họp Hội đồng quản trị có 01 quyền biểu quyết. Quyền biểu quyết được thể hiện dưới hình thức Phiếu biểu quyết. Trường hợp Hội đồng quản trị biểu quyết các nội dung về giao dịch với Người có liên quan,

thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ giao dịch hoặc xung đột lợi ích với Công ty thông qua giao dịch đó sẽ không có quyền biểu quyết và sự có mặt của thành viên đó trong cuộc họp không được tính vào số lượng tham dự tối thiểu cần thiết để tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị;

- Việc biểu quyết của Hội đồng quản trị phải thể hiện rõ ý kiến: “Tán thành” hoặc “Không tán thành” hoặc “Ý kiến khác”;
 - Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua khi có đa số Phiếu biểu quyết tán thành (trên 50%). Trường hợp số Phiếu biểu quyết “Tán thành” và “Không tán thành” ngang bằng nhau thì Phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không biểu quyết thì Phiếu biểu quyết của Chủ tọa cuộc họp là phiếu quyết định.
- e) Cuộc họp Hội đồng quản trị kết thúc khi tất cả báo cáo, tờ trình, nội dung trình Hội đồng quản trị đã được thảo luận và biểu quyết. Chủ tọa cuộc họp phát biểu kết luận cuộc họp; Thành viên Hội đồng quản trị có quyền bảo lưu ý kiến của mình.
7. Thư ký Công ty có trách nhiệm kiểm tra, thu hồi các báo cáo, tài liệu dưới dạng văn bản giấy sau khi kết thúc cuộc họp.
8. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp trực tiếp/họp trực tuyến.

Điều 27. Biên bản cuộc họp và Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị

1. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị:
- a) Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị được lập sau khi kết thúc cuộc họp để ghi nhận các diễn biến tại cuộc họp và phải được hoàn thành trong thời gian hợp lý kể từ ngày diễn ra cuộc họp. Đối với cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, biên bản cuộc họp phải được hoàn thành trước khi diễn ra cuộc họp thường kỳ tiếp theo.
 - b) Biên bản cuộc họp có các nội dung chính sau:
 - Thời gian và địa điểm diễn ra cuộc họp;
 - Chủ tọa và Thư ký cuộc họp;
 - Thành phần tham dự cuộc họp;
 - Tóm tắt diễn biến và các nội dung trình Hội đồng quản trị thảo luận, biểu quyết tại cuộc họp;
 - Tóm tắt nội dung thảo luận và kết quả biểu quyết của Hội đồng quản trị tại cuộc họp;
 - Toàn văn Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - Thời điểm kết thúc cuộc họp.
 - c) Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị phải có chữ ký của Chủ tọa, Thư ký cuộc họp và các thành viên Hội đồng quản trị dự họp;
 - d) Biên bản cuộc họp và các tài liệu lưu hành trong cuộc họp được lưu trữ theo quy định, được bảo quản và sử dụng theo chế độ mật. Việc trích yếu, sử dụng các nội

dung trong biên bản cuộc họp do Thư ký Công ty thực hiện theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Nghị quyết của Hội đồng quản trị:
 - a) Nghị quyết của Hội đồng quản trị là hình thức cụ thể hóa các nội dung đã được Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị. Nghị quyết của Hội đồng quản trị phải được hoàn thành cùng lúc với Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - b) Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - c) Các nội dung đã được ghi nhận trong Nghị quyết của Hội đồng quản trị có giá trị thực hiện kể từ thời điểm được Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua;
 - d) Sau khi được ban hành, Nghị quyết của Hội đồng quản trị có thể được trích yếu, gửi cho các thành viên Ban điều hành, các cán bộ quản lý chủ chốt, các trưởng đơn vị để tổ chức thực hiện chủ trương, chỉ đạo của Hội đồng quản trị hoặc để công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng khoán. Việc trích yếu, sử dụng các nội dung trong nghị quyết Hội đồng quản trị do Thư ký Công ty thực hiện theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - e) Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức theo dõi, kiểm tra, đôn đốc tình hình thực hiện các nhiệm vụ, công việc đã được Hội đồng quản trị giao cho các đơn vị thực hiện. Định kỳ hàng tháng, các đơn vị có trách nhiệm liên quan gửi báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện các công việc, nhiệm vụ được giao cho Thư ký Công ty để tổng hợp, đánh giá, trình Hội đồng quản trị xem xét tại cuộc họp thường kỳ gần nhất.
3. Quyết định của Hội đồng quản trị:
 - a) Quyết định của Hội đồng quản trị là văn bản được ban hành nhằm quy định, điều chỉnh một nội dung cụ thể trong phạm vi chủ trương, chỉ đạo đã được Hội đồng quản trị biểu quyết, thông qua tại nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - b) Quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành căn cứ trên nội dung Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - c) Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành Quyết định của Hội đồng quản trị.

Mục 4. Các bộ phận thuộc Hội đồng quản trị

Điều 28. Cơ chế tổ chức và hoạt động của các Ban chuyên trách trực thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thành lập một số Ban chuyên trách trực thuộc Hội đồng quản trị để tham mưu, giúp việc và hỗ trợ Hội đồng quản trị thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị, gồm các ban: Tổng hợp và Nhân sự; Kế hoạch và Đầu tư; và có thể thành lập các ban khác.
2. Hội đồng quản trị quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của các Ban.

3. Các Ban chuyên trách trực thuộc Hội đồng quản trị thực hiện các nhiệm vụ theo các quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế tổ chức hoạt động của ban đó.
4. Cơ cấu, số lượng thành viên, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban chuyên trách trực thuộc Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quyết định.
5. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển Trưởng ban và các thành viên ban chuyên trách thuộc Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Tiền lương, thưởng và các lợi ích khác thực hiện theo Quy chế tiền lương, tiền thưởng của Công ty.

Điều 29. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a) Có hiểu biết về pháp luật;
 - b) Có kiến thức và kinh nghiệm trong hoạt động tổ chức và quản trị Công ty;
 - c) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - d) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Phụ trách quản trị Công ty được bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm bằng Nghị quyết của Hội đồng quản trị nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
4. Phụ trách quản trị Công ty có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:
 - a) Tư vấn cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, các Ban chuyên trách trực thuộc Hội đồng quản trị về chức năng, nhiệm vụ, vai trò, trách nhiệm trong Công ty để đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều lệ, hệ thống quy định quản trị nội bộ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và pháp luật hiện hành;
 - b) Cố vấn cho Hội đồng quản trị và tổ chức triển khai các nghiệp vụ liên quan đến: Cổ đông, quan hệ cổ đông, công bố thông tin, bảo mật thông tin, pháp chế, giám sát tuân thủ, tổ chức cán bộ, chính sách, tái cấu trúc, nhằm đáp ứng các yêu cầu được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và pháp luật hiện hành;
 - c) Giám sát việc thực hiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, truyền đạt thông tin của Hội đồng quản trị đến các đơn vị có trách nhiệm liên quan và công tác quan hệ cổ đông;
 - d) Tổ chức và theo dõi việc thực hiện các lộ trình để hoàn thiện hệ thống quy định nội bộ về quản trị Công ty và tham vấn cho Hội đồng quản trị về các thông lệ quản trị Công ty để đáp ứng nhu cầu của Hội đồng quản trị và ĐHQĐ;
 - e) Là cầu nối, truyền đạt thông tin giữa Hội đồng quản trị, các ban chuyên trách thuộc Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong quá trình vận hành hệ thống quy định nội bộ về quản trị Công ty;

- f) Là đầu mối liên lạc, tiếp nhận thông tin và tham gia giải quyết các ý kiến, khiếu nại, thắc mắc về quyền lợi của cổ đông;
- g) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- h) Quyền và nghĩa vụ khác theo Điều lệ, quy chế quản trị Công ty, các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 30. Thư ký Công ty

- 1. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị bổ nhiệm (các) Thư ký Công ty để hỗ trợ, giúp việc cho Hội đồng quản trị thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị. Thư ký Công ty được bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm bằng Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- 2. Thư ký Công ty có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:
 - a) Quản lý, điều phối tất cả vấn đề hậu cần, tài liệu, diễn biến, truyền đạt và công bố thông tin liên quan đến các cuộc họp Hội đồng quản trị, ĐHĐCĐ;
 - b) Thừa hành Hội đồng quản trị để thực hiện công tác triệu tập, chuẩn bị hậu cần, tổng hợp tài liệu tại các cuộc họp Hội đồng quản trị và ĐHĐCĐ;
 - c) Tham dự, ghi chép biên bản các cuộc họp Hội đồng quản trị, ĐHĐCĐ. Thư ký Công ty phải ký tên vào các biên bản cuộc họp và chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung trong các biên bản;
 - d) Hỗ trợ, giúp việc cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, các ban chuyên trách thuộc Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các chức năng, quyền hạn được giao;
 - e) Quản lý, lưu trữ, bảo mật, trích xuất và cung cấp (khi cần thiết) đối với các thông tin về quản trị Công ty; Bản sao biên bản cuộc họp, Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị; Thông tin về cổ đông, danh sách cổ đông; Và các thông tin khác có liên quan đến tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh của Công ty;
 - f) Chịu sự chỉ đạo, điều phối từ Chủ tịch Hội đồng quản trị trong việc triển khai các chức năng của Người phụ trách quản trị Công ty;
 - g) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ Công ty và quy định pháp luật.

Chương IV.

BAN KIỂM SOÁT

Điều 31. Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Khoản 2 Điều 36 Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

- a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- d) Không phải là người quản lý Công ty; Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; Không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- e) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó;
- f) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 32. Cách thức ứng cử, đề cử, bầu cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cách thức đề cử ứng viên Ban Kiểm soát:
 - a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ) có quyền đề cử ứng viên Ban kiểm soát theo cơ chế sau:
 - Từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên;
 - Từ 30% đến dưới 65% được đề cử tối đa 02 ứng viên;
 - Từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
 - Các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử ứng viên Ban kiểm soát.
 - b) Trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông tại Điểm a Khoản này không đề cử đủ số lượng ứng viên cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm sẽ tiến hành đề cử bổ sung theo nguyên tắc tương tự nguyên tắc đề cử ứng viên Hội đồng quản trị quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 20 Quy chế này.
 - c) Cơ chế, cách thức và trình tự, thủ tục, đề cử ứng viên sẽ được đăng tải trên website Công ty trong thời gian hợp lý trước khi tiến hành đề cử.
 - d) Hồ sơ cần thiết để đề cử ứng viên Ban kiểm soát tương tự Hồ sơ đề cử ứng viên Hội đồng quản trị quy định tại Khoản 2 Điều 20 Quy chế này.
2. Cơ chế bầu cử thành viên Ban kiểm soát:

Việc bầu cử thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại Khoản 2 Điều 10 Quy chế này.

Điều 33. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d) Do cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề nghị thay đổi người đại diện.
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - c) Theo quyết định của ĐHĐCĐ;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Công ty thực hiện công bố thông tin và đăng tải tài liệu lên website Công ty về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Chứng khoán và các Nghị định, Thông tư có liên quan.

Chương V.

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM CÁCH CHỨC, TỪ CHỨC NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 35. Người quản lý doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người quản lý khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người quản lý doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Tiền lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; Ký hợp đồng trong đó quy định tiền lương và lợi ích khác. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc có thể được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc:
Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và các điều kiện sau đây:
 - a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.
 - c) Tổng Giám đốc không được đồng thời là Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác.
4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
6. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc theo quy định tại Khoản 5 Điều 41 Điều lệ Công ty.

Điều 37. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác

1. Công ty có các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo Quy chế tổ chức cán bộ của Công ty. Cơ cấu, số lượng Phó Tổng Giám đốc phù hợp với quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty.
2. Phó Tổng Giám đốc giúp Tổng Giám đốc quản lý, điều hành Công ty theo phân công và/hoặc ủy quyền; Chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.
3. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán của Công ty; Giúp Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị giám sát tài chính tại Công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; Chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.
4. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Quy chế quản lý nội bộ Công ty và pháp luật có liên quan.
5. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác được hưởng tiền lương và lợi ích khác theo quy định của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 38. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác

1. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác:

- a) Hội đồng quản trị là cơ quan trực tiếp thực hiện việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác.
 - b) Căn cứ vào các tiêu chuẩn và nhu cầu công việc của vị trí cần bổ nhiệm, Tổng Giám đốc đề xuất lựa chọn cán bộ để giới thiệu cho Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị lựa chọn và quyết định.
 - c) Căn cứ vào danh sách các ứng viên để bổ nhiệm vào vị trí Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác, Hội đồng quản trị tiến hành quy trình bổ nhiệm cán bộ theo quy định tại Quy chế quản lý công tác tổ chức cán bộ của Công ty.
2. Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác:
- a) Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác muốn từ chức phải làm đơn gửi cho Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị xem xét và ra quyết định trong thời hạn một (01) tháng kể từ khi tiếp nhận đơn xin từ chức. Trong thời gian chưa có ý kiến chuẩn y của Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác vẫn tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.
 - b) Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác trong các trường hợp sau:
 - Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;
 - Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
 - Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty; Vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức.
 - Các trường hợp khác.
 - c) Quy trình miễn nhiệm, từ chức đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác thực hiện theo quy định tại Quy chế quản lý tổ chức và cán bộ của Công ty.

Điều 39. Công bố thông tin thay đổi người quản lý Công ty

Công ty thực hiện công bố thông tin và đăng tải tài liệu lên website Công ty về việc thay đổi Người quản lý Công ty theo quy định của Luật Chứng khoán và các Nghị định, Thông tư có liên quan.

Chương VI.

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 40. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp; Các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý các công việc mà thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách mà cần có ý kiến của thành viên đó thì thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau, thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hay lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại công việc giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan bằng văn bản.

Điều 41. Mối quan hệ công tác giữa Hội đồng quản trị với Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm bổ nhiệm Tổng Giám đốc để điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty; Đồng thời kịp thời bãi nhiệm Tổng Giám đốc không đáp ứng được các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
2. Hội đồng quản trị lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Tổng Giám đốc trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.
3. Hội đồng quản trị thực hiện việc khen thưởng và kỷ luật, xử lý sai phạm đối với Tổng Giám đốc một cách khách quan trên các căn cứ và cơ sở phù hợp quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty.
4. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng Giám đốc đề nghị với Hội đồng quản trị để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên ĐHĐCĐ gần nhất.
5. Trước các cuộc họp Hội đồng quản trị tối thiểu năm (05) ngày, Tổng Giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh tháng, quý, năm và phương hướng hoạt động trong thời kỳ tới của Công ty cho Hội đồng quản trị (thông qua Thư ký Công ty).
6. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị mọi vấn đề có liên quan đến hoạt động điều hành kinh doanh của Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị tham dự hoặc cử đại diện của Hội đồng quản trị tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các đề án trình Hội đồng quản trị do Tổng Giám đốc chủ trì. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người đại diện Hội đồng quản trị dự họp có quyền phát biểu đóng góp ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.
8. Định kỳ hàng năm Hội đồng quản trị xem xét, đánh giá, phê duyệt bổ sung quy hoạch lãnh đạo cho các vị trí Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác.

9. Các chương trình nghiên cứu, khảo sát, học tập trong nước và ngoài nước; Các cuộc đàm phán và ký kết hợp đồng... của Công ty có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị đề cử thành viên Hội đồng quản trị tham dự.
10. Các cuộc họp do các cơ quan có liên quan mời ban lãnh đạo Công ty tham dự (trừ những trường hợp mời đích danh), thì tùy theo tính chất từng cuộc họp để phân công cụ thể. Những cuộc họp có liên quan đến đổi mới tổ chức, cơ chế, chính sách, kế hoạch hàng năm, kế hoạch 5 năm, chiến lược phát triển trung-dài hạn hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc lớn của Công ty thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc cùng dự; hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định một trong hai chức danh trên tham dự, sau đó thông báo lại cho nhau.
11. Tại các phiên họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung họp để quyết định mời thêm các Phó Tổng Giám đốc hoặc Trưởng/Phó Phòng/Ban/đơn vị phụ trách mảng công việc có liên quan tham dự họp, báo cáo công việc cụ thể và tham gia ý kiến (nếu có).
12. Tại các phiên họp định kỳ hoặc đột xuất của Ban Tổng Giám đốc hoặc các phiên họp liên quan đến các nội dung quan trọng do Ban Tổng Giám đốc chủ trì, người chủ trì mời Chủ tịch Hội đồng quản trị tham dự và chỉ đạo trực tiếp hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị cử đại diện Hội đồng quản trị tham dự họp.
13. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo định kỳ.
14. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, theo yêu cầu của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý Công ty thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo chỉ đạo giải quyết có liên quan đến mảng công việc được phân công phụ trách, thực hiện.
15. Tổng Giám đốc phải hoạch định, xây dựng và đăng ký kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể trong từng thời kỳ của Công ty để báo cáo Hội đồng quản trị.
16. Trường hợp phát hiện có rủi ro, hoặc các sự cố, các việc có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc kết quả, hiệu quả, an toàn hoạt động kinh doanh của Công ty hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Tổng Giám đốc phải báo cáo ngay Hội đồng quản trị để chỉ đạo giải quyết kịp thời.
17. Tất cả các văn bản, tờ trình báo cáo Hội đồng quản trị phải do Tổng Giám đốc ký trình. Trường hợp đặc biệt, Tổng Giám đốc có thể ủy quyền bằng văn bản cho 01 Phó Tổng Giám đốc thực hiện, trường hợp này Tổng Giám đốc vẫn phải chịu trách nhiệm về những nội dung ủy quyền.

Điều 42. Mối quan hệ công tác giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với Ban Kiểm soát tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban Kiểm soát, tôn trọng tính độc lập, khách quan của Ban Kiểm soát.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm tạo điều kiện tốt nhất cho các Kiểm soát viên, Ban Kiểm soát trong việc thực hiện chức năng, quyền hạn, nghĩa vụ của Ban Kiểm soát;

Và có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh, xử lý các sai phạm theo kiến nghị, đề xuất của Ban Kiểm soát.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị mời Ban Kiểm soát tham dự cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị.
4. Trưởng Ban Kiểm soát có trách nhiệm thông báo kịp thời tới Hội đồng quản trị những vấn đề phát sinh tại các cuộc họp của Ban Kiểm soát, mọi biên bản họp Ban Kiểm soát phải được gửi tới Hội đồng quản trị (thông qua Thư ký Hội đồng quản trị) chậm nhất sau năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc họp Ban Kiểm soát.
5. Ban Kiểm soát phải kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện trường hợp vi phạm của người quản lý Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.
6. Chậm nhất vào ngày 05 của tháng đầu quý, Ban Kiểm soát gửi cho Hội đồng quản trị (thông qua Thư ký Hội đồng quản trị) báo cáo thực hiện công tác giám sát tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty trong quản trị, điều hành Công ty; Trong đó có các kiến nghị, đề xuất giải pháp (nếu có) để ngăn ngừa, khắc phục, xử lý các sai phạm. Thư ký Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi báo cáo của Ban Kiểm soát cho các thành viên Hội đồng quản trị cùng với các tài liệu khác để phục vụ cho họp Hội đồng quản trị.
7. Hội đồng quản trị có quyền đề nghị Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra, giám sát theo yêu cầu.
8. Trên cơ sở các báo cáo của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ đạo từng đơn vị/toàn Công ty có giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế, sai phạm để tổ chức kinh doanh an toàn, hiệu quả theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
9. Thông qua Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị xem xét tính trung thực của các báo cáo tài chính, thông tin tài chính, tính hiệu quả của hoạt động kiểm soát nội bộ và quản lý thông tin được công bố.
10. Ban Kiểm soát có quyền đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo pháp luật và Điều lệ Công ty.
11. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, Kiểm soát viên Ban Kiểm soát có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu cụ thể về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
12. Hội đồng quản trị đảm bảo tất cả các tài liệu, thông tin tài chính và thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp đồng thời cho Ban Kiểm soát.

Chương VII.

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 43. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác

1. Phân cấp đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm:

- a) Hội đồng quản trị đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ thuộc quyền quản lý theo phân cấp quản lý cán bộ.
- b) Tổng Giám đốc đánh giá các cán bộ thuộc quyền quản lý theo phân cấp quản lý cán bộ.
- c) Ban Kiểm soát đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên Ban Kiểm soát.

2. Phương thức đánh giá:

Tùy thuộc vào quy định của Hội đồng quản trị, công tác đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác có thể được tiến hành một hoặc một số phương thức sau:

- Tự nhận xét đánh giá;
- Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;
- Cách thức phù hợp khác do Hội đồng quản trị lựa chọn vào từng thời điểm.

3. Tiêu chí đánh giá gồm:

- Kết quả thực hiện công việc được giao bao gồm mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc cá nhân và sự phát triển, kết quả hoạt động của đơn vị.
- Phẩm chất đạo đức, lối sống, nhận thức, tư tưởng, việc tuân thủ và chấp hành Điều lệ Công ty, chủ trương, chính sách của Công ty và pháp luật.
- Tinh thần học tập, nâng cao trình độ, tính trung thực, cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đang đảm nhiệm.
- Khả năng quản lý, phong cách, thái độ trong quản lý, việc chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu.
- Đoàn kết, phối hợp trong đơn vị với các đơn vị trong hệ thống Công ty và mức độ tín nhiệm.
- Các chỉ tiêu đánh giá khác (nếu có) do Hội đồng quản trị ban hành trong từng thời kỳ.

4. Xếp loại đánh giá:

- a) Căn cứ vào kết quả đánh giá, việc xếp loại thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác được phân thành các loại sau:
 - Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;
 - Hoàn thành nhiệm vụ được giao;

- Không hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- b) Các văn bản đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác phải được lưu giữ trong hồ sơ cá nhân của cán bộ.

Điều 44. Khen thưởng

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác có thành tích trong công tác quản trị, điều hành và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng, Quy chế Thi đua khen thưởng và các quy định nội bộ khác của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành.
2. Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo Quy chế khen thưởng và các quy định nội bộ khác của Công ty.

Điều 45. Kỷ luật

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm các quy định khác có liên quan của pháp luật, Điều lệ Công ty, quy chế nội quy lao động và các quy định khác có liên quan của Công ty; tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật và các quy định nội bộ khác của Công ty.
2. Hội đồng quản trị quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
3. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy chế của Công ty.

Chương VIII.

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

Điều 46. Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột lợi ích

1. Cán bộ quản lý, bao gồm cả những người nội bộ có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty.
2. Cán bộ quản lý có trách nhiệm và phải cam kết với Công ty về việc công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Công ty và các quy định pháp luật khác có liên quan, không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh của Công ty vì mục đích cá nhân, không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi hay để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

3. Ngoài các nghĩa vụ tại Khoản 1 và 2 Điều này, Người nội bộ còn có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị về các sự kiện mà họ hoặc người có liên quan của họ có thể hưởng lợi hoặc gây xung đột lợi ích với Công ty.
4. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trước Hội đồng quản trị.
5. Công ty không được phép cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, người điều hành khác và những người có liên quan hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà các đối tượng trên có quyền và lợi ích liên quan, trừ khi ĐHĐCĐ có quyết định khác.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên Hội đồng quản trị đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong báo cáo thường niên của Công ty.
7. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác hay người có liên quan với các đối tượng trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty để tiết lộ cho người khác hay để tự mình tiến hành các giao dịch có liên quan.

Điều 47. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể. Các điều khoản ký kết, bổ sung sửa đổi, thời hạn hiệu lực, giá cả cũng như căn cứ xác định giá cả của hợp đồng phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty thông qua việc độc quyền các kênh mua, bán, phân phối, lũng đoạn giá cả...
3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty. Công ty không được cung cấp những đảm bảo về tài chính cho các cổ đông và người có liên quan.

Điều 48. Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người sử dụng dịch vụ của Công ty, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Công ty.

2. Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Công ty thông qua việc:
 - a) Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty và đưa ra quyết định;
 - b) Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát.
3. Công ty phải quan tâm tới các vấn đề về phúc lợi, bảo vệ môi trường, lợi ích chung của cộng đồng và trách nhiệm xã hội của Công ty.

Chương IX.

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

Điều 49. Công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Ngoài ra, Công ty phải công bố kịp thời và đầy đủ các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.
2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và nhà đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng, quý

1. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Báo cáo năm, sáu tháng phải được kiểm toán theo quy định, và phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan hữu quan khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của Kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.
5. Công ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 51. Tổ chức công bố thông tin của Công ty

1. Công ty tổ chức công bố thông tin gồm các nội dung chủ yếu sau:
 - Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn;
 - Bổ nhiệm hoặc ủy quyền tối thiểu một (01) cán bộ công bố thông tin.
2. Cán bộ công bố thông tin có thể là Thư ký hoặc cán bộ quản lý kiêm nhiệm.
3. Cán bộ công bố thông tin phải là người:
 - Có kiến thức kế toán, tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học;
 - Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;
 - Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị Công ty theo quy định;
 - Chịu trách nhiệm về công bố thông tin của Công ty với nhà đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Chương X. CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

Điều 52. Đào tạo về quản trị Công ty

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên phải tham gia các khóa đào tạo về quản trị Công ty do các cơ sở đào tạo tổ chức để nâng cao kiến thức, đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ quản trị Công ty.

Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính, giữa:
 - a) Cổ đông với Công ty; hoặc
 - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hay người điều hành khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng

quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.
3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Chương XI.

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 54. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này gồm 11 chương 54 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các quy định trái với Quy chế này đều bãi bỏ.
2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện quy chế này.
3. Ban Kiểm soát có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế trong Công ty.
4. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định của Quy chế này do Hội đồng quản trị dự thảo và trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua.
5. Trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Ngô Anh Dũng

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX
(Ban hành kèm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 23 tháng 4 năm 2024)

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Căn cứ, mục đích ban hành và đối tượng, phạm vi điều chỉnh

- Quy chế này được ban hành dựa trên các căn cứ sau:
 - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
 - Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
 - Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
 - Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
 - Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex (Công ty);
 - Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (Quy chế Quản trị Công ty);
- Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này được ban hành nhằm quy định cụ thể chế độ phân công, phân cấp trách nhiệm, quy trình làm việc và các mối quan hệ công tác của Hội đồng quản trị để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các Ban/tiểu ban, cán bộ quản lý và những người có liên quan.
- Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa quy định tại Quy chế này với các văn bản, chính sách nội bộ khác của Công ty thì Quy chế này sẽ được ưu tiên áp dụng.
- Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa các quy định tại Quy chế này với Điều lệ, quy chế quản trị Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản quy phạm pháp luật dưới luật hướng dẫn thi hành các luật này, thì những quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản quy phạm hướng dẫn được ưu tiên áp dụng.

Điều 2. Từ ngữ viết tắt và giải thích thuật ngữ

1. Luật Doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021.
2. Luật Chứng khoán: Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021.
3. Nghị định 155: Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021.
4. Thông tư 96: Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
5. Điều lệ Công ty: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex được ĐHĐCĐ thông qua tại ngày 05/4/2021.
6. Quy chế quản trị: Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex được ĐHĐCĐ thông qua tại ngày 05/4/2021.
7. ĐHĐCĐ: Viết tắt của từ “Đại hội đồng cổ đông”.
8. HĐQT: Viết tắt của từ “Hội đồng quản trị”.
9. BKS: Viết tắt của từ “BKS”.
10. Công ty / Công ty mẹ: Là Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex, mã số đăng ký doanh nghiệp 0301825283, do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. HCM cấp lần đầu ngày 30/09/1999.
11. Công ty con: Là Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Thương mại Petrolimex.
12. Người nội bộ: Khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán quy định người nội bộ là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của doanh nghiệp, bao gồm: Chủ tịch HĐQT; Thành viên HĐQT; Người đại diện theo pháp luật; Tổng Giám đốc; Phó Tổng Giám đốc; Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do ĐHĐCĐ bầu hoặc HĐQT bổ nhiệm; Trưởng Ban BKS và thành viên BKS (Kiểm soát viên); Thư ký Công ty; Người phụ trách quản trị Công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.

13. Người có liên quan: Là các tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty và Người nội bộ của Công ty theo quy định tại Khoản 23 Luật Doanh nghiệp.
14. Giao dịch với Người có liên quan: Tên gọi chung của các giao dịch phát sinh giữa Công ty với Người nội bộ, Người có liên quan của Người nội bộ và Người có liên quan của Công ty.
15. Cán bộ quản lý: Bao gồm những Người nội bộ và những cá nhân nắm giữ các chức danh quản lý khác trong cơ cấu tổ chức và hệ thống ngạch bậc quản lý Công ty.

Điều 3. Các nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo thể hiện qua các nghị quyết/quyết định của HĐQT.
3. Mọi hoạt động của HĐQT, các thành viên của HĐQT tuân thủ theo các quy định của pháp luật, Điều lệ để đảm bảo lợi ích của Công ty.
4. Các thành viên của HĐQT chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về các quyết định của cá nhân.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Mỗi thành viên HĐQT phụ trách một số lĩnh vực công việc phù hợp với năng lực chuyên môn theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm trước HĐQT/Chủ tịch HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về kết quả thực thi nhiệm vụ theo lĩnh vực/công việc được phân công.
3. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT; Chuẩn bị nội dung cần báo cáo, thảo luận (theo lĩnh vực, nhiệm vụ được giao và được phân công) khi

tham gia họp HĐQT; Có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận; Đề xuất ý kiến, kiến nghị và được bảo lưu ý kiến.

- c) Báo cáo kết quả thực hiện công việc với HĐQT/Chủ tịch HĐQT về kết quả thực hiện công việc được phân công theo chế độ quy định tại Quy chế này. Trường hợp đặc biệt, cần phải báo cáo kịp thời với Chủ tịch HĐQT để xem xét, giải quyết.
- d) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác.
- e) Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; Giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- f) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.
3. Khi làm việc các thành viên HĐQT được chất vấn, trao đổi nhưng không được làm cản trở việc thực hiện điều hành của Tổng Giám đốc; Được trực tiếp trao đổi với Tổng Giám đốc để kịp thời giải quyết những vấn đề có liên quan.

Điều 6. Cơ cấu, thành phần nhân sự và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên HĐQT có 07 người, gồm 01 Chủ tịch HĐQT và 06 Thành viên HĐQT.
2. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đảm bảo số lượng tối thiểu thành viên độc lập Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành phù hợp theo quy định pháp luật.
3. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT:
 - a. Nhiệm kỳ của Thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
 - b. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
 - c. Thành viên HĐQT độc lập không được tái nhiệm quá 2 nhiệm kỳ liên tục.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc các đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.
 - b) Có tư chất lãnh đạo, liêm chính, có trách nhiệm, chín chắn, có đạo đức, nhận được sự tin tưởng của các cổ đông, các thành viên khác trong HĐQT, các cán bộ quản lý của Công ty;
 - c) Có khả năng cân bằng lợi ích của tất cả các bên có quyền lợi liên quan và đưa ra những quyết định hợp lý;
 - d) Có kinh nghiệm chuyên môn và trình độ học vấn cần thiết để hoạt động một cách có hiệu quả;
 - e) Có khả năng biến kiến thức và kinh nghiệm thành các giải pháp thực tiễn;
 - f) Kỹ năng giao tiếp tốt;
 - g) Không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 05 công ty khác;
 - h) Không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
2. Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, thành viên HĐQT độc lập phải có các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp như sau:
 - a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty hoặc Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty hoặc Công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp/thù lao mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; Là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - e) Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, BKS của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.
2. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; Triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT;

- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - e) Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - f) Đảm bảo việc công bố thông tin đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán.
 - g) Các quyền và nhiệm vụ khác của Chủ tịch HĐQT theo phân cấp, ủy quyền của HĐQT, ĐHĐCĐ và theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.
5. Khi xét thấy cần thiết, HĐQT quyết định bổ nhiệm Thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ, HĐQT; Ghi chép các biên bản họp;
 - b) Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c) Hỗ trợ HĐQT trong việc áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
 - d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; Việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a) Thành viên HĐQT không đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Nghị định 155, Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty và Quy chế này;
 - b) Thành viên HĐQT có đơn từ nhiệm bằng văn bản gửi đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật hiện hành.
2. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:
 - a) Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế thành viên HĐQT; Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.
4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên HĐQT bị giảm quá 1/3 so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3;
 - b. Trừ trường hợp quy định tại Điểm a Khoản này, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. **Cơ chế đề cử thành viên Hội đồng quản trị**
 - a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết từ 10% trở lên có quyền đề cử ứng viên HĐQT quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào HĐQT thực hiện theo nguyên tắc sau:
 - Từ 10% đến dưới 20% được đề cử 01 ứng viên;
 - Từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên;
 - Từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa 03 ứng viên;
 - Từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa 04 ứng viên;
 - Từ 65% trở lên được đề cử tối đa 05 ứng viên.

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết, có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT.
 - b) Trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông tại Khoản 1 Điều này không đề cử đủ số lượng ứng viên cần thiết, HĐQT đương nhiệm sẽ giới thiệu bổ sung theo nguyên tắc Quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
 - c) Hồ sơ cần thiết để đề cử ứng viên HĐQT:

Thành phần hồ sơ khi đề cử ứng viên HĐQT bao gồm:

 - Thư đề cử hợp lệ, theo mẫu của Công ty ban hành;
 - Sơ yếu lý lịch ứng viên chứa các thông tin cơ bản gồm: Thông tin cá nhân (họ tên, ngày tháng năm sinh, địa chỉ cư trú, giấy tờ chứng thực cá nhân); Quá trình công tác; Số cổ phần mà ứng viên nắm giữ tại Công ty (nếu có); Các lợi ích có liên quan Bản kê khai thông tin người có liên quan của ứng viên và số cổ phần nắm giữ của từng người liên quan.
 - Bản cam kết của ứng cử viên về việc:
 - + Xác nhận và chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân, trình độ chuyên môn, văn bằng chứng chỉ nghề nghiệp do mình cung cấp;
 - + Hiểu rõ và đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm của mình trong HĐQT nếu được bầu làm thành viên HĐQT; và

- + Làm việc trên cơ sở trung thực, trung thành, cẩn trọng, có thiện chí và vì lợi ích cao nhất của Công ty và của tất cả cổ đông nếu được bầu làm thành viên HĐQT.
 - Bản sao y chứng thực các giấy tờ, tài liệu liên quan đến ứng viên, gồm: Giấy tờ chứng thực cá nhân (CMND/CCCD/Hộ chiếu); Bằng cấp, chứng chỉ liên quan đến trình độ chuyên môn (nếu có).
- d) Trường hợp ứng viên do cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thì ngoài hồ sơ theo quy định tại Điểm a Khoản này, cổ đông, nhóm cổ đông đề cử còn phải cung cấp:
- Giấy xác nhận số cổ phần mà cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu hoặc giấy tờ tương đương của Công ty Chứng khoán nơi cổ đông, nhóm cổ đông đó mở tài khoản hoặc của VSD (tính đến ngày chốt danh sách cổ đông);
 - Biên bản thành lập nhóm cổ đông trong trường hợp ứng viên do nhóm cổ đông đề cử. Nhóm cổ đông phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp ĐHĐCĐ biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ.
- e) Trên cơ sở danh sách đề cử của cổ đông, nhóm cổ đông đối với các chức danh cần bầu này, HĐQT thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn; Lập danh sách ứng cử viên cho các chức danh dự kiến bầu. Đối với các ứng cử viên không đảm bảo tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định, HĐQT thông báo cho cổ đông, nhóm cổ đông đề cử của ứng viên này biết rõ lý do.
2. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

3. Cơ chế bầu cử thành viên HĐQT

- a) ĐHĐCĐ bầu cử thành viên HĐQT tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên hoặc bất thường.
- b) ĐHĐCĐ quyết định số lượng thành viên HĐQT được bầu và danh sách ứng cử viên trước khi tiến hành bầu cử.
- c) Cổ đông thực hiện bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu, cụ thể:
- Mỗi cổ đông có tổng số quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) của cổ đông nhân với số thành viên HĐQT cần bầu;
 - Cổ đông có thể chia tổng số quyền biểu quyết cho tất cả các ứng viên, hoặc dồn hết tổng số quyền biểu quyết cho một hoặc một số ứng viên, hoặc không bầu cho ứng viên nào (bỏ phiếu trắng);
 - Người trúng cử được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
 - Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì ĐHĐCĐ sẽ tiến hành bầu lại thành viên đó trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau;
 - Việc quyết định phương thức bầu cử khác ngoài phương thức bầu dồn phiếu phải được ĐHĐCĐ thông qua và phải được cập nhật, bổ sung vào Điều lệ Công ty.
- d) Trình tự, thủ tục bầu thành viên HĐQT:

- Cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ thực hiện bầu cử theo nguyên tắc bỏ phiếu kín vào thùng phiếu. Thùng phiếu do Ban tổ chức chuẩn bị để phục vụ bầu cử;
- Ban kiểm phiếu phải tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của Cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp;
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi có hiệu lệnh của Đoàn Chủ tọa và kết thúc khi Cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông cuối cùng bỏ Phiếu bầu vào thùng phiếu;
- Kết quả bầu cử được thống kê ngay sau khi việc bầu cử kết thúc; Ban Kiểm phiếu chịu trách nhiệm chính trong việc thống kê kết quả bầu cử. Đoàn Chủ tọa phân công một số nhân sự giúp việc, hỗ trợ Ban Kiểm phiếu để thực hiện thủ tục kiểm phiếu, thống kê kết quả bầu cử;
- Ban kiểm phiếu có thể sử dụng phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu;
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành Biên bản kiểm phiếu, có chữ ký xác nhận của thành viên Ban Kiểm phiếu;
- Nội dung Biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu; Số và tỷ lệ phiếu bầu hợp lệ; Số và tỷ lệ phiếu bầu không hợp lệ; Số phiếu bầu của từng ứng viên;
- Trưởng Ban kiểm phiếu đọc kết quả kiểm phiếu sau khi hoàn tất kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu được công bố trên Website Công ty trong vòng 24 giờ làm việc, kể từ thời điểm thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ.
- Kết quả bầu cử được ghi nhận trong Biên bản cuộc họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ. Trong đó, ghi rõ số phiếu bầu của từng ứng viên; Kết quả trúng cử/Không trúng cử của từng ứng viên.

4. **Cách thức miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT**

- a) Trường hợp một thành viên HĐQT không đủ tư cách theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty hoặc không có đủ năng lực hành vi thì Ban Tổng hợp Nhân sự sẽ chịu trách nhiệm thu thập bằng chứng, thông tin, lập báo cáo và đề xuất, trình HĐQT biểu quyết quyết định.
- b) Đối với trường hợp từ nhiệm, thì Ban Tổng hợp Nhân sự sẽ thụ lý việc xem xét và trình HĐQT quyết định.
- c) Đối với trường hợp thành viên HĐQT bị pháp luật cấm không được làm thành viên HĐQT, HĐQT sẽ triệu tập cuộc họp để ban hành nghị quyết.
- d) Việc bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT phải được HĐQT ra Nghị quyết về việc không còn tư cách thành viên HĐQT và thông báo cho cổ đông theo qui định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định của Luật Chứng khoán và Thông tư 96. Đồng thời thực hiện các thủ tục trình ĐHĐCĐ để bầu, bổ nhiệm vị trí bị khuyết theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- e) Trường hợp Chủ tịch HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm thì các thành viên còn lại của HĐQT bầu một thành viên HĐQT lên thay theo nguyên tắc đa số.

- f) Thành viên HĐQT sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. **Thông báo về việc bầu thành viên HĐQT**
 - a) Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty (website) để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT.
 - b) Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:
 - Họ tên, ngày, tháng, năm sinh và các thông tin cá nhân khác (chỉ bao gồm những thông tin để xác định danh tính của ứng viên, không bao gồm thông tin liên lạc của ứng viên đó);
 - Trình độ chuyên môn;
 - Quá trình công tác;
 - Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
 - Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty (nếu có);
 - Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ Công ty và ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

1. **HĐQT có các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm trong việc tổ chức ĐHĐCĐ**
 - a) Việc xây dựng, duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.
 - b) HĐQT báo cáo và trình ĐHĐCĐ thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ, gồm:

- Đề xuất định hướng phát triển dài hạn của Công ty; Xác định mục tiêu, chiến lược hoạt động trên cơ sở định hướng phát triển đã được ĐHĐCĐ thông qua;
 - Đề xuất tăng, giảm vốn điều lệ và chuyển nhượng cổ phần;
 - Đề xuất phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi tham khảo ý kiến của cổ đông lớn tại cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - Đề xuất tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và đề xuất người thanh lý;
 - Đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và trình ĐHĐCĐ thông qua;
 - Báo cáo ĐHĐCĐ về việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
 - Báo cáo hoạt động của HĐQT theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - Đề xuất thành lập các tiểu ban trực thuộc để hỗ trợ hoạt động của HĐQT;
 - Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập;
 - Đề xuất số lượng thành viên HĐQT, thành viên BKS;
 - Trình ĐHĐCĐ bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT, thành viên BKS;
 - Báo cáo tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT, thành viên BKS; Trình kế hoạch thù lao HĐQT, BKS;
 - Kiến nghị kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT, BKS gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
 - Trình ĐHĐCĐ quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - Trình ĐHĐCĐ quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - Trình ĐHĐCĐ thông qua ký kết các hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
- c) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ quy định tại Điều lệ Công ty.
2. **Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của HĐQT trong việc quyết định chiến lược phát triển, đầu tư và kế hoạch sản xuất kinh doanh**
- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản lý tài chính của Công ty;

- c) Quyết định các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
- d) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- e) Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của HĐQT về các vấn đề tài chính và ngân sách của Công ty

- a) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- b) Quyết định huy động thêm vốn bằng các hình thức khác theo quy định của pháp luật;
- c) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- d) Quyết định mua lại không quá 10% mỗi loại cổ phần đã phát hành. Đối với việc mua lại cổ phần của từng loại đã được chào bán trong vòng mười hai (12) tháng thì phải tuân thủ quy định tại Điều 133 Luật Doanh nghiệp và pháp luật về mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty;
- e) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
- f) Quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- g) Quyết định việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
- h) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ;
- i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHCĐ theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp.

4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của HĐQT về công tác tổ chức

HĐQT đưa ra các quyết định quản trị, phê duyệt và xử lý các vấn đề:

- a) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành của Công ty mẹ, Công ty con;
- b) Quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc hoặc khi HĐQT thấy cần thiết;
- c) Ban hành các quy chế quản lý nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHCĐ và BKS Công ty;
- d) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết do Công ty sở hữu toàn bộ vốn điều lệ, hoặc có cổ phần, vốn góp chi phối theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty;
- e) Quy định chi tiết về việc thành lập các ban/tiểu ban trực thuộc HĐQT, trách nhiệm từng ban/tiểu ban, trách nhiệm của thành viên ban/tiểu ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập (nếu có) được cử phụ trách về vấn đề lương thưởng.

5. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của HĐQT về công tác cán bộ và lao động

HĐQT đưa ra các quyết định quản trị, phê duyệt và xử lý các vấn đề về công tác cán bộ theo quy định tại Điều lệ, Quy chế quản lý công tác tổ chức và cán bộ Công ty và các quy định khác có liên quan của pháp luật, gồm các vấn đề sau:

- a) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT;
- b) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác của Tổng Giám đốc;
- c) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác thuộc thẩm quyền HĐQT được quy định tại Quy chế quản lý công tác tổ chức và cán bộ Công ty;
- d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và quy định quyền hạn, trách nhiệm của Người phụ trách quản trị Công ty, Thư ký Công ty theo quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty.
- e) Thỏa thuận chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại hoặc luật sư của Công ty;
- f) Cử người đại diện theo ủy quyền giữ chức vụ Chủ tịch công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ; Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCĐ ở công ty khác, quyết định mức thù lao, quyền lợi và các vấn đề có liên quan đến người đại diện phần vốn của Công ty tại các doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- g) Quyết định thưởng, các tiêu chuẩn và điều kiện được thưởng, mức thưởng bằng cổ phần, tiền hoặc hình thức khác trong từng thời điểm cho các tập thể, cá nhân là cổ đông hoặc không phải cổ đông mà có nhiều công sức đóng góp cho sự phát triển của Công ty;
- h) Phê duyệt, chấp thuận bằng văn bản, giám sát và ủy quyền cho Tổng Giám đốc trực tiếp ký kết Thỏa ước lao động tập thể với đại diện người lao động.

6. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của HĐQT trong việc quản lý chung

Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc quản lý chung gồm các vấn đề sau:

- a) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty; Trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
- b) Đối xử bình đẳng đối với tất cả các cổ đông, đảm bảo các quyền và lợi ích của cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- c) Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.
- d) Giao nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch cho Tổng Giám đốc; Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty và việc thực hiện các quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT;
- e) Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên, báo cáo tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật;

- f) Đình chỉ, hủy bỏ vô điều kiện các quyết định của Tổng Giám đốc nếu xét thấy các quyết định đó đi ngược lại lợi ích của Công ty, vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty;
- g) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà HĐQT quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
- h) Quản lý, kiểm soát, công bố thông tin của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- i) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó; Cụ thể như sau:
 - Trực tiếp giải quyết hoặc ủy quyền cho Tổng Giám đốc giải quyết các khiếu nại trong nội bộ Công ty tùy từng trường hợp cụ thể nếu có khiếu nại đến HĐQT.
 - Hòa giải tranh chấp giữa Công ty với khách hàng nếu có báo cáo/đơn kiến nghị đến HĐQT.
 - Trực tiếp hoặc ủy quyền giải quyết các vụ kiện mà một bên là Công ty.
- j) Trừ phi luật pháp và Điều lệ Công ty quy định khác, HĐQT có thể ủy quyền và giao nhiệm vụ cho Tổng Giám đốc hoặc nhân viên cấp dưới và cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

7. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật

Các thành viên HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty theo quy định Luật Doanh nghiệp, các bộ luật và quy định khác của nhà nước, quốc tế và Điều lệ Công ty để quản lý, điều hành Công ty đạt mục tiêu phát triển bền vững.

- 8. HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.
- 9. Trường hợp nghị quyết, quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết ĐHCĐ, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; Thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cơ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

- 1. HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị đến dưới 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
 - Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên HĐQT, thành viên BKS về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác. Thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

1. **HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau**
 - a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Theo yêu cầu của BKS;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. **Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường**

HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên HĐQT, thành viên BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 1 Điều này;
3. **Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây**
 - a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS;
 - f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật Doanh nghiệp;
 - h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15. Các ban/tiểu ban giúp việc HĐQT

1. HĐQT có thể thành lập ban/tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro, kế hoạch, đầu tư phát triển.
2. HĐQT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của các ban/tiểu ban giúp việc phù hợp với quy chế hoạt động của HĐQT, Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật.
3. Lãnh đạo ban giúp việc do HĐQT giao cho thành viên HĐQT đảm nhiệm phụ trách hoặc do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm.
4. Trường hợp không thành lập các ban/tiểu ban thì HĐQT cử người phụ trách riêng về vấn đề như tài chính, đầu tư phát triển, nhân sự, lương, thưởng...
5. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 16. Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị

1. HĐQT sử dụng bộ máy điều hành, phương tiện vật chất kỹ thuật và con dấu của Công ty để thực hiện chức năng quản lý Công ty.
2. Văn phòng Công ty có trách nhiệm nhận và chuyển đi và đến các tài liệu của Công ty hoặc HĐQT; Những văn bản của cơ quan cấp trên, của đối tác thuộc trách nhiệm xử lý của HĐQT được gửi tới Chủ tịch HĐQT.
3. Các ban/tiểu ban hoặc Thư ký Công ty làm nhiệm vụ tổng hợp và là đầu mối liên hệ giữa HĐQT với các bộ phận trong và ngoài Công ty.
4. Thù lao, chi phí đi lại, hội họp và hoạt động của HĐQT thực hiện theo định mức quy định của Công ty và được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 17. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Chủ tịch HĐQT hết nhiệm kỳ thành viên HĐQT, HĐQT (bao gồm thành viên đương nhiệm và thành viên mới được bầu bổ sung, thay thế) phải tổ chức cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử. Tại cuộc họp đầu tiên, HĐQT bầu Chủ tịch HĐQT và quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền HĐQT.

Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn 01 thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên HĐQT bầu ra một người trong số họ triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Biên bản và nghị quyết của cuộc họp phải được công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và đăng tải trên Website Công ty để cổ đông nắm rõ.

2. Trong nhiệm kỳ, HĐQT có thể họp thường kỳ hoặc họp bất thường. Chủ tịch HĐQT quyết định việc triệu tập, thời gian, địa điểm và lập chương trình nghị sự cho các cuộc họp. Riêng đối với cuộc họp thường kỳ, HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần.
3. Chủ tịch HĐQT triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a) Tổng Giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
 - b) Ít nhất hai (02) thành viên HĐQT;
 - c) Ban Kiểm soát.
4. Trường hợp có yêu cầu bằng văn bản của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch HĐQT sẽ triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty nếu xét thấy yêu cầu của kiểm toán viên độc lập là phù hợp và cần thiết.
5. Cuộc họp của HĐQT có thể được tổ chức theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
6. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp trong trường hợp này là địa điểm nơi nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Điều 18. Trình tự triệu tập, tổ chức và cơ chế biểu quyết tại cuộc họp HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT quyết định thời gian, địa điểm tổ chức và chương trình nghị sự của cuộc họp HĐQT.
2. Căn cứ chương trình nghị sự của cuộc họp, Chủ tịch HĐQT quyết định thành phần tham dự cuộc họp theo các nguyên tắc sau:
 - a) Tất cả các thành viên HĐQT và thành viên BKS phải tham dự cuộc họp;
 - b) Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch HĐQT triệu tập một số cán bộ quản trị hoặc cán bộ quản lý chủ chốt và/hoặc mời đại diện cổ đông lớn để tham dự cuộc họp;
 - c) Phụ trách quản trị Công ty và Thư ký Công ty phải tham dự cuộc họp để hỗ trợ chương trình cuộc họp và ghi nhận biên bản cuộc họp.
3. Gửi thư mời họp HĐQT:
 - a) Thư mời họp HĐQT do Chủ tịch HĐQT ký ban hành;
 - b) Thư ký Công ty/Ban Tổng hợp Nhân sự có trách nhiệm gửi thư mời họp HĐQT cho các thành phần tham dự cuộc họp. Thư mời họp được gửi bằng thư điện tử hoặc bằng phương thức khác mà các thành phần tham dự cuộc họp có thể nắm được thông tin của cuộc họp;
 - c) Thư mời họp phải được gửi trước ít nhất 05 ngày kể từ ngày dự kiến tổ chức cuộc họp.
4. Chuẩn bị nội dung và gửi tài liệu phục vụ cuộc họp HĐQT:

- a) Các đơn vị có trách nhiệm liên quan phải chuẩn bị, hoàn thiện các báo cáo, tờ trình và tài liệu phục vụ cuộc họp theo nội dung chương trình nghị sự đã được xác định tại thư mời họp HĐQT và gửi bằng thư điện tử đến Ban Tổng hợp Nhân sự tiếp nhận, tổng hợp tài liệu cuộc họp;
- b) Thư ký Công ty/Ban Tổng hợp Nhân sự có trách nhiệm tổng hợp các tài liệu đã nhận được để gửi cho các thành viên HĐQT bằng thư điện tử, chậm nhất 03 ngày trước ngày tổ chức cuộc họp;
- c) Việc nhận và gửi các tài liệu được thực hiện theo chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT.

5. Điều kiện để tiến hành cuộc họp HĐQT:

- a) Các cuộc họp của HĐQT lần thứ nhất chỉ được tiến hành khi có ít nhất 3/4 số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) dự họp;
- b) Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (50%) số thành viên HĐQT dự họp.

6. Trình tự diễn biến cuộc họp HĐQT:

- a) Chủ tịch HĐQT là Chủ tọa cuộc họp HĐQT. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không thể chủ tọa cuộc họp thì HĐQT sẽ chỉ định 01 thành viên HĐQT là Chủ tọa cuộc họp;
- b) Chủ tọa cuộc họp chỉ định Phụ trách quản trị Công ty hoặc Thư ký Công ty hoặc một người khác làm Thư ký cuộc họp;
- c) Thư ký cuộc họp chịu trách nhiệm kiểm tra và báo cáo cho Chủ tọa cuộc họp sự có mặt, vắng mặt của những người được mời tham dự cuộc họp. Trường hợp có người vắng mặt thì phải nêu rõ lý do;
- d) Các thành viên BKS, thành viên Ban Điều hành và các cán bộ quản lý chủ chốt được phân công tham dự và báo cáo tại cuộc họp có trách nhiệm trình bày trước HĐQT các báo cáo, tờ trình liên quan đến chương trình nghị sự theo sự điều hành của Chủ tọa cuộc họp;
- e) HĐQT thảo luận cho ý kiến và biểu quyết đối với các vấn đề trình HĐQT. Chủ tọa cuộc họp điều phối việc thảo luận và biểu quyết của các thành viên HĐQT. Việc triển khai các nội dung khác ngoài chương trình nghị sự do Chủ tọa cuộc họp quyết định.
- f) Cơ chế biểu quyết tại cuộc họp HĐQT:
 - HĐQT biểu quyết từng báo cáo, tờ trình và vấn đề trình HĐQT tại cuộc họp. Việc biểu quyết có thể được thực hiện trực tiếp tại cuộc họp hoặc thông qua phương tiện điện tử hoặc thông qua ý kiến bằng văn bản, fax, thư điện tử;
 - Mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền của thành viên HĐQT có mặt trực tiếp tại cuộc họp HĐQT có 01 quyền biểu quyết. Quyền biểu quyết được thể hiện dưới hình thức biểu quyết giơ tay trực tiếp hoặc dùng Phiếu biểu quyết. Trường hợp HĐQT biểu quyết các nội dung về giao dịch với Người có liên quan, thành viên HĐQT hưởng lợi từ giao dịch hoặc xung đột lợi ích với Công ty thông qua giao dịch đó sẽ không có quyền biểu quyết và sự có mặt của thành viên đó trong cuộc họp không được tính vào số lượng tham dự tối thiểu cần thiết để tổ chức cuộc họp HĐQT;

- Việc biểu quyết của HĐQT phải thể hiện rõ ý kiến: “Tán thành” hoặc “Không tán thành” hoặc “ý kiến khác”. Trong trường hợp thành viên HĐQT có “ý kiến khác” phải nêu rõ ý kiến và đề xuất hướng giải quyết vấn đề mình có ý kiến khác; Thành viên HĐQT có quyền bảo lưu ý kiến của mình.
- Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua khi có trên 50% tổng số thành viên HĐQT tham dự biểu quyết tán thành hoặc có ý kiến bằng văn bản chấp thuận. Việc đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều lệ, tổ chức lại, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của Công ty phải được ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên tham dự biểu quyết tán thành hoặc có ý kiến bằng văn bản chấp thuận. Trường hợp có số phiếu ngang nhau thì bên có phiếu của Chủ tịch HĐQT hoặc người được Chủ tịch HĐQT chủ trì cuộc họp là quyết định. Thành viên HĐQT có quyền bảo lưu ý kiến của mình, nhưng vẫn phải chấp hành nghị quyết, quyết định đã được HĐQT thông qua và được quyền kiến nghị.
- g) Cuộc họp HĐQT kết thúc khi tất cả các báo cáo, tờ trình, nội dung trình HĐQT đã được thảo luận và biểu quyết. Trường hợp cần thiết, Chủ tọa cuộc họp phát biểu kết luận cuộc họp;
- h) Thư ký cuộc họp có trách nhiệm kiểm tra, thu hồi các báo cáo, tài liệu dưới dạng văn bản giấy sau khi kết thúc cuộc họp;
- i) Thư ký cuộc họp có trách nhiệm lập biên bản và Nghị quyết của cuộc họp sau khi kết thúc cuộc họp.

Điều 19. Biên bản cuộc họp và Nghị quyết, Quyết định của HĐQT

1. **Biên bản cuộc họp HĐQT**
 - a) Biên bản cuộc họp HĐQT được lập sau khi kết thúc cuộc họp để ghi nhận các diễn biến tại cuộc họp và phải được hoàn thành trong thời gian hợp lý kể từ ngày diễn ra cuộc họp. Đối với cuộc họp HĐQT thường kỳ, biên bản cuộc họp phải được hoàn thành trước khi diễn ra cuộc họp thường kỳ tiếp theo.
 - b) Biên bản cuộc họp có các nội dung chính sau:
 - Thời gian và địa điểm diễn ra cuộc họp;
 - Chủ tọa và Thư ký cuộc họp;
 - Thành phần tham dự cuộc họp;
 - Tóm tắt diễn biến và các nội dung trình HĐQT thảo luận, biểu quyết tại cuộc họp;
 - Tóm tắt nội dung thảo luận và kết quả biểu quyết của HĐQT tại cuộc họp;
 - Toàn văn Nghị quyết HĐQT;
 - Thời điểm kết thúc cuộc họp.
 - c) Biên bản cuộc họp HĐQT phải có chữ ký của Chủ tọa, Thư ký cuộc họp và các thành viên HĐQT dự họp;
 - d) Biên bản cuộc họp và các tài liệu lưu hành trong cuộc họp được lưu trữ theo quy định. Việc trích yếu, sử dụng các nội dung trong biên bản cuộc họp do Thư ký Công ty/Ban Tổng hợp Nhân sự thực hiện theo sự chỉ đạo từ Chủ tịch HĐQT.

2. Nghị quyết của HĐQT

- a) Nghị quyết của HĐQT là hình thức cụ thể hóa các nội dung đã được HĐQT biểu quyết thông qua tại cuộc họp HĐQT. Nghị quyết của HĐQT phải được hoàn thành cùng lúc với biên bản cuộc họp HĐQT;
- b) Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành Nghị quyết của HĐQT;
- c) Các nội dung đã được ghi nhận trong Nghị quyết của HĐQT có giá trị thực hiện kể từ thời điểm được HĐQT biểu quyết thông qua;
- d) Sau khi được ban hành, Nghị quyết của HĐQT có thể được trích yếu, gửi cho các thành viên Ban điều hành, các cán bộ quản lý chủ chốt và các Trưởng đơn vị để tổ chức thực hiện chủ trương, chỉ đạo của HĐQT. Việc trích yếu, thông báo nội dung Nghị quyết của HĐQT do Thư ký Công ty/Ban Tổng hợp Nhân sự thực hiện theo chỉ đạo từ Chủ tịch HĐQT;
- e) HĐQT giao trách nhiệm cho Chủ tịch HĐQT tổ chức theo dõi, kiểm tra, đôn đốc tình hình thực hiện các nhiệm vụ, công việc đã được HĐQT giao cho các đơn vị thực hiện. Định kỳ hàng tháng hoặc theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT, các đơn vị có trách nhiệm liên quan gửi báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện các công việc, nhiệm vụ được giao cho Ban Tổng hợp Nhân sự để tổng hợp, đánh giá, trình Chủ tịch HĐQT xem xét, gửi HĐQT.

3. Quyết định của HĐQT

- a. Quyết định của HĐQT là văn bản được ban hành nhằm quy định, điều chỉnh và áp dụng cho một vấn đề cụ thể trong phạm vi chủ trương đã được HĐQT biểu quyết, thông qua tại Nghị quyết của HĐQT;
- b. Quyết định của HĐQT được ban hành căn cứ trên nội dung Nghị quyết của HĐQT;
- c. Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành Quyết định HĐQT.
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết ĐHCĐ, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; Thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cô đồng của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản

1. Chủ tịch HĐQT quyết định việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản.
2. Thư ký HĐQT chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT.
3. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên HĐQT và gửi về HĐQT.
4. Thư ký HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên HĐQT. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật.

5. Thư ký Công ty tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; Liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
6. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua phải gửi đến các thành viên HĐQT trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại Ban Tổng hợp Nhân sự.
8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 21. Trình báo cáo hàng năm

1. **Kết thúc năm tài chính, HĐQT phải trình ĐHĐCĐ các báo cáo sau đây**
 - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d) Báo cáo thẩm định của BKS.
2. Báo cáo quy định tại các Điểm a, b và c Khoản 1 Điều này phải được gửi đến BKS để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.
3. Báo cáo quy định tại các Khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của BKS và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 22. Chế độ báo cáo của Hội đồng quản trị đối với ĐHĐCĐ

1. HĐQT thực hiện chế độ báo cáo cho ĐHĐCĐ theo 02 phương thức sau:
 - a) Công bố thông tin (định kỳ hoặc bất thường) trên thị trường chứng khoán theo quy định;
 - b) Báo cáo trực tiếp trước ĐHĐCĐ tại các cuộc họp ĐHĐCĐ.
2. Đối với các công bố thông tin trên thị trường chứng khoán:
 - a) Các công bố thông tin trên thị trường chứng khoán phải đáp ứng yêu cầu về nội dung, thể thức và sử dụng đúng biểu mẫu được quy định tại Thông tư 96;

- b) Việc công bố thông tin phải được thực hiện đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn quy định.
3. Đối với các báo cáo trực tiếp trước ĐHĐCĐ tại các cuộc họp ĐHĐCĐ:
- a) HĐQT lập và trình bày các báo cáo định kỳ tại các cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại Khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp.
- b) Các báo cáo định kỳ của HĐQT phải đảm bảo có các nội dung sau:
- Thành phần và cơ cấu của HĐQT, trong đó xác định tư cách pháp lý và chức năng, nhiệm vụ của từng thành viên trong HĐQT;
 - Kết quả hoạt động của các ban/tiểu ban thuộc HĐQT (nếu có);
 - Tổng kết hoạt động của HĐQT, các cuộc họp và các Nghị quyết của HĐQT được thông qua trong kỳ báo cáo;
 - Kết quả hoạt động và kết quả đánh giá, giám sát của thành viên HĐQT độc lập (nếu có) về hoạt động của HĐQT;
 - Thù lao, chi phí hoạt động, các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT;
 - Kết quả giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác;
 - Báo cáo đánh giá về các giao dịch với Người có liên quan;
 - Kết quả thực hiện chủ trương, quyết định của ĐHĐCĐ đã được thông qua tại các cuộc họp trước của ĐHĐCĐ;
 - Các kế hoạch trong tương lai.
- c) Các báo cáo định kỳ của HĐQT tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên phải được ĐHĐCĐ thông qua. Việc ĐHĐCĐ thông qua toàn văn báo cáo định kỳ của HĐQT tại cuộc họp thường niên là căn cứ để HĐQT gia hạn tiến độ thực hiện các chủ trương đã được ĐHĐCĐ thông qua tại các cuộc họp trước đó.
- d) HĐQT lập và trình bày các báo cáo bất thường tại các cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường. Nội dung của các báo cáo bất thường được căn cứ và tùy thuộc vào nội dung chương trình nghị sự của cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường.

Điều 23. Chế độ báo cáo của Ban điều hành và các chức danh, đơn vị trực thuộc HĐQT đối với HĐQT

1. Ban điều hành và các chức danh, đơn vị trực thuộc HĐQT có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất cho HĐQT theo quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty, Quy chế này và hệ thống Quy định nội bộ về quản trị Công ty.
2. Báo cáo định kỳ:
- a) Ban Điều hành và các chức danh, đơn vị trực thuộc HĐQT báo cáo cho HĐQT về tiến độ và kết quả thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và công việc được HĐQT phân công theo định kỳ (tháng, quý, 06 tháng, năm...);
- b) Người đứng đầu Ban điều hành (Tổng Giám đốc) và người đứng đầu các đơn vị trực thuộc HĐQT (Trưởng/Phó Ban chuyên trách trực thuộc HĐQT), Chủ tịch/Giám đốc Công ty con có trách nhiệm thay mặt cho đơn vị của mình để báo cáo trước HĐQT.

3. Báo cáo đột xuất:
 - a) Ngoài các báo cáo định kỳ, HĐQT hoặc các ban/tiểu ban thuộc HĐQT có thể yêu cầu Ban điều hành và các chức danh, đơn vị trực thuộc HĐQT báo cáo trực tiếp hoặc bằng văn bản, hoặc cung cấp thông tin liên quan đến các mảng công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao để phục vụ công tác của HĐQT;
 - b) Trường hợp phát hiện có rủi ro hoặc các sự việc đột xuất có khả năng ảnh hưởng đến các hoạt động bình thường của Công ty, như: Uy tín, thương hiệu Công ty; Thay đổi, biến động về nhân sự chủ chốt; Các vấn đề liên quan đến vốn, tài sản của Công ty; Các vấn đề liên quan đến tính tuân thủ pháp luật khi hoạt động; Quyền lợi của đối tác, cổ đông, khách hàng; Và các sự việc khác nếu xét thấy cần thiết, Ban điều hành và các chức danh, đơn vị trực thuộc HĐQT có trách nhiệm báo cáo kịp thời cho HĐQT, Chủ tịch HĐQT để chỉ đạo hướng giải quyết.
4. Các đơn vị báo cáo phải thiết lập và duy trì chế độ thông tin báo cáo đối với HĐQT, bao gồm cả cách thức gửi/nhận thông tin, báo cáo một cách kịp thời, an toàn, đúng quy định.
5. Các đơn vị báo cáo chịu trách nhiệm về chất lượng nội dung của các thông tin, báo cáo cung cấp cho HĐQT. Các thông tin, báo cáo phải đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, đúng trọng tâm, phản ánh đúng tình trạng thực tế và đáp ứng yêu cầu về cung cấp thông tin của HĐQT.

Điều 24. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
5. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc các ban/tiểu ban của HĐQT.

6. Thành viên HĐQT có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 25. Kỷ luật

1. Các thành viên HĐQT và cán bộ quản lý Công ty trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm các quy định khác có liên quan của pháp luật, Điều lệ Công ty, quy chế nội quy lao động và các quy định khác có liên quan của Công ty; Tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và các quy định nội bộ khác của Công ty.
2. HĐQT có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do HĐQT bổ nhiệm.
3. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật được thực hiện theo quy chế kỷ luật của Công ty do HĐQT ban hành tại từng thời kỳ.

Điều 26. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên HĐQT của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; Tỷ lệ và thời Điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; Việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên HĐQT nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; Nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

Điều 28. Mối quan hệ với Ban Tổng Giám đốc

1. HĐQT chịu trách nhiệm bổ nhiệm và duy trì ổn định các thành viên Ban Tổng Giám đốc có trình độ năng lực và đạo đức tốt cho Công ty; Đồng thời kịp thời bãi nhiệm các thành viên Ban Tổng Giám đốc không đáp ứng được các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. HĐQT lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Ban Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.
3. HĐQT thực hiện việc khen thưởng và kỷ luật, xử lý sai phạm đối với các thành viên Ban Tổng Giám đốc một cách khách quan trên căn cứ và cơ sở phù hợp quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty.
4. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng Giám đốc đề nghị với HĐQT để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Trường hợp HĐQT không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên ĐHCĐ gần nhất.
5. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày kết thúc tháng, quý và năm, Tổng Giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh và phương hướng hoạt động trong thời kỳ tới của Công ty cho HĐQT.
6. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo HĐQT mọi vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành kinh doanh của Công ty.
7. Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc cử đại diện của HĐQT tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các đề án trình HĐQT do Tổng Giám đốc chủ trì. Chủ tịch HĐQT hoặc người đại diện HĐQT dự họp có quyền phát biểu đóng góp ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.
8. Định kỳ hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình HĐQT xem xét và phê duyệt báo cáo quy hoạch, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch cho các vị trí trong Ban Tổng Giám đốc.
9. Các chương trình nghiên cứu, khảo sát, học tập trong nước và ngoài nước; Các cuộc đàm phán và ký kết hợp đồng... của Công ty có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ,

quyền hạn của HĐQT, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch HĐQT đề cử thành viên HĐQT tham dự.

10. Các cuộc họp do các cơ quan có liên quan mời Ban lãnh đạo Công ty tham dự (trừ những trường hợp mời đích danh), thì tùy theo tính chất từng cuộc họp để phân công cụ thể. Những cuộc họp có liên quan đến đổi mới tổ chức, cơ chế, chính sách, kế hoạch hàng năm, kế hoạch 5 năm, chiến lược phát triển trung – dài hạn hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc lớn của Công ty thì Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc cùng dự; Hoặc Chủ tịch HĐQT quyết định một trong hai chức danh trên tham dự, sau đó thông báo lại cho nhau.
11. Tại các phiên họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung họp để quyết định mời thêm các Phó Tổng Giám đốc, Chủ tịch/Giám đốc Công ty con hoặc Trưởng/Phó phòng/ban/đơn vị phụ trách mảng công việc có liên quan tham dự họp, báo cáo công việc cụ thể và tham gia ý kiến (nếu có).
12. Tại các phiên họp định kỳ hoặc đột xuất của Ban Tổng Giám đốc hoặc các phiên họp liên quan đến các nội dung quan trọng do Ban Tổng Giám đốc chủ trì, người chủ trì mời và Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc cử đại diện HĐQT cùng tham dự họp và chỉ đạo trực tiếp (nếu có).
13. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo định kỳ.
14. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, theo yêu cầu của các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo chỉ đạo giải quyết có liên quan đến mảng công việc được phân công phụ trách, thực hiện.
15. Tổng Giám đốc phải hoạch định, xây dựng và đăng ký kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể trong từng thời kỳ của Công ty để báo cáo HĐQT.
16. Trường hợp phát hiện có rủi ro, hoặc các sự cố, các việc có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc kết quả, hiệu quả, an toàn hoạt động kinh doanh của Công ty hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác. Tổng Giám đốc phải báo cáo ngay HĐQT để chỉ đạo giải quyết kịp thời.

Điều 29. Môi quan hệ với Ban kiểm soát

1. HĐQT có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với BKS, tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho BKS, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của BKS.
2. HĐQT tạo điều kiện tốt nhất cho các thành viên BKS trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của BKS và phải có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo đề xuất của BKS.
3. Chủ tịch HĐQT mời BKS tham dự cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT.
4. Trưởng Ban BKS có trách nhiệm báo cáo HĐQT những vấn đề phát sinh tại các cuộc họp của BKS, mọi biên bản họp BKS phải được gửi tới HĐQT.
5. Kịp thời thông báo cho HĐQT khi phát hiện trường hợp vi phạm của người quản lý Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
6. Hàng quý, BKS gửi cho HĐQT báo cáo thực hiện công tác giám sát tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong quản trị, điều hành trong đó có đề ra các

biện pháp chấn chỉnh, xử lý các sai phạm trong quản trị điều hành Công ty được phát hiện và giải pháp ngăn ngừa, khắc phục, hạn chế, loại trừ các sai phạm đó.

7. HĐQT có quyền đề nghị BKS thực hiện kiểm tra, kiểm toán theo yêu cầu.
8. Trên cơ sở các báo cáo của BKS, HĐQT trực tiếp chỉ đạo toàn Công ty tiến hành khắc phục yếu kém, sai phạm và thực hiện các giải pháp kinh doanh hiệu quả, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
9. Với sự trợ giúp của BKS, HĐQT xem xét tính trung thực của các báo cáo tài chính, thông tin tài chính, tính hiệu quả của hoạt động kiểm soát nội bộ và xác nhận của Ban Tổng Giám đốc về kiểm soát nội bộ và quy định kiểm soát, quản lý thông tin được công bố.
10. BKS đề nghị HĐQT họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ họp bất thường theo luật định và Điều lệ Công ty.
11. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, thành viên BKS có thể đề nghị HĐQT cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
12. HĐQT đảm bảo tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên HĐQT sẽ được cung cấp cho thành viên BKS.

Điều 30. Mọi quan hệ với cổ đông

1. HĐQT đóng vai trò quan trọng trong việc điều phối sự tham gia của các cổ đông trong Công ty. HĐQT phải luôn coi trọng lợi ích của các cổ đông, có trách nhiệm cung cấp thông tin kịp thời và đầy đủ cho các cổ đông theo quy định của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán; Đồng thời phải giữ mối quan hệ chặt chẽ, mật thiết và thường xuyên với các cổ đông của Công ty.
2. Mọi quan hệ với các cổ đông lớn phải tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định của Công ty.

Điều 31. Mọi quan hệ với Đảng và đoàn thể

1. Việc thành lập và hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể của người lao động trong Công ty như Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, ... được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Điều lệ của tổ chức đó. HĐQT tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ của tổ chức đó và phù hợp với Điều lệ của Công ty.
2. HĐQT liên tịch Đảng ủy Công ty xây dựng quy chế phối hợp hoạt động để cùng phát huy tối đa được vai trò, vị trí của mình trong việc thúc đẩy sản xuất - kinh doanh, xây dựng doanh nghiệp phát triển bền vững.
3. Việc thành lập, hoạt động của các tổ chức, đoàn thể trên không gây cản trở và ảnh hưởng tới hoạt động của HĐQT và hoạt động của Công ty.

Điều 32. Mọi quan hệ với cơ quan nhà nước, đối tác, cơ quan truyền thông

1. Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT khi quan hệ công tác với các cơ quan nhà nước, các tổ chức và cá nhân bên ngoài có quyền và nghĩa vụ nhân danh HĐQT và nhân danh Công ty theo phân định thẩm quyền của Thành viên HĐQT.

2. Chủ tịch HĐQT là người đại diện thay mặt Công ty trong các buổi làm việc hoặc tổ chức sự kiện với lãnh đạo của các cơ quan cấp trên, các ban ngành có liên quan, với các đối tác kinh doanh hoặc khách hàng lớn, khách hàng chiến lược, với cơ quan thông tấn báo chí... Trường hợp không tham dự được, Chủ tịch HĐQT sẽ ủy quyền cho một thành viên HĐQT khác hoặc một thành viên trong Ban Tổng Giám đốc thực hiện. Trường hợp được Chủ tịch HĐQT ủy quyền, sau khi tham dự, người được ủy quyền có trách nhiệm báo cáo lại Chủ tịch HĐQT về nội dung làm việc.
3. Tại các buổi làm việc và tiếp khách quan trọng, người chủ trì quyết định các thành phần khác cùng tham dự, bao gồm các thành viên HĐQT, thành viên Ban Tổng Giám đốc hoặc thành viên BKS được phân công theo dõi mảng công việc có liên quan, các cán bộ quản lý có liên quan.
4. HĐQT chỉ định “**người phát ngôn**” của Công ty. Người phát ngôn của Công ty có quyền và nghĩa vụ nhân danh HĐQT và nhân danh Công ty thực hiện công bố thông tin về tình hình hoạt động của Công ty theo quy định.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 07 chương, 33 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 04 năm 2022.
2. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định có liên quan tới Quy chế này do ĐHĐCĐ Công ty quyết định.
3. Trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này, hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

Ngô Anh Dũng



Tp Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 04 năm 2024

THÔNG BÁO VÀ HƯỚNG DẪN

V/v đề cử, ứng cử bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị/ thành viên độc lập Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Kính gửi: CÁC QUÝ CỔ ĐÔNG

Căn cứ các quy định pháp luật có liên quan;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động năm 2022 (Điều lệ) của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex (Công ty).

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex (Công ty) trân trọng thông báo đến các Quý Cổ đông về việc đề cử, ứng cử bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) / thành viên độc lập HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông thường niên (ĐHĐCĐTN) năm 2024 như sau:

1. Vấn đề bầu bổ sung thành viên HĐQT / thành viên độc lập HĐQT

ĐHĐCĐTN năm 2023 đã thông qua việc miễn nhiệm tư cách thành viên HĐQT đối với ông Đỗ Văn Long và chưa bầu bổ sung nên cho đến thời điểm này, HĐQT hiện có 06 thành viên. Mặc dù không ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của HĐQT nhưng chưa đủ số lượng 07 thành viên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Điều lệ.

Ngoài ra, căn cứ khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán năm 2019 (Luật CK); điểm b khoản 4 Điều 276 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số Điều của Luật Chứng khoán (NĐ số 155) và khoản 1 Điều 28 Điều lệ, Công ty phải bảo đảm tuân thủ cơ cấu về số lượng thành viên độc lập HĐQT nhưng cho đến thời điểm này Công ty chưa có thành viên độc lập HĐQT.

Trong khi đó, theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật DN; khoản 1 Điều 27 Điều lệ, quyền đề cử, ứng cử thành viên HĐQT / thành viên độc lập HĐQT thuộc về quyền của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên.

Vì vậy, Công ty kính đề nghị các cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên thực hiện đề cử, ứng cử thành viên HĐQT / thành viên độc lập HĐQT trình ĐHĐCĐTN năm 2024 và các kỳ ĐHĐCĐTN sắp tới xem xét.

2. Số lượng thành viên HĐQT / thành viên HĐQT độc lập được bầu bổ sung

Tại Đại hội này, số lượng thành viên HĐQT/ thành viên độc lập HĐQT được bầu bổ sung dự kiến là 01 người; số lượng chính thức sẽ được ĐHĐCĐTN năm 2024 thông qua.

3. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT / thành viên độc lập HĐQT

3.1. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT

Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 28 Điều lệ, thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn như sau:

- a) Đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm quản lý trong các lĩnh vực kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- c) Chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

3.2. Tiêu chuẩn thành viên độc lập HĐQT

Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 28 Điều lệ, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan, thành viên độc lập HĐQT phải có các tiêu chuẩn như sau:

- a) Các tiêu chuẩn của thành viên HĐQT như đã nêu tại điểm 3.1 Mục này;
- b) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- c) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- d) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
- e) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
- f) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

4. Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT / thành viên độc lập HĐQT

Căn cứ khoản 1 Điều 27 Điều lệ quy định:

“Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; Từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; Từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; Từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; Và từ 65% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên”.

5. Hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên HĐQT / thành viên HĐQT độc lập

Hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên HĐQT / thành viên HĐQT độc lập bao gồm các tài liệu dưới đây được lập theo mẫu đã đăng tải trong tab Thông tin cổ đông trên website chính thức của Công ty tại địa chỉ: pjtaco.petrolimex.com.vn

- Đơn đề cử, ứng viên thành viên HĐQT / Đơn ứng cử thành viên HĐQT (bản chính);
- Sơ yếu lý lịch tự thuật (bản chính);

- CCCD / Hộ chiếu (bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp).

Hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên HĐQT / thành viên HĐQT độc lập xin gửi về:

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex

Ban Tổng hợp – Nhân sự

Địa chỉ: Tầng 7, số 322 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

6. Thời hạn nhận hồ sơ đề cử/ứng cử HĐQT:

Đề thông báo thông tin ứng cử viên đến các cổ đông theo quy định, đồng thời đề giúp cho Công ty kịp thời lập danh sách ứng cử viên, triển khai các công tác chuẩn bị bầu cử, Công ty mong nhận được hồ sơ đề cử/ứng cử trước **17h30 ngày 19/04/2024**.

7. Lập danh sách ứng viên để trình ĐHĐCĐ:

- Nếu qua thời hạn nhận hồ sơ nêu trên, cổ đông không đề cử, ứng cử đủ số lượng cử viên tối thiểu hoặc ứng cử viên không đảm bảo tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định, HĐQT đương nhiệm sẽ đề cử thêm ứng cử viên theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ Công ty để báo cáo, đề xuất với ĐHĐCĐ.

- Chỉ những hồ sơ đề cử /ứng cử đáp ứng đủ điều kiện đề cử, ứng cử và những ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên HĐQT mới được đưa vào danh sách ứng cử viên công bố tại phiên họp ĐHĐCĐ.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như K/G;

- HĐQT, BKS;

- Đăng web, lưu THNS.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Ngô Anh Dũng



Tp Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Căn cứ các quy định pháp luật có liên quan;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex (Điều lệ);

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên (ĐHĐCĐTN) năm 2024 ngày 23 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị (HDQT) v/v kết quả hoạt động năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024

Chi tiết Báo cáo theo tài liệu đính kèm.

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát (BKS) v/v kết quả hoạt động năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024

Chi tiết Báo cáo theo tài liệu đính kèm.

Điều 3. Thông qua Tờ trình của HDQT v/v một số vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thông qua Báo cáo tài chính Công ty mẹ, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt;

Chi tiết theo tài liệu đính kèm.

2. Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2024

Chi tiết theo tài liệu đính kèm, trong đó:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2024
1	Tổng doanh thu	Đồng	687.364.926.000
2	Tổng lợi nhuận		
2.1	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	20.000.000.000
2.2	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	16.000.000.000
3	Tỷ lệ chia cổ tức	%	Không thấp hơn 6%

3. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2023

Chi tiết theo tài liệu đính kèm, trong đó:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thành tiền
1	Tổng lợi nhuận thực hiện	Đồng	23.417.896.146
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	Đồng	4.915.265.386
3	Lợi nhuận còn lại để phân phối (LNST)	Đồng	18.502.630.760
4	Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước	Đồng	2.313.481.995
5	Tổng lợi nhuận để phân phối năm nay (3 + 4)	Đồng	20.816.112.755
6	Chia cổ tức 8%/VĐL (bằng cổ phiếu)	Đồng	18.432.573.600
7	Quỹ phát triển sản xuất (3,2% LNST 2023)	Đồng	600.000.000
8	Quỹ phúc lợi + Quỹ khen thưởng (8,6% LNST 2023)	Đồng	1.583.539.155
9	Quỹ thưởng Người quản lý (1,1% LNST 2023)	Đồng	200.000.000

4. Thông qua Quyết toán tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT, BKS năm 2023 và phương án thực hiện năm 2024

4.1. Tổng số thù lao, tiền lương và phúc lợi khác của HĐQT và BKS năm 2023 là: **1.498.461.729 đ** (Một tỷ, bốn trăm chín mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm hai mươi chín đồng). Trong đó:

- Thù lao, tiền lương và phúc lợi khác của thành viên HĐQT là **1.267.791.729 đồng**.
- Thù lao của thành viên BKS là **230.670.000 đồng**.

4.2. Phê duyệt phương án chi trả tiền lương, thù lao cho HĐQT, BKS năm 2024.

a. Đối với thành viên HĐQT, BKS làm việc chuyên trách: Được hưởng lương theo Quy chế trả lương, thưởng của Công ty;

b. Đối với thành viên không chuyên trách:

- Thù lao của Chủ tịch HĐQT/Phụ trách HĐQT (nếu không chuyên trách) bằng 20% mức lương của Tổng Giám đốc;

- Thù lao của Thành viên HĐQT và Trưởng BKS bằng 20% mức lương bình quân của các Phó Tổng Giám đốc;

- Thù lao của Thành viên BKS được tính bằng 70% thù lao của thành viên HĐQT.

5. Chấp thuận kể từ năm 2024 cho đến khi ĐHĐCĐ có quyết định khác, các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ giữa Công ty với các bên có liên quan dưới đây theo dự thảo nội dung hợp đồng/giao dịch tại tài liệu ĐHĐCĐ đính kèm, cụ thể:

a. Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex);

b. Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Thương mại Petrolimex (PSC).

c. Các công ty con, công ty liên kết và các bên liên quan khác của hệ thống Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex).

Điều 4. Thông qua Tờ trình của HĐQT v/v Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức

Chi tiết theo tài liệu đính kèm.

Điều 5. Thông qua Tờ trình của BKS v/v lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024

Chi tiết theo tài liệu đính kèm.

Điều 6. Thông qua Tờ trình của HĐQT v/v sửa đổi, bổ sung một số Điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động năm 2022, Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2022, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022

Chi tiết Tờ trình theo tài liệu đính kèm.

Điều 7. Thông qua số lượng bầu bổ sung 01 (một) thành viên HĐQT/ thành viên độc lập HĐQT và danh sách trúng cử thành viên HĐQT/ thành viên độc lập HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 là ông/bà

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký;

2. HĐQT, BKS, BDH chịu trách nhiệm triển khai thực hiện đúng, đầy đủ Nghị quyết này trên cơ sở đảm bảo lợi ích cao nhất của Công ty, các cổ đông và phù hợp với quy định của Điều lệ và pháp luật.

Nơi nhận:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM;
- HĐQT, BKS, BDH;
- Lưu Ban KHĐT, Ban THNS, P. HCNS.

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

Ngô Anh Dũng